

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI
TẠI VIỆT NAM - GPE VNEN

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRIỂN KHAI
MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM**

MÔN TOÁN

LỚP 6

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 7/2015

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	Trang
Phần I	Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp THCS	5
A	Khái quát về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở	5
I	Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới ở Việt Nam	5
II	Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở	6
B	Kế hoạch giáo dục lớp 6 theo mô hình trường học mới	7
I	Khung kế hoạch chung đối với các môn học/HĐGD lớp 6	7
II	Yêu cầu chung về kế hoạch bài học	8
C	Các đặc trưng cơ bản của mô hình trường học mới	10
I	Tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học	10
II	Tổ chức lớp học	20
D	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	44
I	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	44
II	Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo	45
III	Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	46
Đ	Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới cấp THCS	47
I	Mục đích đánh giá	47
II	Nguyên tắc đánh giá	47
III	Nội dung đánh giá	48
IV	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ	48
V	Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng	52

VI	Hồ sơ đánh giá	53
VII	Sử dụng kết quả đánh giá	54
VIII	Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh	54
E	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng "Trường học kết nối"	55
I	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn	55
II	Tham gia các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối”	62
G	Trách nhiệm của các cấp quản lí địa phương trong việc triển khai mô hình trường học mới cấp THCS	96
I	Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo	96
II	Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	97
III	Trách nhiệm của hiệu trưởng	97
Phần II	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá môn... lớp 6 theo mô hình trường học mới	99
I	Vị trí, đặc điểm môn học	99
II	Chương trình môn học	99
II	Hướng dẫn tổ chức hoạt động học theo chủ đề	126

Phần I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI Ở VIỆT NAM

Từ năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình trường học mới đối với cấp tiểu học với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng qua tự học và hoạt động tập thể; phù hợp với điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam, đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục. Qua ba năm triển khai ở cấp tiểu học đã khẳng định trường học mới là một kiểu mô hình nhà trường hiện đại, tiên tiến, phù hợp với mục tiêu đổi mới và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Đến năm học 2014-2015 đã có 1447 trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc có học sinh học hết lớp 5 theo mô hình này. Từ 1447 trường được hỗ trợ qua dự án, đã có nhiều trường tự đảm bảo các điều kiện để triển khai áp dụng mô hình trường học mới. Năm học 2015-2016, cả nước có trên 3700 trường triển khai áp dụng mô hình này.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh THCS học theo mô hình trường học mới, nhất là những học sinh đã học theo mô hình trường học mới cấp tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum) triển khai thực nghiệm thành công mô hình ở 48 lớp 6 của 24 trường THCS

Từ năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực điểm mô hình trường học mới ở lớp 7 tại 6 tỉnh nói trên với các học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 6; đồng thời nhân rộng chương trình lớp 6 ra 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Hiện nay đã có hơn 1600 trường THCS đăng kí tham gia triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 năm học 2015-2016.

II. ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

Mô hình trường học mới THCS được triển khai dựa trên sự phối hợp giữa hoạt động học tập cá thể với sự tương tác học sinh - học sinh và học sinh - giáo viên; hướng học sinh đến sự phát triển toàn diện, không chỉ hoạt động lĩnh hội kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế sinh động, năng lực tự học, kỹ năng sống, tự phục vụ bản thân, tự quản tập thể, bồi dưỡng hứng thú học tập để học tập suốt đời. Mô hình trường học mới THCS chú trọng phát huy năng lực riêng của từng học sinh, không ứng xử một cách đồng loạt bằng cách quan tâm đến từng học sinh ngay trong quá trình học, kịp thời động viên kết quả đạt được, phát hiện những điểm mạnh để khuyến khích, những khó khăn để hướng dẫn, trợ giúp; đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh theo yêu cầu giáo dục, không so sánh học sinh này với học sinh khác. Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới THCS so với mô hình trường học hiện nay là:

1. Hoạt động học của học sinh được coi là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm. Học sinh được khuyến khích, tạo cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động theo nhóm và tự học. Từ đó, các em có thể khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng mới; đồng thời phát triển nhiều phẩm chất và năng lực quan trọng như: tính chủ động, tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập, năng lực tư duy phê phán và tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Giáo viên tận dụng khả năng tổ chức các hoạt động để giúp học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống.
2. Tài liệu hướng dẫn học tập được thiết kế cho học sinh hoạt động, học nhóm, tự học; dùng chung cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Trong tài liệu, cấu trúc các hoạt động học tập theo các chủ đề; cung cấp kiến thức học kết hợp hướng dẫn phương pháp, hình thức học và phương pháp tư duy; nội dung học lồng ghép với các bước của các hoạt động học tập.
3. Giáo viên duy trì một môi trường học tập cởi mở, thân thiện, hiệu quả và đóng vai trò là người hướng dẫn học, quan tâm đến sự khác biệt trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh. Thông qua tổ chức các hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh, góc học tập, góc cộng đồng,... và hoạt động nhóm để hỗ trợ tích cực cho học tập và giáo dục học sinh. Từ đó học sinh được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình;

rèn luyện, phát triển khả năng giao tiếp và lãnh đạo; nâng cao các phẩm chất và phong cách con người.

4. Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình được tham gia vào quá trình giáo dục và các dự án học tập tại cộng đồng.
5. Đánh giá học sinh thường xuyên theo quá trình học tập nhằm kiểm tra và hướng dẫn phương pháp học tập có hiệu quả cho học sinh. Coi trọng việc học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và đánh giá của cha mẹ học sinh, cộng đồng. Kết hợp đánh giá kiến thức, kỹ năng với đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh.
6. Giáo viên có vị trí mới, được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng vai trò quan trọng là người hướng dẫn, tổ chức và quyết định trong các hoạt động học tập, giáo dục, đánh giá học sinh và phối hợp với cha mẹ học sinh và cộng đồng.

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP 6 TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. KHUNG KẾ HOẠCH CHUNG ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỚP 6

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền chủ động cho các trường thực hiện mô hình trường học mới xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD) lớp 6 như sau:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	2	70
5	Giáo dục công dân	1	35

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
6	Công nghệ	2	70
7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; Kỹ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương)	2	70

Tài liệu Hướng dẫn học các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng 2 tuần còn lại để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục học kỳ 1 và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; Hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng.

II. YÊU CẦU CHUNG VỀ KẾ HOẠCH BÀI HỌC

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học trong mô hình trường học mới, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kỹ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Chuỗi hoạt động học của học sinh thể hiện rõ tiến trình sự phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của học sinh theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kỹ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kỹ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng mới; vận dụng kiến thức, kỹ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

Ví dụ: Trong dạy học ở trường THCS, để xây dựng một kiến thức cụ thể cho học sinh, tiến trình hoạt động giải quyết vấn đề được mô tả như sau: đề xuất vấn đề - suy đoán giải pháp - khảo sát lí thuyết và/hoặc thực nghiệm - kiểm tra, vận dụng kết quả.

Theo đó, chuỗi hoạt động học của học sinh phù hợp với tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ bao gồm:

- a) Hoạt động khởi động: Từ nhiệm vụ cần giải quyết, học sinh huy động kiến thức, kĩ năng đã biết và nảy sinh nhu cầu về kiến thức, kĩ năng còn chưa biết, nhưng hi vọng có thể tìm tòi, xây dựng được; diễn đạt nhu cầu đó thành câu hỏi.
- b) Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động luyện tập: Để giải quyết vấn đề đặt ra, học sinh cần phải học lí thuyết hoặc/và thiết kế phương án thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm, thu lượm các dữ liệu cần thiết và xem xét, rút ra kết luận. Kiến thức, kĩ năng mới được hình thành giúp cho việc giải quyết được câu hỏi/vấn đề đặt ra.
- c) Hoạt động vận dụng: Trên cơ sở kiến thức, kĩ năng mới được hình thành, học sinh vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong học tập và cuộc sống hàng ngày.
- d) Hoạt động tìm tòi, mở rộng: Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức thông qua các nguồn tư liệu, học liệu, khác nhau; tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

2. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình tổ chức mỗi hoạt động học của học sinh được thực hiện theo các bước như sau:

- a) Chuyển giao nhiệm vụ: Việc chuyển giao nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau: lời nói trực tiếp của giáo viên; tài liệu, học liệu..., đảm bảo tất cả học sinh quan tâm đến nhiệm vụ đặt ra, sẵn sàng nhận và tự nguyện thực hiện nhiệm vụ học tập.
- b) Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoạt động độc lập, tự chủ, trao đổi, tìm tòi cách thức để vượt qua khó khăn giải quyết nhiệm vụ. Trong quá trình đó, khi cần phải có sự định hướng của giáo viên.
- c) Tranh luận, khái quát hóa, vận dụng tri thức mới: Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh trình bày, tranh luận, bảo vệ sản phẩm học tập đã hoàn thành. Giáo viên bổ sung, chính xác hóa và khái quát hóa kiến thức cho học sinh.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà học sinh đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh.

C. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC VÀ PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC

1. Các loại tài liệu trong mô hình trường học mới

1.1. Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6

Các môn học lớp 6 theo mô hình trường học mới được thiết kế từ các môn học hiện hành trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành với việc tích hợp một số môn học theo định hướng mới: các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học tích hợp thành môn Khoa học tự nhiên; các môn Lịch sử, Địa lý tích hợp thành môn Khoa học xã hội; các môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật tích hợp thành Hoạt động giáo dục. Ngoài các môn ngoại ngữ được thực hiện theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", tài liệu Hướng dẫn học các môn học theo mô hình trường học mới được thiết kế, biên soạn lại trên cơ sở đảm bảo mục tiêu và nội dung của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm:

- Hướng dẫn học Toán lớp 6;
- Hướng dẫn học Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học tự nhiên lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Vật lý, Hóa học và Sinh học lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học xã hội lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Địa lý và Lịch sử lớp 6;
- Hướng dẫn học Công nghệ lớp 6;

- Hướng dẫn học Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn học Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn hoạt động giáo dục lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Âm Nhạc, Mỹ thuật, Thể dục lớp 6.

Như vậy, so với quy định hiện hành, số lượng các môn học trong mô hình trường học mới giảm đi nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS hiện hành, đồng thời khắc phục được sự trùng lặp về nội dung trong nội bộ môn học cũng như trùng lặp giữa các môn học như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học theo các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

1.2. Tài liệu hướng dẫn giáo viên

Tài liệu hướng dẫn giáo viên được biên soạn nhằm giúp giáo viên hiểu rõ hơn về việc tích hợp các nội dung dạy học để xây dựng các chủ đề, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi chủ đề theo tài liệu Hướng dẫn học. Tài liệu hướng dẫn giáo viên gồm có:

- Hướng dẫn giáo viên Toán lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học tự nhiên lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học xã hội lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Công nghệ 6;
- Hướng dẫn giáo viên Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục lớp 6;
- Hướng dẫn phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

2. Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học

2.1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, quá trình dạy học theo mô hình trường học mới, học sinh được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học

tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Về nội dung, tài liệu Hướng dẫn học các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự lực của học sinh. Hoạt động học mỗi chủ đề có thể và cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Hoạt động giáo dục, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

- Về phương pháp dạy học, tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kỹ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, học sinh được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.

- Về đánh giá, mỗi hoạt động học của học sinh được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của học sinh, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của học sinh.

2.2. Mô hình cấu trúc bài học

Trong mỗi bài học của tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD luôn đảm bảo 5 hoạt động cơ bản sau:

a) Hoạt động khởi động

Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

Lưu ý: Nhiệm vụ học tập được giao cho học sinh trong hoạt động "Khởi động" cần đảm bảo rằng học sinh không thể giải quyết trọn vẹn với kiến thức, kỹ năng cũ mà cần phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới trong các hoạt động "Hình thành kiến thức" và "Luyện tập" để hoàn thiện. Có thể hình dung 3 hoạt động này đã đáp ứng đầy đủ mục tiêu dạy học theo chương trình, sách giáo khoa hiện hành, cần đảm bảo cho tất cả học sinh đều thực hiện được.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng đã có của bản thân. Giáo viên sẽ giúp học sinh xây dựng kiến thức, kỹ năng mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức, kỹ năng cũ và mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/khái niệm/công thức mới...

c) Hoạt động luyện tập

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ, làm các bài tập cụ thể giống như các nhiệm vụ, bài tập trong bước hình thành kiến thức, để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, từ đó áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

d) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương

tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần hướng dẫn học sinh tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, học sinh có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

đ) Hoạt động tìm tòi mở rộng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh không bao giờ bằng lòng, thỏa mãn với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học tập, học tập suốt đời. Giáo viên cần khuyến khích học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

Lưu ý: Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" là các hoạt động giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học, giáo viên không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong tài liệu Hướng dẫn học chỉ là những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện, mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành,... để học sinh tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn nhằm vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được trong bài học; tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rõ rằng không được/không nên yêu cầu tất cả học sinh phải thực hiện giống nhau đối với các hoạt động này; sản phẩm học tập của mỗi học sinh/nhóm học sinh trong các hoạt động này có thể không giống nhau.

Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" có bản chất là hoạt động trải nghiệm của học sinh, có thể được thực hiện trong phòng thí nghiệm ở trường, tại viện bảo tàng, các địa danh lịch sử văn hóa hoặc tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng. Trong mỗi bài học, tùy vào nội dung kiến thức, cần gợi ý cho học sinh quan sát, phát hiện những hiện tượng, sự kiện, tình huống, vấn đề có liên quan trong hoạt động sống hàng ngày để vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết. Những hoạt động đó bắt đầu từ các nhiệm vụ học tập như:

- Thực hiện thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của nhà trường để chứng minh cho kiến thức đã học;
- Tìm kiếm tư liệu và minh chứng để chứng minh cho một kiến thức đã học hoặc làm rõ về một sự kiện, một di tích hay một di sản...

- Xác định một vấn đề để báo cáo sau một chuyến tham quan thực tế, đọc một bài văn hay xem một bộ phim khoa học;

- Sáng tác một điệu nhảy, một bài hát, một điệu nhạc; viết và thể hiện một bài thuyết trình; sáng tác và thể hiện một tiểu phẩm;...

- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các tình huống thực tiễn.

2.3. Tổ chức dạy học theo dự án

2.3.1. Quan niệm dạy học dự án

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, báo cáo. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án.

2.3.2. Đặc điểm của dạy học dự án

Trong các tài liệu về dạy học dự án có rất nhiều đặc điểm được đưa ra. Các nhà sư phạm khi xác lập cơ sở lý thuyết cho dạy học dự án này đã nêu ra 3 đặc điểm cốt lõi của dạy học dự án: định hướng học sinh, định hướng thực tiễn và định hướng sản phẩm. Có thể cụ thể hoá các đặc điểm của dạy học dự án như sau:

a) Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội và đời sống. Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của học sinh.

b) Có ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lý tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

c) Định hướng hứng thú học sinh: Học sinh được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của học sinh cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

d) Tính phức hợp: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

đ) Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành.

Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của học sinh.

e) Tính tự lực cao của học sinh: Trong dạy học dự án, học sinh cần tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của học sinh. Giáo viên chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của học sinh và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

g) Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa học sinh và giáo viên cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.

h) Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lý thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

2.3.3. Các dạng của dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dạy học theo dự án:

a) Phân loại theo chuyên môn

- Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.
- Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.
- Dự án ngoài môn học: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.

b) Phân loại theo sự tham gia của học sinh: Dự án cho nhóm học sinh, dự án cá nhân. Dự án dành cho nhóm học sinh là hình thức dự án dạy học chủ yếu.

c) Phân loại theo sự tham gia của giáo viên: dự án dưới sự hướng dẫn của một giáo viên, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều giáo viên.

d) Phân loại theo quỹ thời gian: Có thể phân chia như sau:

- Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2-6 giờ học.

- Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày, nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.

- Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần.

đ) Phân loại theo nhiệm vụ

Dựa theo nhiệm vụ trọng tâm của dự án, có thể phân loại các dự án theo các dạng sau:

- Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.

- Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.

- Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.

- Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng.

2.3.4. Tiến trình thực hiện dạy học theo dự án

Dựa trên cấu trúc của tiến trình phương pháp, người ta có thể chia cấu trúc của dạy học theo dự án làm nhiều giai đoạn nhỏ hơn. Sau đây trình bày một cách phân chia các giai đoạn của dạy học theo dự án theo 5 giai đoạn.

a) *Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án:* Giáo viên và học sinh cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Cần chú ý đến hứng thú của học sinh cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài. Giáo viên có thể giới thiệu một số hướng đề tài để học sinh lựa chọn và cụ thể hoá. Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định đề tài có thể xuất phát từ phía học sinh. Giai đoạn này được mô tả thành hai giai đoạn là đề xuất sáng kiến và thảo luận sáng kiến.

b) *Xây dựng kế hoạch thực hiện:* Trong giai đoạn này học sinh với sự hướng dẫn của giáo viên xây dựng đề cương cũng như kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

c) *Thực hiện dự án*: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này học sinh thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lý thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

d) *Thu thập kết quả và công bố sản phẩm*: Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo,... Trong nhiều dự án các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn một vở kịch, việc tổ chức một sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm học sinh, có thể được giới thiệu trong nhà trường hay ngoài xã hội.

đ) *Đánh giá dự án*: Giáo viên và học sinh đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả của dự án cũng có thể được đánh giá từ bên ngoài. Hai giai đoạn cuối này cũng có thể được mô tả chung thành giai đoạn kết thúc dự án.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án. Giai đoạn 4 và 5 cũng thường được mô tả chung thành một giai đoạn (giai đoạn kết thúc dự án).

Như vậy, dạy học dự án là một hình thức dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc phát triển năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của học sinh. Những đặc trưng và ưu điểm của dạy học dự án rất phù hợp với đặc trưng của mô hình trường học mới THCS.

Đề tận dụng những ưu điểm của dạy học dự án vào mô hình trường học mới THCS, đồng thời giúp học sinh làm quen dần với hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho học sinh trung học, giáo viên bộ môn cần xây dựng một số dự án học tập (tối thiểu 2 dự án/phân môn/lớp), tập trung vào các chủ đề liên môn với nội dung giáo dục liên quan đến các vấn đề thời sự của địa phương, đất nước, ví dụ: Giáo dục đạo đức, pháp luật; Bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn nước; Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống; Giới và bình đẳng giới; An toàn giao thông; Sử

dụng năng lượng hiệu quả; Ứng dụng kiến thức, kỹ năng trong chương trình học vào thực tiễn; ... Trong tài liệu hướng dẫn giáo viên có gợi ý một số dự án dạy học để giáo viên tham khảo xây dựng các dự án dạy học của môn học/HĐGD. Tùy điều kiện thực tế, các bài học theo dự án này được bổ sung vào kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

2.4. Đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học

Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, các sản phẩm học tập được nhận xét, đánh giá, chia sẻ dưới nhiều hình thức. Sau mỗi hoạt động học, học sinh cần phải hoàn thành một sản phẩm học tập, báo cáo với giáo viên để được nhận xét, đánh giá.

- Hình thức đánh giá trong quá trình hoạt động học trên lớp chủ yếu là nhận xét bằng lời, đồng thời gợi ý, hướng dẫn để học sinh tiếp tục hoàn thiện sản phẩm học tập và học tiếp. Khi giáo viên nhận xét bằng lời, cần lưu ý rèn luyện cho học sinh thói quen ghi chép lại những lời nhận xét đó vào vở để hoàn thiện sản phẩm học tập, đồng thời để sử dụng trong quá trình ôn tập về sau.

- Đối với một số học sinh đặc biệt (học sinh có quá trình hoạt động học và đạt được kết quả tốt hoặc học sinh còn yếu, kém) thì giáo viên có thể ghi trực tiếp những lời nhận xét, đánh giá và vở của học sinh, để vừa động viên, nhắc nhở học sinh, vừa phối hợp với gia đình trong việc động viên, giúp đỡ học sinh tiến bộ.

- Trong các hoạt động học, nhất là hoạt động "Luyện tập", sản phẩm học tập của học sinh có thể là kết quả thí nghiệm; câu trả lời cho các câu hỏi định tính; lời giải cho các bài tập định lượng; lời lập luận, giải thích cho các ứng dụng thực tiễn..., giáo viên có thể nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành đồng thời gợi ý, định hướng để học sinh tiếp tục hoàn thiện. Trong giai đoạn đầu, khi học sinh chưa quen với việc chỉ được đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, giáo viên cũng có thể cho điểm kèm theo để học sinh biết được mức độ hoàn thành bài luyện tập của mình. Tuy nhiên, cần thông báo cho học sinh biết điểm này sẽ không sử dụng khi đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học. Kết quả học tập môn học được ghi nhận theo hướng dẫn trong mục D.

- Ngoài việc được đánh giá, nhận xét, các sản phẩm học tập của học sinh, bao gồm sản phẩm hoạt động học trên lớp và nhất là các sản phẩm học tập ở nhà và cộng đồng (Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng), các dự án học tập... cần được chia sẻ cho đông đảo học sinh trong lớp bằng nhiều hình thức như: tổ chức báo cáo và thảo luận trên lớp; đưa vào góc học tập, góc thư viện; giao nhiệm vụ cho học sinh trong lớp tìm đọc, lựa chọn và nhận xét các sản phẩm học tập của bạn...

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của học sinh trong học tập trong lớp, trong trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các học sinh với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên - học sinh, học sinh - học sinh, gia đình - nhà trường - xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

II. TỔ CHỨC LỚP HỌC

1. Số lượng học sinh/lớp và số buổi học/tuần

1.1. Số lượng học sinh/lớp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGiáo dục và Đào tạo ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tối đa là 45 học sinh/lớp. Khuyến khích các trường tùy theo điều kiện thực tế giảm sĩ số học sinh/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới.

1.2. Chương trình dạy học theo mô hình trường học mới THCS được thiết kế cho đối tượng học sinh học 1 buổi/ngày. Khuyến khích các trường dạy hơn 6 buổi/tuần bằng các biện pháp tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài lớp học. Việc tổ chức dạy học hơn 6 buổi/tuần cho các lớp học mô hình trường học mới (nếu có) được vận dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách phù hợp.

2. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời gian trước mắt, việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lí, Hóa học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lý trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong môn Hoạt động giáo dục) do giáo viên bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để Hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên thực hiện, nếu có chủ đề chung của các phân môn thì phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy. Thông qua việc triển khai thí điểm mô hình trường học mới và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được bồi dưỡng để tiến tới mỗi giáo viên có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học.

3. Về bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các lớp học theo mô hình trường học mới cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ... để tổ chức các hoạt động học tập. Căn cứ vào tiến trình dạy học của từng chủ đề cụ thể theo tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD, giáo viên đăng kí sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ..., đồng thời động viên giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho học sinh.

4. Tổ chức các hoạt động học của học sinh

4.1. Các hình thức hoạt động học của học sinh

a) *Hoạt động cá nhân*: Loại hoạt động này yêu cầu học sinh thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của học sinh. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. Giáo viên cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của học sinh sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kỹ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) *Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm*: Loại hoạt động này nhằm giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) *Hoạt động chung cả lớp*: Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông học sinh, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe giáo viên hướng dẫn chung; nghe giáo viên nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; học sinh luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, giáo viên tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) *Hoạt động với cộng đồng*: Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của học sinh trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn

như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương, tham gia các dự án cộng đồng...

4.2. Tiến trình hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo mô hình trường học mới, học sinh ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào học sinh cũng hoạt động theo nhóm. Học sinh vẫn phải làm việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và của thiết kế hoạt động của giáo viên.

a) *Làm việc cá nhân*: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp học sinh có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, học sinh có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ giáo viên hỗ trợ.

b) *Làm việc theo cặp (2 học sinh)*: Tùy theo hoạt động học tập, có lúc học sinh sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. Giáo viên lưu ý cách chia nhóm sao cho không học sinh nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, giáo viên phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả học sinh đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp học sinh tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

c) *Làm việc chung cả nhóm*: Trong các giờ học của trường học mới luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi học sinh tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một

cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó; hoặc là học sinh trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng;... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này dễ phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là phải giúp học sinh cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

d) *Làm việc cả lớp*: Khi học sinh có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều học sinh không thể vượt qua, giáo viên có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. Lưu ý rằng những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc nào: cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, giáo viên cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, giáo viên có sự thay đổi, ứng dụng linh động và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho học sinh.

Cần tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt học sinh theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng trong khi hầu hết học sinh đã hiểu và làm được; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ; cho học sinh giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt...

4.3. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, giáo viên. Cụ thể là:

a) *Cá nhân*: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của giáo viên; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của giáo viên.

b) *Nhóm trưởng*: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn; thay mặt nhóm để liên hệ với giáo

viên và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm; điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

c) *Thư kí của nhóm*: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn, giáo viên có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo giáo viên. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm thư kí.

4.4. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhóm

- Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp giáo viên triển khai các hoạt động học tập.

- Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

- Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn giáo viên.

- Giúp đỡ học sinh, gợi mở để học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, giáo viên có thể gọi học sinh còn yếu; khi cần biểu dương khích lệ học tập, giáo viên có thể gọi học sinh khá giỏi thay mặt nhóm để báo cáo; giao thêm nhiệm vụ cho những học sinh hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...).

- Vừa hướng dẫn học tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định học sinh phát biểu, trình bày báo cáo ... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng học sinh, không tập trung vào một số học sinh trong lớp, trong nhóm.

- Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. Học sinh hoặc nhóm học sinh đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ giáo

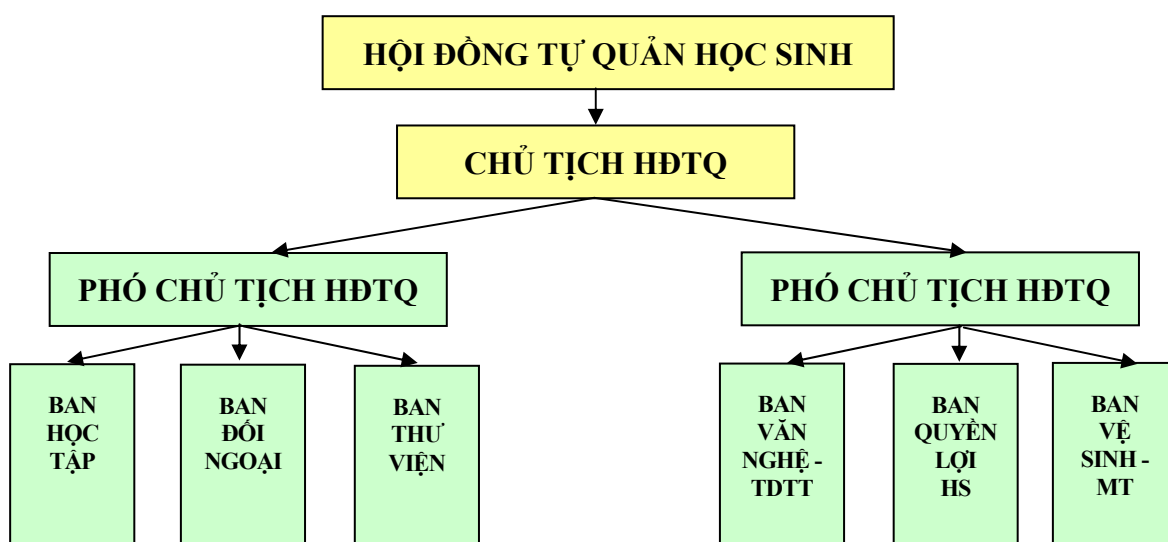
viên giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

- Việc trợ giúp học sinh cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lý, linh hoạt để trợ giúp cho học sinh. Cần huy động được sự trợ giúp của học sinh khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp học sinh và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

5. Hội đồng tự quản học sinh

5.1. Giới thiệu về Hội đồng tự quản học sinh

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng tự quản học sinh như sau:



Hội đồng tự quản học sinh là một tổ chức của học sinh, do học sinh thành lập ở từng lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính các em đồng thời quản lý, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó; bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường và phát triển lòng khoan dung, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết cho học sinh.

Tổ chức Hội đồng tự quản học sinh là một biện pháp giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển về đạo đức, tình cảm và xã hội của học sinh thông qua những kinh nghiệm hoạt động thực tế của học sinh trong nhà trường và mối quan hệ với những người xung quanh.

Tham gia Hội đồng tự quản học sinh, học sinh sẽ có những tiến bộ rõ rệt về khả năng tự ý thức, lòng tự trọng, tính tự tin, các hành vi cư xử tôn trọng và bình đẳng giữa

học sinh nam và học sinh nữ; phát triển kỹ năng ra quyết định, kỹ năng hợp tác và kỹ năng lãnh đạo đồng thời cũng chuẩn bị cho các em ý thức trách nhiệm khi thực hiện những quyền và bổn phận của mình.

5.2. Quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh

a) Chuẩn bị thành lập Hội đồng tự quản học sinh

Quá trình tiến hành thành lập Hội đồng tự quản học sinh nhất thiết phải có sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh với vai trò là người cố vấn khích lệ, hỗ trợ, giám sát và cung cấp nguồn lực cho các em. Giáo viên chủ nhiệm cần thông báo trước cho cha mẹ học sinh về việc thành lập Hội đồng tự quản học sinh để bất kỳ mối lo ngại, băn khoăn nào cũng sẽ được nêu lên ngay từ đầu chứ không phải trong một vài tuần đầu khi Hội đồng tự quản học sinh đã đi vào hoạt động, bởi vì những tuần đầu tiên là thời điểm mà hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh dễ bị “trục trặc” nhất. Giáo viên chủ nhiệm cũng phải chuẩn bị để thích ứng dần với vai trò hỗ trợ, định hướng của mình, khi học sinh được tin tưởng trao quyền chủ động hơn.

Học sinh nên được tạo cơ hội thảo luận cùng nhau về các vấn đề thế nào là Hội đồng tự quản học sinh? Mục đích thành lập Hội đồng tự quản học sinh là gì? Vì sao học sinh nên tham gia Hội đồng tự quản học sinh? Những lợi ích có thể có của Hội đồng tự quản học sinh tới cuộc sống của chính các em trong nhà trường? Những vai trò, trách nhiệm mà các em sẽ gánh vác?

Giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh trao đổi về kế hoạch hoạt động (nội dung, cách thức hoạt động) của Hội đồng tự quản học sinh; các ban chuyên trách có thể thành lập và nhiệm vụ của các ban; tiêu chuẩn học sinh được tham gia vào các ban; kế hoạch bầu cử,...

b) Tiến hành sinh hoạt tập thể để tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh

b1. Hoạt động chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi đã hoàn thành bước chuẩn bị về tư tưởng cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thảo luận về cơ cấu của Hội đồng tự quản học sinh. Thông thường là 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch. Tuy nhiên, số lượng phó chủ tịch có thể khác nhau tùy vào đặc điểm của từng lớp. Với sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm, học sinh trao đổi về những phẩm chất, năng lực cần có của các bạn trong Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý sử dụng những ngôn từ đơn giản, dễ hiểu cho học sinh.

Sau đó, học sinh lập danh sách ứng cử (những học sinh tự nguyện đăng kí) và danh sách đề cử (những bạn được các bạn khác tín nhiệm giới thiệu).

Học sinh tiến hành bầu ban kiểm phiếu gồm trưởng ban và một số các thành viên tùy vào số lượng học sinh của lớp. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý hướng dẫn kĩ cách làm việc của ban kiểm phiếu: chuẩn bị phiếu bầu (có thể phải có dấu hiệu gì đó để đảm bảo là phiếu của ban kiểm phiếu phát ra như chữ kí của trưởng ban kiểm phiếu hay của giáo viên chủ nhiệm), cách ghi phiếu bầu, kiểm phiếu bầu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Các ứng viên sẽ có thời gian để chuẩn bị phần tranh cử của mình. Đây là một hoạt động quan trọng nhằm tạo điều kiện cho học sinh được cảm thấy sự dân chủ, công bằng, bình đẳng và được học cách thuyết trình trước đám đông. Học sinh có thể nhờ tới sự tư vấn, hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các bạn học trong việc chuẩn bị tranh cử. Bài tranh cử của học sinh cần có những nội dung như: Giới thiệu về bản thân, những mong muốn của em về lớp học, những việc em sẽ làm nếu em trở thành Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh,... Những lời hứa này phải khả thi.

Với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, một học sinh sẽ được hướng dẫn trước để điều khiển quá trình bầu cử.

b2. Tổ chức bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Việc tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh cần được tiến hành đúng quy trình, dân chủ, tự nguyện và hấp dẫn như một ngày hội.

- Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh:

Học sinh điều khiển quá trình bầu cử thông qua nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh và tiêu chuẩn nhân sự.

Các ứng viên sẽ lần lượt tranh cử bằng các bài thuyết trình đã được chuẩn bị trước. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý không để học sinh cầm giấy đọc mà để các em chủ động thể hiện khả năng thuyết trình của mình.

Sau khi các ứng viên đã thuyết trình xong, ban kiểm phiếu làm việc (phát phiếu bầu, thu phiếu, kiểm phiếu). Các học sinh có số phiếu cao nhất từ trên xuống sẽ trúng cử vào vị trí Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh ra mắt cả lớp.

- Thành lập các ban chuyên trách:

Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh giới thiệu với cả lớp về mục đích thành lập các ban chuyên trách như: Ban học tập; Ban thư viện; Ban văn nghệ, thể thao; Ban đối ngoại; Ban vệ sinh; Ban hoà giải,... và nhiệm vụ của mỗi ban.

Sau khi cả lớp đã thống nhất và quyết định thành lập một số ban nào đó trong lớp, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch cho các bạn trong lớp tự nguyện đăng kí tham gia các ban. Nên khuyến khích mỗi học sinh trong lớp đều tham gia ít nhất một ban. Với những học sinh không đăng kí tham gia một ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể dành thời gian để tìm hiểu sở thích, nguyện vọng của các em đó để tư vấn đúng hướng hoặc nhờ tới sự trợ giúp của cha mẹ học sinh và các bạn trong lớp. Trong trường hợp vẫn còn một số học sinh do nhút nhát không tự đăng kí vào bất cứ ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể thành lập riêng một ban dành cho các em và gọi là Ban hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm cần trực tiếp hỗ trợ, động viên và tổ chức cho học sinh, cho cha mẹ học sinh giúp đỡ từng em trong Ban, tạo điều kiện cho từng em làm giúp thầy cô một số công việc trên lớp để các em mạnh dạn dần, đến khi các em chủ động đăng kí vào một ban nào đó.

Sau khi học sinh đã đăng kí xong vào các ban, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh cùng giáo viên chủ nhiệm thống nhất danh sách các ban, có thể vận động một số học sinh chuyển sang ban khác nếu cần thiết để có sự điều chỉnh hợp lí đối với từng ban. Tiếp theo, các ban sẽ tổ chức bầu Trưởng ban. Dưới sự điều khiển của Trưởng ban, các thành viên cùng lập kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc tất cả các thành viên trong ban cùng tham gia hoạt động. Để giúp các ban hoạt động hiệu quả, mỗi ban nên có sự hỗ trợ, tư vấn của cha mẹ học sinh và giáo viên chủ nhiệm. Lưu ý là ở mỗi ban, các học sinh trong ban có nhiệm vụ đề xuất hoạt động và theo dõi việc thực hiện hoạt động đề ra. Các hoạt động này không phải chỉ do các bạn trong ban thực hiện mà cần có sự tham gia của học sinh cả lớp. Do vậy, quá trình thực hiện các hoạt động cũng giúp bản thân học sinh tự hiểu được mình phù hợp với ban nào và giúp giáo viên chủ nhiệm tư vấn đúng cho học sinh trong việc chuyển đổi ban. Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh phân công các Phó chủ tịch nhận trách nhiệm phụ trách các ban trong lớp theo khả năng và nguyện vọng của các Phó chủ tịch.

Một số lưu ý:

- Hội đồng tự quản học sinh có thể thay đổi để đảm bảo tất cả học sinh trong lớp đều có cơ hội được tham gia và trải nghiệm. Thời gian thay một hay toàn bộ các thành viên nòng cốt tùy thuộc vào tình hình mỗi lớp học. Giáo viên chủ nhiệm cần nói rõ điều này ngay từ đầu để tránh cho học sinh khỏi những cảm xúc tiêu cực khi không được tham gia các vai trò quan trọng nữa.

- Nhìn chung, quá trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh nên cố gắng bám sát thực tiễn bầu cử của đất nước và địa phương để giúp học sinh hiểu được quá trình bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Trong quá trình thành lập, giáo viên chủ nhiệm nên

khuyến khích học sinh có những biện pháp, ý tưởng mới của chính các em. Học sinh và giáo viên chủ nhiệm cùng tổ chức quá trình bầu cử. Cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng có thể được mời tham gia với tư cách quan sát viên.

5.3. Tăng cường năng lực cho Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi Hội đồng tự quản học sinh của lớp được thành lập, giáo viên chủ nhiệm cần bồi dưỡng những kĩ năng hoạt động cần thiết cho Hội đồng tự quản học sinh, các kĩ năng cần có của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban.

Để Hội đồng tự quản học sinh hoạt động có hiệu quả, giáo viên chủ nhiệm nên vận dụng kinh nghiệm của bản thân, của đồng nghiệp để hướng dẫn tổ chức hoạt động cho Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm có thể thực hiện những công việc sau:

- Họp với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban để giúp các em lập kế hoạch hoạt động cho từng ban một các thực tế và khả thi.

- Thường xuyên rút kinh nghiệm về nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh với sự tham gia của học sinh và cha mẹ học sinh trong lớp.

- Thường xuyên giám sát, hỗ trợ Hội đồng tự quản học sinh, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều học sinh mạnh dạn tham gia ứng cử vào Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm nên chủ động thực hiện các hoạt động mẫu để hướng dẫn các em làm quen và dễ dàng thực hiện; cần kiên trì hướng dẫn, trân trọng từng hoạt động của học sinh.

- Luôn làm mới Hội đồng tự quản học sinh về nội dung và cơ cấu tổ chức nhân sự, mỗi năm học cần kiện toàn tổ chức Hội đồng tự quản học sinh ít nhất 2 lần.

- Theo dõi, đánh giá học sinh và ghi nhật kí đánh giá. Thực hiện đánh giá và khen thưởng kịp thời cuối học kì, cuối năm học và khen thưởng đột xuất với những cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả tốt cho Hội đồng tự quản học sinh.

5.4. Một số hoạt động do Hội đồng tự quản học sinh tổ chức

Để Hội đồng tự quản học sinh biết cách chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục và các sinh hoạt vui chơi khác, bên cạnh các công cụ hỗ trợ trong lớp học, giáo viên cần giới thiệu cho học sinh một số hoạt động và hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động đó để các em có thể thực hiện tốt vai trò “tự quản” của mình. Căn cứ vào nội dung học tập, vui chơi và tình hình lớp học, Hội đồng tự quản học sinh dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ lựa chọn các hoạt động phù hợp và tổ chức một cách có hiệu

quả các hoạt động học tập, hoạt động hỗ trợ quá trình học tập, hoạt động vui chơi... tránh hình thức và lặp đi lặp lại quá nhiều.

Một số hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh đã được thử nghiệm và khẳng định là hữu ích cho công tác quản lý ở lớp học, trường học bao gồm:

a) Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động quản lý lớp học

- *Mục đích:* Hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm về quản lý lớp học; quản lý các hoạt động vui chơi; tổ chức các hoạt động nhóm; tự tổ chức các hoạt động giáo dục; truyền đạt ý kiến phản ánh của học sinh trong lớp. Những hoạt động trên giúp học sinh phát triển sự tự giác, chủ động khi tham gia các hoạt động của lớp; tạo cơ hội cho học sinh cảm nhận được mình là một phần của tập thể và có trách nhiệm để tập thể đó hoạt động và phát triển tốt; phát huy sự sáng tạo và để các học sinh có điều kiện được hỗ trợ lẫn nhau.

- *Cách tiến hành:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh trong lớp về việc các em sẽ tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động của lớp. Chủ tịch, Phó chủ tịch với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và các Trưởng ban xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và trao đổi về các hoạt động dự kiến sẽ thực hiện với cả lớp. Khi Kế hoạch hoạt động đã được cả lớp nhất trí thông qua, Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh sẽ họp với Phó chủ tịch và các Trưởng ban để phân công nhiệm vụ cho từng ban theo dõi, quản lý, sử dụng các công cụ hỗ trợ đã được xây dựng và đang có trong lớp. Ví dụ:

- + Ban Kỷ luật chịu trách nhiệm về bảng theo dõi sĩ số và việc thực hiện nội quy của lớp. Trưởng ban cần tổng hợp tình hình và báo cáo hằng tuần trước lớp.
- + Ban Học tập chịu trách nhiệm định kì hằng tuần hoặc hằng tháng chia sẻ thông tin trước cả lớp về các lĩnh vực mà các bạn học sinh trong lớp đạt thành công hay tiến bộ, những vướng mắc cần sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm hoặc cha mẹ học sinh. Trưởng ban sẽ thay mặt cả lớp trình bày về điều này trong cuộc họp cha mẹ học sinh.
- + Ban Đối ngoại phụ trách việc bảo quản và thống kê cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi đi thăm một nơi nào đó. Ban đối ngoại có thể viết một bản tin định kì để công bố những thông báo hay kết luận quan trọng về các hoạt động được liệt kê trong Sổ ghi chép khách tham quan. Những thông tin này vừa được lưu giữ làm kỉ niệm, vừa là cơ sở cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm có những cân nhắc điều chỉnh cũng như là cơ hội cho học sinh lưu ý vào những điều hay khi mình đến thăm một nơi nào

đó. Đây còn là cơ sở để phục vụ cho các dự án nghiên cứu của học sinh sau này để huy động cộng đồng tham gia.

Thời gian đầu, giáo viên chủ nhiệm nên hướng dẫn chi tiết và theo dõi cụ thể, thường xuyên các ban hoạt động. Dần dần, giáo viên chủ nhiệm giảm bớt sự kiểm soát và để các nhóm chủ động hoạt động. Thành viên của các ban có thể luân phiên thay đổi để đảm bảo tất cả các học sinh đều được tham gia vào các hoạt động quản lý lớp học.

b) Tổ chức xây dựng, quản lý sử dụng và phát triển góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bản đồ cộng đồng (được thể hiện chi tiết trong ở mục 6).

c) Công nhận những đức tính tốt

- *Mục đích:* Đây có thể coi là một cách “giáo dục đạo đức” một cách tự nhiên và thú vị. Hoạt động này tạo điều kiện cho học sinh tìm kiếm và nhìn vào những đức tính tốt, những điều hay từ phía bạn học để khích lệ động viên bạn tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp đó, đồng thời cũng là cơ hội để học sinh cả lớp cùng học tập những đức tính tốt. Đây còn là cơ hội cho học sinh được chia sẻ, gần gũi nhau hơn, góp phần tạo không khí thân thiện trong lớp.

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Cả lớp hoặc các tổ, nhóm ngồi theo vòng tròn. Giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ bìa. Các em sẽ viết tên của mình lên tờ bìa đó.

Bước 2: Học sinh chuyển tờ bìa cho bạn ngồi bên phải mình. Khi nhận được tờ bìa ghi tên một bạn nào đó, học sinh ghi một điểm tích cực của bạn đó vào tờ bìa. Cứ như vậy, các tờ bìa sẽ được chuyển hết một vòng. Cần lưu ý đảm bảo rằng, mỗi học sinh đều nhận được lời nhận xét tích cực của tất cả các bạn trong nhóm. (Lưu ý: Nên tránh những lời nhận xét về hình thức bề ngoài, xã giao hay cách ăn mặc mà nên nhận xét về tính cách, thái độ, khả năng học tập,... của bạn mình).

Khi học sinh nhận lại được tờ bìa của mình, các em sẽ đọc và nếu được, một số em sẽ chia sẻ những lời ghi trong tờ bìa với cả lớp.

Những tờ bìa này có thể được lưu giữ lại để chia sẻ cùng cha mẹ học sinh vào buổi họp cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh có thể viết thêm vào các đức tính tốt đẹp của con em mình. Điều này sẽ tạo được sự hào hứng của học sinh cũng như sự phấn khởi của cha mẹ học sinh và tăng thêm sự gắn kết giữa cha mẹ học sinh và lớp học.

Hoạt động này có thể được tổ chức sau mỗi một học kỳ để học sinh thấy được sự cố gắng được ghi nhận của mình trong một giai đoạn và sẽ tiếp tục phát huy những đức tính tốt ở học kỳ tiếp theo.

d) Xây dựng nội quy nhà trường

- Mục đích: Tạo cho học sinh cảm giác trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của trường mình, qua đó giúp học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- Cách xây dựng: Trường cần tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của trường mình nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác.

Các lớp có thể tổ chức thảo luận trong lớp, sau đó cử đại diện dự buổi họp chung toàn trường để thảo luận, xây dựng nội quy của trường. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh và từng lớp học.

- Cách sử dụng: Các bản nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp dễ bị hư hỏng do va chạm. Nhà trường và mỗi lớp cũng nên có một ban lo nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện nội quy của lớp mình.

Ở một số địa phương, tại các lớp học ít học sinh, bảng nội quy còn thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

đ) Ngày hội thành tựu

- Mục đích: Tạo cơ hội cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức cộng đồng cùng gặp nhau trong một ngày để công bố các thành tích và sự tiến bộ học tập của học sinh sau một năm học, đồng thời tham gia vào các hoạt động văn hoá và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa đối với nhà trường và cộng đồng. Đây là những cuộc gặp mặt rất quan trọng để tăng cường sự giao tiếp trao đổi giữa những người tham gia, trình bày và đưa ra các dự án, các kết quả và thành tích đạt được, các chương trình hành động tương lai có lợi cho cộng đồng và xây dựng tinh thần tôn trọng giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương.

- *Cách tổ chức*: Nhà trường, giáo viên, học sinh cùng cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng cùng bàn bạc về nội dung và hình thức tổ chức Ngày hội thành tựu. Có thể đan xen vào ngày hội một số hoạt động:

+ Báo cáo các thành tích của học sinh.

+ Các hoạt động văn hoá đặc sắc của địa phương.

+ Sự giao lưu từ cộng đồng.

+ Những dự án tiếp theo có lợi cho học sinh và cộng đồng và cần sự phối hợp của cộng đồng và cha mẹ học sinh...

Ngày hội thành tựu nên được tổ chức một năm một lần để đảm bảo sự liên kết thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Những vấn đề cơ bản về quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh và hướng dẫn được học sinh thành lập Hội đồng tự quản học sinh của lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

6. Không gian lớp học trong mô hình trường học mới

6.1. Khái quát về không gian lớp học mô hình trường học mới

Trong các lớp học theo mô hình trường học mới, cần bố trí một số không gian và tài liệu được giáo viên và Hội đồng tự quản học sinh sử dụng hàng ngày/tuần/tháng để phục vụ quá trình học tập tại lớp và tạo ra các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập và các sinh hoạt tập thể khác như: Góc học tập; Góc sáng tạo; Góc thư viện; Góc cộng đồng; Hòm thư “nhịp cầu bè bạn”; Hòm thư “điều em muốn nói”; Sổ đối nội, đối ngoại; Nhật kí cha mẹ học sinh;... (Gọi chung là công cụ hỗ trợ)

Học sinh cần được hướng dẫn sử dụng chúng để tham gia vào các hoạt động của lớp, giúp các em phát triển sự đam mê, sự sáng tạo, hình thành nhân cách và các kĩ năng hợp tác trong học tập; qua đó, giáo viên chủ nhiệm có thể phát hiện và nuôi dưỡng các tiềm năng, giải đáp những băn khoăn, lo lắng.

Học sinh sử dụng các không gian và tài liệu đó dựa trên vốn hiểu biết của mình, có thể có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, để chúng phát huy tác dụng trong việc quản lí, tổ chức, thúc đẩy quá trình học tập. Đây không phải là những hoạt động mang tính cạnh tranh mà là sự hỗ trợ lẫn nhau học tập trong một môi trường lớp học thân thiện. Giáo viên chủ nhiệm nên chú ý động viên các em tham gia và bên cạnh việc hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm nên tạo ra những thách thức mới để gây hứng thú và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em.

Giáo viên chủ nhiệm lưu ý trao đổi cùng cha mẹ học sinh và học sinh để xây dựng và sử dụng các không gian và tài liệu phù hợp nhất với điều kiện của lớp, để phục vụ có hiệu quả cho học tập và các hoạt động của lớp, tránh việc xây dựng và sử dụng một cách máy móc, hình thức.

Tùy không gian lớp học mà giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn Hội đồng tự quan học sinh lựa chọn và xây dựng số công cụ hỗ trợ phù hợp. Tránh tình trạng làm hình thức hoặc làm phức tạp cho không gian lớp học.

6.2. Một số công cụ hỗ trợ đã được thử nghiệm và có tác dụng tốt cho hoạt động học và công tác quản lí ở lớp học, trường học mới

a) Bảng theo dõi sĩ số

- *Mục đích:* Bảng này được thiết kế để theo dõi sĩ số của các em học sinh. Công cụ này như một bảng đánh giá cá nhân hoặc cho tập thể theo tuần, tháng hoặc theo kì. Bảng theo dõi sĩ số giúp học sinh phát triển tính tự giác, đi học đúng giờ và có tinh thần trách nhiệm trong học tập đồng thời xây dựng cho các em ý thức được đi học là một quyền lợi đặc biệt, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. học sinh cần có được cảm giác thoải mái, vui vẻ khi đi học.

- *Cách xây dựng:* Có thể làm bảng chung của cả lớp hoặc theo nhóm. Trên bảng cần có tên của học sinh, ngày tháng và các ô tương ứng. Giáo viên chủ nhiệm cùng bàn bạc với học sinh hình thức điền vào ô như điền tên, tích, cắm cờ hoặc dán những hình ảnh yêu thích của mình. Bảng nên thay đổi theo tháng để tạo sự hứng thú cho học sinh.

- *Cách sử dụng:* Mỗi học sinh khi đến lớp sẽ tự động điền vào phần ô tương ứng với ngày đi học. Để học sinh chủ động làm việc này, thay vì trưởng nhóm hoặc trưởng ban, sẽ tạo hứng thú cho các em. Học sinh mong đến trường để tự mình ghi thêm thành tích chuyên cần cho mình. Vào cuối tuần, đại diện các nhóm sẽ có một bản báo cáo ngắn gọn gửi giáo viên chủ nhiệm.

b) Sổ nhật kí học tập và tham gia hoạt động của học sinh

- *Mục đích:* Cuốn sổ này giúp học sinh có ý thức hơn và cố gắng nhiều hơn trong việc học tập và tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học, trường học. Việc thường xuyên chia sẻ thông tin trong cuốn sổ còn là hình thức khuyến khích và ghi nhận những thành tích của học sinh. Đây còn là công cụ giúp việc liên lạc, trao đổi với cha mẹ học sinh được thường xuyên và tốt hơn.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh và học sinh về mục đích của cuốn sổ. Học sinh sẽ tự chuẩn bị và trang trí cuốn sổ riêng của mình. Giáo viên chủ nhiệm chỉ lưu ý nhắc nhở các em về kích thước để không gây khó khăn trong việc bảo quản, cất giữ.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm giải thích rõ cho học sinh về việc dùng cuốn sổ để ghi lại thành tích học tập (có thể là điểm số, những lời nhận xét tích cực của giáo

viên chủ nhiệm và các bạn học về việc học tập, những sản phẩm học tập có thể đính kèm...) và kết quả hoạt động học tập xuất sắc của mình. Cuốn sổ này cũng mang tính cá nhân và không nhất thiết là phải đem so sánh với bất kì ai.

c) Hộp thư cá nhân

- *Mục đích:* Tạo cơ hội cho giáo viên chủ nhiệm và học sinh trong lớp trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa học sinh với học sinh và giữa học sinh với giáo viên. Hộp thư cá nhân giúp hình thành cho học sinh thói quen quan tâm, chia sẻ với mọi người; rèn luyện học sinh biết tôn trọng sự riêng tư của bạn. Công cụ này còn là cách để giáo viên chủ nhiệm động viên, khích lệ học sinh, hiểu được học sinh hơn.

- Cách xây dựng

- Bước 1: Giáo viên chủ nhiệm cho mỗi học sinh tự tạo một hộp thư nhỏ từ các vật dụng như hộp các-tông nhỏ, giấy bìa, tranh ảnh, giấy màu, giấy trắng,... giáo viên chủ nhiệm để học sinh tự vẽ, cắt dán, trang trí những hình ảnh các em yêu thích, không nên làm đồng loạt giống nhau. Trên mỗi hộp thư cá nhân có tên của học sinh. Công việc này cũng có thể thực hiện ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý học sinh về kích cỡ tối đa cho mỗi hộp thư cá nhân.
- Bước 2: Cùng gắn những hộp thư cá nhân của cả lớp tại một vị trí, hoặc chia thành các nhóm. Lưu ý gắn ở vị trí thuận tiện, vừa tầm để đảm bảo tất cả các học sinh dễ tham gia và sử dụng.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm cùng trao đổi với học sinh về tác dụng của hộp thư cá nhân; giải thích cho học sinh thấy mỗi cá nhân trong lớp đều nên có một hộp thư riêng. Bất cứ điều gì các em muốn chia sẻ, trao đổi với bạn hoặc thầy cô giáo, các em có thể viết thư và bỏ vào hộp thư riêng của bạn/thầy cô giáo. Các em có thể đề tên của mình trong thư hoặc không. Giáo viên chủ nhiệm nên sử dụng hộp thư cá nhân để khích lệ, động viên, góp ý với học sinh mà không làm các em xấu hổ trước lớp. Giáo viên chủ nhiệm cũng có thể bỏ vào hộp thư cá nhân của các em những bài tập theo đúng trình độ để tăng thêm hứng thú học tập cho các em.

Giáo viên chủ nhiệm nên dành thời gian vào các giờ nghỉ giải lao hay các buổi sinh hoạt tập thể để học sinh viết thư cho nhau. Giáo viên chủ nhiệm nên thường xuyên sử dụng hộp thư này để tạo phong trào và hình thành dần thói quen trong lớp. Lưu ý: Hộp thư tuy của cá nhân nhưng không nên dán kín hay "bảo mật" vì các em luôn cần được giáo dục, rèn luyện tính trung thực, lòng tự trọng, không tự ý xem thư của người khác.

d) Hộp thư "Điều em muốn nói"

- *Mục đích:* Đây là công cụ giúp học sinh được bày tỏ ý kiến của mình. Những ý kiến của học sinh có thể là những tình cảm, cảm nhận, mong muốn, đề nghị hoặc bất cứ điều gì các em muốn nói về thầy cô, bạn bè, cha mẹ, nhân viên phục vụ, điều kiện học tập – sinh hoạt và các hoạt động vui chơi,... mà các em không thể hoặc chưa dám nói trực tiếp. Qua hộp thư này, người lớn (thầy cô, cha mẹ,...) sẽ có điều kiện hiểu các em nhiều hơn, đồng thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục, sinh hoạt sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, công cụ này còn có ý nghĩa giúp các em nhận biết mình là một thành viên của nhà trường, quyền cơ bản của trẻ được tạo điều kiện thể hiện (quyền được học tập – quyền được vui chơi – quyền được tham gia ý kiến,...). Từ đó, các em có ý thức, tự giác và chủ động khi tham gia các hoạt động của chính các em.

- *Cách xây dựng:* Hộp thư có thể được làm bởi cha mẹ học sinh hoặc giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm và học sinh trang trí thêm những hình ảnh vui nhộn và được đặt tại các vị trí thuận tiện trong lớp, vừa tầm với của học sinh. Một số nơi còn có thêm các biện pháp bảo vệ cho hộp thư để chỉ những người có trách nhiệm mở hộp thư mới mở được để đảm bảo giữ kín những thông tin của học sinh.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm giải thích cho học sinh về mục đích của hộp thư. Khuyến khích các em sử dụng hộp thư này để giúp cho tình hình và các điều kiện của lớp học, trường học được tốt hơn. Giáo viên chủ nhiệm cũng nên nhấn mạnh tới việc học sinh không cần thiết phải đề tên mình trong thư, nếu muốn. Để quản lý Hộp thư "Điều em muốn nói" cần có sự tham gia của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Trưởng các ban của Hội đồng tự quản học sinh và giáo viên. Hộp thư cần được mở hằng ngày hoặc hằng tuần để ghi nhận, trả lời những ý kiến của học sinh cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp, trường. Tuy nhiên, tốt nhất nên mở hộp thư hằng ngày để đảm bảo cập nhật và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý, những vấn đề mang tính cá nhân thì cần trao đổi với cá nhân học sinh, những vấn đề mang tính chất tập thể thì cần có sự trao đổi, bàn bạc trước cả lớp để tìm ra phương án giải quyết.

đ) Sinh nhật hồng

- *Mục đích:* Tạo sự vui tươi trong lớp học; giúp học sinh biết cách quan tâm đến bạn bè, biết cách tổ chức những buổi kỉ niệm nho nhỏ; tạo sự gắn kết của các thành viên trong lớp.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm có thể trao đổi với một ban trong lớp học về cách xây dựng góc sinh nhật. Có thể là cây với 12 bông hoa tương ứng với 12 tháng trong năm và trên mỗi bông hoa tháng là tên các bạn có ngày sinh trong tháng. Có thể là những hành tinh nhỏ mang tên tháng trong vũ trụ,... học sinh hoàn toàn có thể thực hiện được công việc này. Giáo viên chủ nhiệm hãy để các em tự trao đổi và thống nhất cách thực hiện.

Cũng có cách xây dựng khác nữa là giáo viên chủ nhiệm chia lớp ra thành nhóm phụ trách từng tháng. Nhóm học sinh của tháng sẽ cùng bàn bạc để tổ chức sinh nhật của tháng mình theo cách mà các em thích nhất.

- *Cách sử dụng*: Góc sinh nhật giúp cả lớp cùng biết được sắp đến sinh nhật của bạn nào. Một ban sẽ phụ trách phần tổ chức sinh nhật cho các bạn trong tháng (hoặc có thể tổ chức đơn lẻ cho từng bạn). Cũng có thể dùng hình thức luân phiên các ban tổ chức hoặc nhóm các bạn có sinh nhật tháng này sẽ tổ chức cho nhóm các bạn có ngày sinh nhật của tháng khác. Việc tổ chức không cần cầu kì, các học sinh có thể lên kịch bản cho một chương trình văn nghệ, trò chơi,... giáo viên chủ nhiệm hãy để cho các học sinh trong lớp được chúc mừng bạn mình và nên gợi ý học sinh sử dụng các công cụ khác (Ví dụ: Hộp thư bè bạn, những lời yêu thương,...) để thể hiện tình cảm với bạn mình trong ngày sinh nhật của các em. Giáo viên chủ nhiệm nên tạo điều kiện cho học sinh được tổ chức sinh nhật nói về bản thân mình, về những thay đổi khi một tuổi mới đã đến với em. Mỗi tháng qua đi, học sinh có thể gỡ tháng đó xuống để học sinh cảm nhận được thời gian của năm.

e) Những lời yêu thương

- *Mục đích*: Học sinh được chia sẻ những câu nói, câu thơ hay, có ý nghĩa với mục đích giáo dục học sinh hướng đến những điều tốt đẹp.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng thảo luận để quyết định chọn một hình thức phù hợp với điều kiện lớp học để làm góc của những lời yêu thương. Có thể làm trên khổ giấy A0, trang trí thành cây với những chiếc lá, bông hoa là những lời yêu thương và được dán lên tường. Có thể là cây thông góc lớp với những lời yêu thương được gắn lên cây,... Cũng có thể ghi những lời nói yêu thương, những câu danh ngôn phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ liên quan đến tuổi học trò trên các hành lang, lối đi, thư viện, sân/vườn trường,... nơi học sinh dễ quan sát và thường xuyên nhắc nhở mình thực hiện.

- *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh sưu tầm những câu nói hay, những lời yêu thương về tình cảm gia đình, thầy trò, bạn bè... Học sinh cũng có

thể nhờ cha mẹ học sinh sưu tầm cùng. Giáo viên chủ nhiệm có thể giao cho các ban quản lí góc này xây dựng chủ đề theo từng tháng, từng sự kiện để học sinh sưu tầm những câu nói, câu thơ hay theo các chủ điểm đó. Trong các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm dành thời gian để cùng học sinh trò chuyện về những lời yêu thương này để giáo dục học sinh biết hướng tới những điều tốt đẹp và yêu thương trong cuộc sống.

g) Bảng nội quy lớp học

- *Mục đích:* Giúp các em thấy có trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của lớp mình; qua đó, học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của lớp nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh.

- *Cách sử dụng:* Bảng nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp dễ bị hư hỏng do va chạm. Ở những lớp rộng rãi và ít học sinh, bảng nội quy có thể thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

h) Sổ ghi chép đối nội – đối ngoại

- *Mục đích:* Dùng ghi lại cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi tham quan một nơi nào đó.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm có thể bàn bạc trước lớp và giao cho một ban thực hiện việc thiết kế và ghi chép sổ. Sổ nên có các thông tin về ngày tháng, tên đoàn khách, học sinh nhà trường; cảm xúc của khách hoặc của học sinh, có thể có phần để dán những hình ảnh (nếu có) về những sự kiện đó.

- *Cách sử dụng:* Khách đến từ các tổ chức, hiệp hội hoặc giáo viên chủ nhiệm và các bạn học sinh đến từ các trường, lớp khác, đến thăm trường, lớp mình, sẽ ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của họ. Đây là một cơ hội cho khách có những đề xuất, ý kiến hay chỉ ra các quan điểm về một vấn đề cụ thể. Khi học sinh đi tham quan cũng thực hiện tương tự như vậy.

6.3. Các góc hỗ trợ trong lớp học

a) Góc học tập

- *Góc học tập* là không gian trong lớp học trang bị những tài liệu, đồ dùng dạy học, các vật dụng,... phục vụ cho việc học tập của học sinh

- *Vai trò và ý nghĩa của góc học tập*

- + Góc học tập làm tăng hứng thú học tập của học sinh, tăng các nguồn kiến thức trong dạy học của giáo viên. Giáo viên sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học giúp học sinh nắm kiến thức một cách chủ động, vững chắc. Góc học tập có một vai trò rất quan trọng đối với việc dạy và học trong trường THCS.
- + Góc học tập cung cấp sách vở, tài liệu tham khảo, đồ dùng học tập ngay tại lớp học rất thuận lợi cho học tập và tham khảo tài liệu khi cần thiết mà không phải đến thư viện.
- + Giáo viên làm phong phú thêm bài giảng của mình bằng sách và các tư liệu tham khảo trong góc học tập; có thể quan sát được hiệu quả dạy học, biết được hứng thú nghề nghiệp của học sinh, từ đó có thể hướng nghiệp cho các em.
- + Giúp học sinh thu nhận và tổng hợp kiến thức thông qua việc quan sát và thao tác sử dụng các tài liệu, đồ vật ở góc học tập; làm phong phú kiến thức và phát huy trí tưởng tượng của các em.
- + Học sinh sẽ hứng thú học tập hơn khi sử dụng góc học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên; hoặc tự nghiên cứu theo nhóm hay từng cá nhân, qua đó, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

- *Các tài liệu và đồ dùng ở góc học tập*

- + Ngay từ đầu năm học, giáo viên căn cứ trên yêu cầu chương trình và nội dung môn học; quan sát tâm lý và sở thích của học sinh để chuẩn bị kế hoạch xây dựng góc học tập phù hợp. Bằng kinh nghiệm của mình, giáo viên suy nghĩ xem tài liệu nào, dụng cụ học tập nào góc học tập có thể giúp học sinh học tập có kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn; đồng thời góp phần phát huy năng khiếu, sở thích và định hướng nghề nghiệp cho các em.
- + Trong mỗi môn học, giáo viên cần sưu tầm những loại tài liệu và đồ dùng học tập sau:

- Tài liệu in ấn phục vụ học tập: Sách tham khảo, các loại sách giáo khoa, báo, tạp chí,... liên quan đến nội dung môn học; sơ đồ, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh,... tạo hứng thú và mở rộng hiểu biết cho học sinh.
 - Đồ dùng dạy và học: Đây là những vật dụng mà học sinh và giáo viên có thể sử dụng trong các giờ thực hành, thí nghiệm như các dụng cụ đo lường (cân, nhiệt kế, ampe kế,...), mô hình trái đất, các mẫu vật,...
 - Vật dụng phục vụ cuộc sống: Những đồ dùng thiết thực phục vụ cuộc sống như các loại công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, trang phục, nhạc cụ, lương thực, thực phẩm,...
 - Tài liệu sáng tạo nghệ thuật: Các vật dụng có tính nghệ thuật dùng cho học tập, phát huy tính tưởng tượng và sáng tạo nghệ thuật của học sinh như các con rối, rô bốt,...
 - Đồ dùng do học sinh tự làm: Các bài làm đạt điểm tốt của học sinh, các vật dụng do học sinh sáng chế,...
- + Ngoài ra, ở góc học tập còn có tài liệu hướng dẫn học các môn, hướng dẫn sử dụng các tài liệu, nhất là hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan đến môn học.

- Quản lí góc học tập

- + Hội đồng tự quản học sinh phân công các bạn học sinh thay phiên nhau chăm sóc góc học tập; dọn dẹp lại cho ngăn nắp sau mỗi buổi học, quét dọn, lau sạch bụi bặm, vết bẩn sau khi sử dụng.
- + Hội đồng tự quản học sinh tổ chức đọc sách, thảo luận theo nhóm cùng sở thích và giúp nhau học tập một cách hiệu quả...

b) Góc thư viện

- Góc thư viện là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp, là nơi để các tài liệu tham khảo (từ điển, sách, báo, truyện,...) do thư viện nhà trường hỗ trợ, giáo viên và học sinh sưu tầm, do cha mẹ học sinh cùng cộng đồng đóng góp.

Góc thư viện trong lớp học là một công cụ quan trọng tạo cơ hội cho học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, đồng thời cung cấp các nguồn tài liệu khác nhau để học sinh học tập và thư giãn.

Nguồn thông tin trong góc thư viện là một công cụ đắc lực hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong dạy - học tích cực. Giáo viên có thể sử dụng nguồn thông tin ở góc thư viện để giải đáp rõ hơn những nội dung có trong tài liệu hướng dẫn học hoặc làm giàu thêm vốn kiến thức của mình cũng như học sinh. Với mỗi chủ đề hay bài học, giáo viên cần tham khảo thêm tư liệu về chủ đề hay bài học đó trong góc thư viện và cung cấp cho học sinh tên, trang, mục tài liệu cần tham khảo để hoàn thành bài học. Góc thư viện trong lớp học có thể hỗ trợ cho từng đối tượng học sinh trong quá trình học tập khác nhau. Với học sinh trung bình, các em có thể tìm thông tin để giải thích rõ hơn cho các khái niệm trong tài liệu hướng dẫn học. Với các học sinh khá, giỏi, các em có thể tìm hiểu sâu hơn, mở rộng hơn nội dung bài học qua những tài liệu có trong góc thư viện.

Góc thư viện đóng vai trò hỗ trợ nguồn tài liệu phong phú cho một môn học hay một chủ đề. Mặc dù tài liệu hướng dẫn học đã cung cấp cho học sinh những nội dung cơ bản cần thiết, nhưng vẫn có lúc học sinh vướng mắc và không hiểu rõ về một khái niệm hay một thông tin nào đó có liên quan đến bài học. Trong trường hợp này, giáo viên nên hướng dẫn học sinh đến góc thư viện để tìm những cách giảng giải, chú thích khác phù hợp hơn với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Sau khi đọc về một chủ đề tương tự trong góc thư viện, học sinh có thể tiếp tục học và làm việc với tài liệu hướng dẫn học.

Góc thư viện là nơi rất hữu ích để học sinh tiến hành các dự án nghiên cứu nhỏ của một số môn học. Tại đây các em có thể thực hiện việc tìm kiếm thông tin cho bài tập trong dự án nghiên cứu của mình. Nhiều khi tài liệu hướng dẫn học không cung cấp đủ nội dung để hoàn thành mục tiêu bài học như đã đề xuất. Vì vậy, việc tìm kiếm các thông tin tham khảo ở góc thư viện sẽ là rất cần thiết. Mô hình trường học mới tăng cường khả năng tự học của học sinh, vì vậy nguồn thông tin trong góc thư viện sẽ hỗ trợ rất tốt cho các em trong việc tự học.

Góc thư viện trong lớp học đồng thời cũng được sử dụng để giúp học sinh giải trí và phát triển óc sáng tạo. Sách là nguồn giải trí rất lớn đối với trẻ em cũng như người lớn. Qua việc đọc sách, chúng ta có thể giáo dục chính mình, tích lũy và tăng khả năng tưởng tượng, trải nghiệm một cách gián tiếp. Ví dụ, như thưởng thức một chuyến đi lên mặt trăng hay thám hiểm một địa bàn khảo cổ; hoặc có thể sáng tác những bức tranh dựa trên các câu chuyện đã đọc; đóng vai thể hiện lại các nhân vật, sự kiện trong các câu chuyện,...

Ngoài việc cung cấp thông tin cho học sinh, góc thư viện còn góp phần hình thành, phát triển thói quen đọc sách cho các em, xây dựng nền tảng văn hoá đọc của mỗi người trong suốt cả cuộc đời.

c) Góc cộng đồng và bản đồ cộng đồng

c1) Góc cộng đồng

Góc cộng đồng là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp học, là nơi để các hiện vật, dụng cụ, tranh ảnh,... thể hiện sinh động đời sống vật chất hay tinh thần của cộng đồng địa phương. Góc cộng đồng được hiểu là sự mô tả một cách đơn giản về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng địa phương, trong đó bao gồm các thông tin về bản đồ cộng đồng, về mùa vụ, sản xuất, kinh doanh, ngành nghề, phong tục tập quán, văn hoá, lễ hội, trang phục đặc sắc, lịch sử, di sản, địa lí, khí hậu thời tiết,... và một số sản vật đặc trưng của địa phương. Góc cộng đồng là hình ảnh thu nhỏ về những đặc điểm riêng biệt của cộng đồng trong phạm vi hẹp hoặc phạm vi rộng hơn nhưng có cùng những đặc điểm chung.

Góc cộng đồng giúp giáo viên, học sinh biết rõ về môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương; thấy được sự gắn gũi, gắn bó giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng; tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường địa phương vào nội dung các hoạt động dạy học. Qua đó, giúp các em thuận lợi trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Giáo viên cần tìm ra những nguồn lực sẵn có về vật chất, con người hoặc ngành nghề thủ công của địa phương để hỗ trợ, liên kết, hợp tác giáo dục với nhà trường. Nhà trường vận động những nghệ nhân, doanh nhân giỏi ở địa phương đến trường để phổ biến cho học sinh những kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh,... Từ đó, học sinh tăng thêm niềm tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam, mong muốn được duy trì và phát triển các tinh hoa văn hoá, truyền thống của các vùng miền và của quê hương.

Cùng tham gia vào quá trình xây dựng "Góc cộng đồng" có các thành viên trong cộng đồng như chính quyền địa phương, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, ... cùng với cha mẹ học sinh, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn. Khi thiết lập góc cộng đồng, giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức một cuộc họp, gặp gỡ các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng góc cộng đồng. Tại cuộc họp này các đại biểu có thể vẽ trên giấy khổ to, hoặc trên tấm vải trắng để mô tả thông tin về mùa vụ, ngành nghề, lễ hội, khí hậu thời tiết,... của địa phương bằng các màu sắc sinh động. Mọi người có thể đóng góp hoặc sưu tầm một số sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày tại góc cộng đồng.

Tóm lại, góc cộng đồng giúp nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết rõ môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương.

- + Sử dụng các yếu tố tích cực của môi trường vật chất và tinh thần ở địa phương vào trong các hoạt động dạy học tại lớp học.
- + Giúp học sinh áp dụng kiến thức học ở lớp vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình và cộng đồng.
- + Tìm ra những nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để hỗ trợ nhà trường trong giáo dục học sinh, đặc biệt là những người có ảnh hưởng lớn ở cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, hội trưởng các hội: phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, cựu giáo chức,... và các nguồn lực tình nguyện khác.
- + Là nguồn thông tin để học sinh giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại lớp/trường mình.

c2) Bản đồ cộng đồng

Bản đồ cộng đồng là bản đồ của địa phương mà trên đó có sự mô tả một cách đơn giản, bằng hình vẽ trên giấy khổ to hoặc trên một miếng vải, về cộng đồng địa phương. Nổi bật trên bản đồ cộng đồng là vị trí trường học, vị trí nhà ở gia đình của tất cả học sinh trong lớp. Ngoài ra, bản đồ cộng đồng phải thể hiện được những vị trí, địa điểm nổi bật của cơ quan hành chính, những đặc điểm về tự nhiên, văn hoá, xã hội và kinh tế; những di tích lịch sử, di tích văn hóa, công trình khoa học-kỹ thuật... của địa phương thuộc khu vực trường đóng.

Có thể nói, bản đồ cộng đồng là bản vẽ thu nhỏ những đặc điểm cơ bản của cộng đồng - nơi nhà trường đang tồn tại và phát triển. Nó khẳng định cộng đồng và nhà trường luôn tồn tại, gắn bó, hỗ trợ và không thể tách rời.

Bản đồ cộng đồng nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết được khoảng cách mà mỗi học sinh phải đi học từ nhà đến trường.
- + Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi học sinh đi học.
- + Biết được những địa điểm mà học sinh có thể gặp nguy hiểm để hướng dẫn các em phòng tránh rủi ro.
- + Biết được những địa điểm cần thiết để chỉ dẫn cho học sinh đến khi cần sự trợ giúp hoặc vui chơi.
- + Biết được những địa điểm và cách đi thăm gia đình học sinh.
- + Là nguồn thông tin giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại trường.

- + Giúp học sinh biết tìm đường đến thăm nhà bạn để hỏi bài, vui chơi, đường đến trường an toàn, thuận tiện nhất, đường đến hiệu sách, chợ, uỷ ban nhân dân, đồn công an, bưu điện,...

Bản đồ cộng đồng được treo tại góc cộng đồng, nơi dễ quan sát trong lớp học. Mọi học sinh có thể quan sát và đọc được thông tin trên đó. Khi có khách tham quan lớp học, mỗi bạn đều có thể giới thiệu được về lớp mình, ngôi trường của mình, về địa điểm nhà các bạn trong lớp, về cộng đồng. Nếu có một bạn mới được chuyển về lớp học, bạn ấy sẽ được giới thiệu về bản đồ cộng đồng của lớp, bạn ấy và mọi người trong lớp sẽ xác định xem nhà bạn ấy sẽ được vẽ ở đâu trong bản đồ cộng đồng. Và tất nhiên sẽ có tên của bạn ấy gần hình vẽ ngôi nhà trên bản đồ cộng đồng của lớp. Bạn ấy sẽ rất vui vì sẽ biết ngay đường nào thuận tiện khi đến trường, nhà mình ở gần nhà bạn nào để cùng đi đến trường.

Bản đồ cộng đồng giúp học sinh ý thức được mình là một thành viên của cộng đồng, từ đó ý thức xây dựng và giữ gìn cộng đồng được nâng cao.

Giáo viên có thể sử dụng bản đồ cộng đồng trong các hoạt động giáo dục cho học sinh về quan hệ gia đình, cộng đồng; tình bạn và mối quan tâm đến nhau; sự đoàn kết, chia sẻ, gắn bó giữa những con người, những gia đình trong cùng một cộng đồng; củng cố niềm tự hào về gia đình, cộng đồng, quê hương mình.

Những vấn đề cơ bản về của công cụ hỗ trợ hoạt động học của học sinh tại lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới THCS.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Có nhiều quan niệm khác nhau về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhưng tựu trung lại Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới, các hoạt động giáo dục trong trường THCS gồm: Hoạt động tập thể (sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo các chủ đề giáo dục; hoạt động giáo dục hướng nghiệp;... được gọi chung là Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đối với mô hình trường học mới THCS, vừa chú trọng đến tính trải nghiệm của học sinh trong các bài học, vừa chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm nhiều hơn ở ngoài lớp học, chủ động phối hợp cùng cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương như đoàn, hội, đội để xây dựng một số dự án học tập cộng đồng, gắn nội dung giáo dục trong nhà trường với các hoạt động thường xuyên tại địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; vệ sinh môi trường; hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao;...

II. SỰ KHÁC NHAU GIỮA MÔN HỌC/HĐGD VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Mục đích chính	Hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực nhận thức và hành động của học sinh.	Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại.
Nội dung	- Kiến thức khoa học, nội dung gắn với các lĩnh vực chuyên môn. - Được thiết kế thành các phần chương, bài, có mối liên hệ logic chặt chẽ hoặc các mô đun tương đối hoàn chỉnh.	- Kiến thức thực tiễn gắn bó với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, mang tính tổng hợp nhiều lĩnh vực giáo dục, nhiều môn học; dễ vận dụng vào thực tế. - Được thiết kế thành các chủ điểm mang tính mở, không yêu cầu mối liên hệ chặt chẽ giữa các chủ điểm
Hình thức tổ chức	- Đa dạng, có quy trình chặt chẽ, hạn chế về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng	- Đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng,...

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
	tham gia,... - Học sinh ít cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Người chỉ đạo, tổ chức hoạt động học tập chủ yếu là giáo viên.	- Học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Có nhiều lực lượng tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các mức độ khác nhau (giáo viên, cha mẹ học sinh, nhà hoạt động xã hội, chính quyền, doanh nghiệp,...).
Tương tác, phương pháp	- Chủ yếu là thầy - trò. - Thầy chỉ đạo, hướng dẫn, trò hoạt động là chính.	- Đa chiều. - Học sinh tự hoạt động, trải nghiệm là chính.
Kiểm tra, đánh giá	- Nhấn mạnh đến năng lực tư duy. - Theo chuẩn chung. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng điểm số.	- Nhấn mạnh đến kinh nghiệm, năng lực thực hiện, tính trải nghiệm. - Theo những yêu cầu riêng, mang tính cá biệt hoá, phân hoá. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng nhận xét.

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS rất đa dạng như: Tham gia các dự án cộng đồng; Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; Câu lạc bộ; Các trò chơi; Tổ chức diễn đàn; Sân khấu tương tác; Hoạt động giao lưu; Hoạt động chiến dịch; Hoạt động nhân đạo; Hoạt động tình nguyện; Lao động công ích; Sinh hoạt tập thể....

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có tài liệu hướng dẫn riêng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS.

Đ. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ

Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới THCS được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh THCS nhằm mục đích giúp:

1. Học sinh tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.

2. Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

4. Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục THCS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.

2. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo

cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

4. Việc đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và hoạt động giáo dục.

2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh.

Việc đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung của học sinh cấp THCS được thực hiện thông qua nhận xét các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hướng dẫn cụ thể về các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực của học sinh.

IV. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYỀN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

1. Đánh giá thường xuyên

1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, học sinh (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ học

sinh và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho học sinh, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

Giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp

học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý học sinh.

Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Hằng tháng, đối với những học sinh cần được quan tâm, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

- Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì I và cuối năm học

2.1. Các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học được đánh giá qua bài kiểm tra định kì với thời lượng 90 phút. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

- *Nhận biết*: học sinh nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học khi được yêu cầu.

- *Thông hiểu*: học sinh diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải

thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

- *Vận dụng*: học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

- *Vận dụng cao*: học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Tin học phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho học sinh. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý học sinh; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý học sinh.

Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lý thì có thể cho học sinh kiểm tra lại.

2.2. Đối với môn Tiếng Anh: ngoài những quy định trên, thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kỳ theo hai mức:

a) *Đạt yêu cầu*: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

- Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;

- Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

b) Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

V. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ VÀ XÉT KHEN THƯỞNG

1. Vào cuối học kì I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên bộ môn để đánh giá tổng hợp từng học sinh:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học/hoạt động giáo dục: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng học sinh

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn tập thể học sinh bình bầu những học sinh đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua và các cuộc thi; tham khảo ý kiến của giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Học sinh có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

Nội dung, số lượng học sinh được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập, nếu khả năng của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá học sinh khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh.

2. Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh khi bắt đầu vào học kì II hoặc bắt đầu năm học mới.

VI. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.

2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi học sinh gồm:

- a) Học bạ (hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật);
- b) Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học;
- c) Các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của học sinh (trích từ "Sổ tay lên lớp" của giáo viên).
- d) Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kĩ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);
- đ) Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của cha mẹ học sinh (nếu có);
- e) Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của học sinh trong năm học (nếu có).

3. Khuyến khích giáo viên, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá học sinh. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá học sinh được in ra để giáo viên và lãnh đạo nhà trường kí tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.

4. Đối với học sinh chuyển đi khỏi lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với học sinh chuyển đến lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh

gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VII. SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Điểm các bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ - Tin học ứng dụng; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kì hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.

- Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.

2. Đối với học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công giáo viên lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng học sinh; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.

3. Đối với những học sinh đã được giáo viên trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, bài kiểm tra định kì, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những học sinh có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, cần rèn luyện thêm về phẩm chất hoặc còn hạn chế về năng lực thì vào đầu năm học mới được bàn giao cho giáo viên lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1.1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá học sinh; khen thưởng học sinh; báo cáo kết quả thực hiện về phòng Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; quản lí học bạ trong thời gian học sinh học ở trường.

1.3. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của học sinh, cha mẹ học sinh về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.

1.4. Hướng dẫn giáo viên sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm của giáo viên

2.1. Giáo viên chủ nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính, phối hợp giáo viên bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh;

b) Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh cuối học kì I, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm còn hạn chế của học sinh; duy trì mối liên hệ với cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục học sinh.

2.2. Giáo viên bộ môn:

a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh đối với môn học/hoạt động giáo dục theo quy định;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy cùng lớp, cha mẹ học sinh lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện đối với môn học và hoạt động giáo dục;

c) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh.

E. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG “TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI”

I. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

1. Mục tiêu sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên của nhà trường và là một trong những hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho giáo viên,

giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp/trường mình.

Sinh hoạt chuyên môn ở các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới được thực hiện tại trường và cụm trường. Mục tiêu của sinh hoạt chuyên môn nhằm:

1. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên.
2. Đổi mới nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng dạy học tích cực, hướng vào hoạt động học của học sinh, góp phần phát triển năng lực cho mọi học sinh.
3. Giúp giáo viên nắm vững quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học, chủ động điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học cho phù hợp với đối tượng học sinh, vùng miền và quá trình tổ chức hoạt động học tập.
4. Xây dựng và phát triển quan hệ đồng nghiệp thân thiện, tôn trọng theo hướng hợp tác, hỗ trợ và dân chủ; đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho mọi giáo viên.
5. Phát triển quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng, đảm bảo cơ hội cho gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của học sinh.

2. Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

2.1. Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên

Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên được tổ chức định kỳ 2 lần/tháng theo điều lệ nhà trường, theo định hướng sau:

- Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đề xuất, thống nhất và quyết tâm thực hiện;

- Thảo luận các bài sắp dạy trong tài liệu Hướng dẫn học; thống nhất những nội dung điều chỉnh tài liệu, làm cho tài liệu dạy học phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với địa phương; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên; hoàn thiện tài liệu thử nghiệm.

- Thảo luận và thực hiện sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập trong góc học tập và góc cộng đồng;

- Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tự quản của học sinh;

- Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh;

- Các hoạt động hành chính khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn được tiến hành theo quy định của điều lệ nhà trường.

2.2. Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

- + Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh...

- + Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh;

- + Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trên phạm vi huyện, tỉnh, cả nước;

- + Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về các chủ đề liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ,...

- Quy trình triển khai sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề:

Để tổ chức một hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có hiệu quả, cần phải thiết kế được các hoạt động một cách khoa học. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với việc xây dựng kế hoạch dạy học trước khi lên lớp. Cụ thể, yêu cầu thiết kế một hoạt động gồm các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề cần có công tác chuẩn bị và phân công rõ ràng công việc cho các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn:

- + Dự kiến nội dung công việc, hình dung được tiến trình hoạt động.

- + Dự kiến những phương tiện cần thiết cho hoạt động.
- + Dự kiến nhiệm vụ cho từng đối tượng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ trưởng/nhóm trưởng dự kiến những việc sẽ làm để thể hiện sự tương tác tích cực các thành viên trong tổ/nhóm. Để làm được việc này đòi hỏi mỗi giáo viên và tổ trưởng chuyên môn phải có kỹ năng làm việc nhóm.

Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn.
- Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: nêu rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, định hướng thảo luận; nêu rõ nguyên tắc làm việc.
- Các thành viên báo cáo nội dung chủ đề đã được phân công.
- Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên thảo luận, phát biểu ý kiến; chia nhỏ vấn đề thảo luận bằng việc sử dụng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu.

Bước 3. Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, tổ trưởng chuyên môn phải đưa ra được các kết luận cần thiết, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của buổi sinh hoạt đó trong thực tế giảng dạy.
- Đối với các trường qui mô nhỏ, giáo viên mỗi bộ môn ít, nên đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề với qui mô cụm trường để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực chuyên môn theo yêu cầu.

Như vậy, sinh hoạt chuyên môn trong mô hình trường học mới gắn với quá trình giáo viên hướng dẫn học sinh học tập, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, tìm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

Sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới, giáo viên tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến người học, như: Học sinh học như thế nào? Học sinh đang gặp khó khăn gì trong học tập? Nội dung và phương pháp dạy học có phù hợp, có gây hứng thú cho học sinh không? Kết quả học tập của học sinh có được cải thiện không? Cần điều chỉnh điều gì và điều chỉnh như thế nào?...

Trong dự giờ sinh hoạt chuyên môn, người dự không tập trung vào quan sát việc giảng dạy của giáo viên để đánh giá, xếp loại giờ học mà quan sát việc học tập của học sinh, ghi lại những minh chứng để giúp giáo viên tìm ra nguyên nhân tại sao học sinh học chưa đạt kết quả như mong muốn, nhất là những học sinh có khó khăn về học tập. Từ đó, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

3. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

3.1. Khái niệm sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (còn gọi là sinh hoạt chuyên môn liên trường) là hình thức tập trung giáo viên, cán bộ quản lý của các trường có khoảng cách địa lý giữa các trường THCS không quá xa, tới một trường THCS để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn về nội dung, phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá học sinh và công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường có mức độ cao hơn, rộng hơn so với nội dung sinh hoạt chuyên môn định kỳ tại các trường. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường đề cập tới các vấn đề mang tính tổng kết, đánh giá của các trường; những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự phối hợp, tháo gỡ từ nhiều giáo viên, từ nhiều trường học hoặc từ các giáo viên cốt cán, chuyên gia giáo dục giỏi ở địa phương và trung ương.

Cơ chế sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là tự nguyện, do các trường đứng ra tự tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ có tính thiết thực, mang lại lợi ích cho chính bản thân các trường cùng tham gia sinh hoạt. Thời gian, địa điểm, chi phí và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động. Tuy nhiên, do tính chất và tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, các sở/phòng giáo dục và đào tạo có thể quan tâm hướng dẫn, coi đó là biện pháp hiệu quả để bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời có thể khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ thường xuyên, mọi mặt cho sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

3.2. Tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường mang lại tác dụng trên nhiều mặt:

- Tạo nên mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.

- Xây dựng được đội ngũ giáo viên cốt cán có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho các trường trong từng khu vực và cả địa phương.

- Tạo nên sự gắn kết giữa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giữa các trường có điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa tương đồng...

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là một hoạt động tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên, có tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác quản lý giáo dục của các trường trong cụm, đồng thời khuyến khích giáo viên nhìn lại quá trình dạy học và tự đánh giá về năng lực nghề nghiệp của mình. Thông qua nghiên cứu sáng kiến và khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác, thiết thực; đổi mới tư duy của giáo viên theo yêu cầu của mô hình trường học mới. Trong thực tế, chính giáo viên đã đưa ra giải pháp có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, luân phiên tại các điểm trường để mọi giáo viên có cơ hội hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, cán bộ quản lý có cơ hội nắm bắt hiểu biết sâu hơn tình hình chất lượng, những khó khăn của giáo viên và học sinh tại các điểm trường để có kế hoạch hỗ trợ...

3.3. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

a) Báo cáo toàn diện hay một vấn đề đặc trưng của mỗi trường về kết quả triển khai mô hình trường học mới cấp THCS

Nội dung báo cáo bao gồm:

- Những ứng dụng có được trong quá trình giảng dạy qua hoạt động của hội đồng tự quản học sinh, qua các không gian và tài liệu học tập như: góc học tập, góc cộng đồng, thư viện lớp học và bản đồ cộng đồng vào môn học và hoạt động giáo dục đã thực hiện trong thời gian vừa qua.

- Những ví dụ thực tế, những bài học kinh nghiệm về sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong thời gian vừa qua.

- Tổ chức và điều hành nhóm học tập.

- Chia sẻ kinh nghiệm quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình học tập; kỹ thuật ghi chép để đánh giá quá trình học tập của học sinh.

- Chia sẻ các biện pháp hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong quá trình học tập; những kinh nghiệm trong việc đánh giá sản phẩm học tập của học sinh...

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Các sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng chủ yếu đề cập đến việc điều chỉnh nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và hướng dẫn hoạt động giáo dục hoặc những chủ đề chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm liên quan trực tiếp tới mô hình trường học mới. Nội dung các báo cáo được viết dưới dạng một đề tài về nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, có thể cấu trúc theo ba phần cơ bản sau:

- *Trải nghiệm qua dạy học*: Qua thực tế dạy học, giáo viên quan sát, tìm hiểu học sinh và đặt các câu hỏi:

- + Vì sao hoạt động/nội dung này không thu hút học sinh tham gia?
- + Vì sao kết quả học tập của học sinh sụt giảm khi thực hiện hoạt động hai học nội dung này?
- + Kỹ thuật/phương pháp này có nâng cao kết quả học tập của học sinh không?
- + Có cách nào tốt hơn để thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục trong nhà trường không?

Từ đó, xác định nguyên nhân gây ra thực trạng và chọn một hoặc vài nguyên nhân để tiến hành nghiên cứu, tìm sáng kiến để tác động thay đổi thực trạng.

- *Thử nghiệm trực tiếp tại các trường*: Thử nghiệm sáng kiến, giải pháp thay thế trong lớp/trường học.

- *Kiểm chứng kết quả sáng kiến trong quá trình thực tế dạy học*: Tìm xem sáng kiến, giải pháp thay thế có hiệu quả hay không và hiệu quả được khẳng định qua những minh chứng cụ thể nào.

Việc thực hiện theo cấu trúc ba phần cơ bản trên giúp giáo viên phát hiện được các vấn đề mới, làm cho bài học của thầy và trò cuốn hút và hiệu quả hơn. Các sáng kiến, giải pháp do chính giáo viên nghiên cứu và được điều chỉnh từ mô hình trường học mới hoặc có thể từ mô hình nhà trường truyền thống. Không nên chọn những nội dung để nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng mà không liên quan trực tiếp đến quá trình dạy học hàng ngày của giáo viên.

c) Tham quan lớp học kiểu mẫu của mô hình trường học mới

Chọn lớp tốt nhất, thành công nhất ở địa điểm tổ chức sinh hoạt cụm trường để các đại biểu tới sinh hoạt chuyên môn được tham quan trải nghiệm thực tế. Nên dành thời gian để giáo viên chia sẻ với nhau về những khó khăn tương tự, trao đổi ý tưởng,

thực hành và trải nghiệm, áp dụng những cách tiếp cận mới, từ đó thấy được những thành công và khả năng tồn tại khác.

Các đại biểu cũng được giới thiệu và tìm hiểu cách làm các công cụ hỗ trợ học tập, các thiết bị và đồ dùng dạy học do giáo viên, học sinh và cộng đồng tự làm bằng nguyên vật liệu được dùng lại hoặc sẵn có ở địa phương.

Các đại biểu cũng có thể gặp đại diện cha mẹ học sinh, cộng đồng để trao đổi cách làm, cách học từ cuộc sống hằng ngày tại cộng đồng. Ngược lại, cộng đồng cũng báo cáo học được gì từ nhà trường và đã thay đổi gia đình và cộng đồng như thế nào.

d) Chuẩn bị kế hoạch cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo

Việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo là quan trọng và cần thiết. Các trường trong cụm cần thống nhất được những nội dung cụ thể cho lần sinh hoạt tiếp theo và có kế hoạch chuẩn bị; phân công hết sức cụ thể cho từng tập thể, cá nhân chuẩn bị các nội dung liên quan và các điều kiện cần thiết để lần sinh hoạt cụm tiếp theo đem lại hiệu quả cao.

Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường phải luôn luôn khả thi vì các hoạt động của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường tự xây dựng theo yêu cầu, mục đích thiết thực và phải đem lại lợi ích cụ thể cho từng trường. Do vị trí địa lý của các trường tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường gần nhau nên giáo viên và cán bộ quản lý có thể đi lại bằng phương tiện cá nhân, tiết kiệm được thời gian lưu trú khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.

II. THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN "TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI"

1. Hướng dẫn sử dụng "Nghị vụ trường học"

1.1. Tài khoản cấp trường

Tóm tắt Hướng dẫn Tài khoản cấp trường:

Bước 1: Đăng nhập

Bước 2: Khai báo thông tin trường

Trong "**Không gian trường học**", chọn "**Khai báo thông tin chung**".

Khai báo Tên trường, địa chỉ trường.

Ấn nút "**Đồng ý**" để xác định khai báo.

Bước 3: Khai báo thông tin cá nhân TK trường

Đổi mật khẩu.

Đổi tên tài khoản.

Khai báo thông tin.

Upload ảnh đại diện của trường.

Bước 4: Quản lý giáo viên

Bước 5: Quản lý lớp học

Bước 6: Quản lý học sinh

Bước 7: Phân công giảng dạy và sắp xếp thời khóa biểu

Bước 8: Theo dõi hoạt động Sinh hoạt chuyên môn

a) Khai báo thông tin chung

KHAI BÁO
THÔNG TIN CHUNG

Quản lý
Nghị vụ trường học

Quản lý
Bài học của GV

Danh sách
Các bài học bị xóa

Quản lý
Giáo án điện tử

Quản lý
Công văn, tin tức

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Lần đăng nhập đầu tiên, trường phổ thông phải khai báo để khởi tạo không gian riêng trong mục “**Khai báo thông tin chung**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN KHỞI TẠO CỦA TRƯỜNG

Tên trường	THPT Hai Bà Trưng
Tỉnh/thành phố	Hà Nội
Quận/huyện	Hai Bà Trưng
Số nhà, đường phố, xã	254 - Minh Khai <i>*Lưu ý: Chỉ nhập số nhà, đường phố, xã.</i>
Địa chỉ	254 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Đồng ý

Trong trang này, phải khai báo đầy đủ thông tin: Loại trường (THPT/THCS), Tên trường (Ví dụ: Hai Bà Trưng), Địa chỉ của trường,...

Sau khi khai báo thông tin của trường, nếu phát hiện sai sót, có thể chỉnh sửa lại bằng cách chọn nút “**Chỉnh sửa**”.



b) Quản lý giáo viên

- Quản lý danh sách giáo viên:

Để truy cập không gian quản lý giáo viên, quý thầy/cô chọn nút “**Quản lý giáo viên**” trên thanh menu ngang.

Danh sách thông tin giáo viên của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin khai báo của giáo viên như họ tên, học hàm, học vị, ngày sinh, chuyên môn, chức vụ, địa chỉ, thông tin liên lạc...

Có thể chọn nút “**Xem lịch dạy**” tương ứng với mỗi giáo viên để xem thời khóa biểu do nhà trường phân công giảng dạy cho giáo viên đó (tính năng này sẽ được trình bày cụ thể hơn ở mục 3.4.).

- Tạo tài khoản cho giáo viên:

Để tạo tài khoản cho giáo viên, chọn nút “**Tạo TK GV**” trong không gian quản lý giáo viên.



Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này. Tuy nhiên, người dùng có thể yêu cầu thay đổi một chuỗi mật khẩu khác bằng cách kích chuột vào “**Sinh mật khẩu**”.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, người dùng cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho giáo viên. Nếu không thực hiện bước copy này, người dùng sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp người dùng quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày ở dưới đây để khắc phục.

Người dùng cần lưu ý số hạn ngạch tài khoản giáo viên do Sở GD&ĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, hãy liên lạc với quản trị cấp Sở để được tăng số hạn ngạch.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **GV.00109.020** với mật khẩu truy cập **JgC8oxNd**).

- Đổi mật khẩu cho giáo viên:

Trường hợp khi tạo tài khoản giáo viên không lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, giáo viên quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho giáo viên bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên của trường.

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với giáo viên.

1	 Th.S. Nguyễn Xuân Trung (Xem lịch dạy)	Mã GV: GV.00109.001 Giới tính: <i>Nam</i> Ngày sinh: <i>01/12/1976</i> Chuyên môn: <i>Vật lý</i> Chức vụ: <i>Phó Hiệu trưởng</i>	Điện thoại: 0913568506 Email: trungthptbnd@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: EGOrmus6 Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu					

Hãy lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho giáo viên.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản giáo viên.

Có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các ký tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản giáo viên đó.

- Xóa tài khoản giáo viên:

Để xóa tài khoản giáo viên không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên.

Sau khi xóa, tài khoản giáo viên đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản giáo viên, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa như trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản giáo viên:

Để khôi phục lại các tài khoản giáo viên đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục GV**” trong không gian quản lý giáo viên. Danh sách tài khoản giáo viên đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên. Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng với giáo viên để khôi phục lại tài khoản. Sau khi được khôi phục, tài khoản giáo viên đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

c) Quản lý lớp học

Để truy cập không gian “**Quản lý lớp học**”, chọn mục “**Quản lý lớp học**” trên thanh menu ngang.

- Tạo lớp học mới:

Chọn nút “**Tạo lớp học**” để vào không gian tạo một lớp học mới.

Điền các thông tin cơ bản của lớp học:

Tên lớp: ví dụ, muốn tạo lớp 12A5, chọn lớp 12 và gõ A5 vào ô bên cạnh.

Mô tả: mô tả chung về lớp học (sĩ số, thành tích lớp học,...).

Hình ảnh minh họa: hình ảnh hiển thị cho lớp học (có thể là hình ảnh tập thể của lớp).

Số học sinh: số số của lớp học.

Giáo viên chủ nhiệm: lựa chọn giáo viên chủ nhiệm cho lớp học trong số giáo viên trong trường.

Lựa chọn lớp học theo trường học mới (nếu cần). Lưu ý: chỉ có những trường thí điểm theo mô hình trường học mới mới có tính năng này. Các lớp học trường học mới sẽ có không gian quản trị điểm số khác so với các lớp học thường.

Cuối cùng, chọn nút **“Đồng ý”** để tạo một lớp học mới.

- Tạo tài khoản học sinh theo đơn vị lớp:

Sau khi tạo lớp học thành công, lớp học mới sẽ hiển thị trong danh sách ở mục **“Quản lý lớp học”**.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đồng (Toán)	Chi tiết	32	Tạo tài khoản HS	Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	------------------	-----	-----

Để tạo tài khoản cho học sinh theo đơn vị lớp, chọn nút **“Tạo tài khoản học sinh”** tương ứng với lớp học.

Sau khi tạo thành công, các file định dạng excel và pdf chứa danh sách tài khoản và mật khẩu sẽ hiện ra tương ứng với lớp học.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đồng (Toán)	Chi tiết	32	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	--------------	---	---	-----	-----

Có thể download các danh sách trên về và gửi cho lớp học.

*** Lưu ý:** nếu số hạn ngạch tài khoản học sinh của trường còn ít hơn số học sinh của lớp thì sẽ không thể tạo được tài khoản học sinh cho lớp học đó.

- Chỉnh sửa lớp học:

Trong quá trình tạo lớp học, nếu có sai sót, có thể chỉnh sửa lại thông tin của lớp học bằng cách chọn nút **“Sửa”** tương ứng với lớp học trong danh sách lớp của trường. Không gian chỉnh sửa lớp học sẽ hiện ra tương tự như không gian tạo lớp học. Sau khi chỉnh sửa lại các thông tin cần thiết, ấn nút **“Đồng ý”** để xác nhận chỉnh sửa.

*** Lưu ý:** số lớp chỉ có thể thay đổi khi chưa tạo tài khoản học sinh theo danh sách lớp. Trong trường hợp đã tạo tài khoản cho học sinh nhưng vẫn muốn chỉnh sửa số lớp học thì có thể vận dụng các chức năng sẽ được trình bày ở dưới đây để thực hiện.

- Xóa lớp học: Các lớp học đã được tạo có thể được xóa bỏ bằng cách chọn nút **“Xóa”** tương ứng với lớp học đó.

* **Lưu ý:** với các lớp học đã được tạo học sinh, sau khi lớp học bị xóa, học sinh thuộc lớp học đó sẽ được chuyển thành “**học sinh tự do**” (học sinh không thuộc lớp học nào). Khi đó có thể sử dụng các tính năng khác để gán những học sinh đó vào một lớp học khác.

- Quản lý thông tin từng lớp học:

+ **Xem danh sách lớp:** Để xem danh sách lớp, chọn “**Xem chi tiết**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp học của trường.

#	Lớp	Giáo viên chủ nhiệm	TKB	Sĩ số	DS lớp	Excel	PDF	Sửa	Xóa
1	6A	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
2	3N	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình (Tiếng Nga)	Chi tiết	8	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
3	12B	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
4	12A	CN. Nguyễn Thị Thanh Hà (Khoa học tự nhiên)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
5	12A	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
6	12test	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa

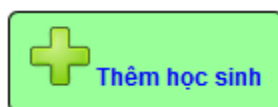
Danh sách thông tin học sinh của lớp học đó sẽ hiện ra với các thông tin cơ bản mà học sinh khai báo như mã học sinh, họ tên, ngày sinh, địa chỉ...

* Danh sách có 32 học sinh.

1 2 3 4 5 6 7 Số lượng hiển thị: 10

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
2	 HS.00109.00302	Mã HS: HS.00109.00302 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
3	 HS.00109.00303	Mã HS: HS.00109.00303 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
4	 HS.00109.00304	Mã HS: HS.00109.00304 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa

+ **Thêm học sinh vào lớp:** có thể thêm các học sinh tự do (học sinh đang không thuộc lớp nào) vào lớp học bằng cách chọn nút “**Thêm học sinh**” trong không gian quản trị của lớp học.



Danh sách học sinh tự do của trường sẽ hiện ra.

GÁN HỌC SINH VÀO LỚP 12A5					
Danh sách học sinh tự do (10)					
Chọn tất cả Xóa tất cả					
1 Số lượng hiển thị: 10					
#	Mã HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Trạng thái
☐	HS.00109.00271				Xóa lớp
☐	HS.00109.00272				Xóa lớp
☐	HS.00109.00273				Xóa lớp
☐	HS.00109.00274				Xóa lớp
☐	HS.00109.00275				Xóa lớp
☐	HS.00109.00276				Xóa lớp
☐	HS.00109.00277				Xóa lớp
☐	HS.00109.00278				Xóa lớp
☐	HS.00109.00279				Xóa lớp
☐	HS.00109.00280				Xóa lớp

Tích chọn các học sinh muốn gán vào lớp rồi ấn nút “**Gán học sinh**”.

+ *Chuyển trạng thái học sinh (thôi học, đuổi học, bảo lưu)*: Trong quá trình học tập, học sinh có thể bị đuổi học, xin thôi học hay xin bảo lưu kết quả học tập, nhà trường có thể chuyển trạng thái của học sinh đó thành “thôi học”, “đuổi học”, “bảo lưu” bằng cách chọn nút “**Chọn trạng thái**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của lớp.

1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	------------------------	------------	-----

Chọn nút tương ứng với trạng thái muốn chuyển thành của học sinh.

1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Thôi học Đuổi học Bảo lưu						

Sau khi đã chuyển trạng thái, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

+ *Chuyển lớp cho học sinh*: có thể chuyển học sinh từ lớp học này sang lớp học khác bằng cách chọn nút “**Chuyển lớp**” tương ứng với mỗi học sinh.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Chọn lớp học muốn chuyển tới rồi ấn nút **“Chuyển”**.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
12B ▼ Chuyển						

Thông tin của học sinh được chuyển đi sẽ được hiển thị trong danh sách của lớp chuyển tới.

+ *Xóa học sinh*: Để xóa học sinh, chọn nút **“Xóa”** tương ứng.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Sẽ có hai lựa chọn xóa được hiển thị.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Xóa khỏi lớp Xóa						

“Xóa khỏi lớp”: xóa học sinh này ra khỏi danh sách lớp học, nếu chọn nút này, học sinh đó sẽ chuyển thành học sinh tự do (không thuộc lớp nào) và có thể gán học sinh đó vào một lớp học khác.

“Xóa”: xóa hẳn tài khoản học sinh, nếu chọn nút này, tài khoản học sinh đó sẽ bị xóa và không thể truy cập được nữa. Tuy nhiên, trong trường hợp xóa nhầm vẫn có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

d) Quản lý học sinh

- Quản lý danh sách học sinh: Để truy cập không gian quản lý học sinh, chọn nút **“Quản lý học sinh”** trên thanh menu ngang. Danh sách thông tin học sinh của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin của học sinh như họ tên, ngày sinh, lớp học, địa chỉ...

- Tạo tài khoản cho học sinh: Để tạo tài khoản cho học sinh, chọn nút “**Tạo TK học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Quản lý học sinh > Tạo tài khoản học sinh

Số TK học sinh tối đa: 500. Còn lại: 168 TK.

Tài khoản:

Mật khẩu:

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho học sinh. Nếu không thực hiện bước copy này, sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày dưới đây để khắc phục.

Số lượng tài khoản học sinh do sở GDĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, cần liên lạc với quản trị cấp sở để được tăng số lượng.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **học sinh.00109.00333** với mật khẩu truy cập **lfV4N31h**).

- Đổi mật khẩu cho học sinh: Trong trường hợp khi tạo tài khoản học sinh quên lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, học sinh quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho học sinh bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của trường.

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bãi Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	---	--	---------------------	-----

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với học sinh

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bãi Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: gbcVkvqB Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu					

Lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho học sinh.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản học sinh, có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các kí tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản học sinh đó.

- Xóa tài khoản học sinh: Để xóa tài khoản học sinh không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh.

2	 Nguyễn Mai Lan	Mã HS: HS.00109.00002 Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Lớp: 6A	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	
---	---	--	---	--------------	---

Sau khi xóa, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản học sinh, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa: Để khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Danh sách tài khoản đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên.

KHÔI PHỤC TÀI KHOẢN HỌC SINH				
* Danh sách có 1 học sinh.				
1 Số lượng hiển thị: 10				
Mã HS	Thông tin	Điện thoại/Email	Ngày xóa	Khôi phục
 HS.00109.00002	Họ tên: Nguyễn Mai Lan Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Trạng thái:	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com	10:38 13/03/2015	Khôi phục

Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng để khôi phục lại tài khoản.

Sau khi được khôi phục, tài khoản học sinh đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

e) Sắp xếp thời khóa biểu

Nghiệp vụ sắp xếp thời khóa biểu nhà trường được xây dựng trong mục “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

LƯU Ý: cần lưu ý thao tác đầu tiên trước khi sử dụng các tính năng được trình bày trong mục này là điều khiển trạng thái học kì của trường mình. Trạng thái này sẽ

ảnh hưởng tới thông tin được tạo ra khi sử dụng các tính năng liên quan đến thời khóa biểu của nhà trường.

Để điều khiển trạng thái học kì của trường mình, thực hiện như sau:

Chọn “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Phân công giảng dạy

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

NĂM HỌC 2014 - 2015
 Học kì: Học kì 1

Phân công giáo viên
Sắp xếp thời khóa biểu
Thời khóa biểu toàn trường

Trong khung điều khiển “**Học kì**”, hãy chọn học kì tương ứng với thời gian hiện tại.

- Phân công giáo viên giảng dạy: Trước khi tiến hành sắp xếp thời khóa biểu, cần phân công các giáo viên giảng dạy cho từng lớp học muốn xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

#	Môn học	Giáo viên
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán) ✕
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý) ✕
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh) ✕
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn) ✕
6	Sử	Trình Ngọc Thu (Sử) ✕
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕
9	Công nghệ	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
10	GD&CD	Phạm Minh Lương (GD&CD) ✕
11	Mỹ thuật	
12	GDQPAN	

Giáo viên

Huân (Toán)

Nga (Toán)

Trang (Toán)

Trung (Toán)

Tuấn (Toán)

An (Toán)

Vương (Toán)

Ý (Toán)

Thuật (Toán)

Đào (Toán)

1
2
3
4
5
6
7
8
9

Hãy chọn lớp học muốn phân công giáo viên giảng dạy.

Nhập giáo viên muốn phân công giảng dạy trong khung “**Giáo viên**” và thả vào bảng tương ứng với môn học.

Ấn nút “**Ghi lại**” để xác nhận.

Nếu thả nhầm hoặc muốn xóa giáo viên đã được phân công giảng dạy, chọn nút “**X**” tương ứng với giáo viên đó để xóa đi và ấn nút “**Ghi lại**” để lưu lại thông tin.

- Sắp xếp thời khóa biểu: Sau khi hoàn thành phân công giảng dạy, chúng ta có thể tiến hành sắp xếp thời khóa biểu.

Chọn mục “**Sắp xếp thời khóa biểu**” trong không gian thời khóa biểu để truy cập không gian sắp xếp thời khóa biểu.

Thứ	Tiết	Môn học	Giáo viên
2	1	Chào cờ	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)
	2	Toán	Trình Ngọc Thu (Sử)
	3	Toán	Đỗ Thị Kim Dung (Địa)
	4	Lý	Trần Hữu Anh (Công nghệ)
	5	Hóa	Phạm Minh Lương (GDCD)
3	1	Toán	Nguyễn Văn Thanh (Tin)
	2	Toán	Nguyễn Văn Thanh (Tin)
	3		
	4		
	5		

Đầu tiên, hãy chọn lớp muốn xếp thời khóa biểu trước.

Hãy nhậ các môn học trong khung “**Môn học**” và thả vào ô tương ứng trong bảng (tiết, thứ, buổi), nhậ các giáo viên trong khung “**Giáo viên**” và thả vào ô tương ứng với môn học.

Lưu ý: chỉ có các giáo viên đã được phân công giảng dạy trong lớp đang xếp thời khóa biểu mới hiển thị trong khung “**Giáo viên**”.

Nếu thả nhầm, có thể chọn nút “**X**” tương ứng để xóa đi và làm lại.

Cuối cùng, hãy ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Hệ thống hiển thị khung “**Thống kê**” ở bên phải để có thể xem thống kê sơ bộ số tiết tương ứng với các môn học của lớp học đó, tiện cho việc kiểm soát và sắp xếp thời khóa biểu.

- Xem thời khóa biểu toàn trường: Sau khi sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp học, có thể xem lại thời khóa biểu tổng thể của nhà trường bằng cách chọn mục “**Thời khóa biểu toàn trường**” trong không gian thời khóa biểu.

Sáng

Chiều

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10B1	10B2	10B3	10B4	10B5	10B6	10B7	10B8	10B9	11A1	11A2	11B1	11B2	11B3
2	1	Chào cờ	Sinh														
	2	Toán	Sinh														
	3	Toán	Sử														
	4	Lý	Địa														
	5	Lý	Tiếng Anh														
3	1																
	2																
	3																
	4																
	5																

f) Tiếp nhận hồ sơ học sinh/giáo viên chuyển tới

Học sinh/giáo viên xin chuyển trường, chuyển công tác tới sẽ được hiện thị trong mục “**Xin chuyển đến**”. Quản trị trường cần xác nhận yêu cầu chuyển đó thì học sinh/giáo viên xin chuyển tới mới có thể thuộc quyền quản lý của trường mình.

Chọn nút “**Tiếp nhận**” để xác nhận yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Sau khi tiếp nhận, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên sẽ được chuyển về trường mới.

Chọn nút “**Hủy bỏ**” để hủy bỏ yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Khi đó, yêu cầu xin chuyển trường của học sinh/giáo viên sẽ bị hủy bỏ, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên đó vẫn thuộc về trường cũ.

1.2. Tài khoản giáo viên

a) Quản lý danh sách lớp chủ nhiệm và lớp giảng dạy

Trong “**Không gian trường học**”, chọn mục “**Danh sách lớp**” trên thanh menu bên phải. Danh sách các lớp chủ nhiệm và các lớp được phân công giảng dạy sẽ hiện ra.

DANH SÁCH LỚP

Trường: THPT Châu Thành

Năm học: 2014 - 2015

1. Danh sách lớp chủ nhiệm

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
13GiaoVien	83	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp
13GVChauThanh	84	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp

2. Danh sách lớp giảng dạy

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
10A2	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp
10A1 (VNEN)	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp

Để xem danh sách học sinh của lớp, chọn nút “**Xem danh sách lớp**” tương ứng.

b) Quản lý điểm

- Nhập điểm và nhận xét cho học sinh:

Để chấm điểm và nhận xét cho các lớp giảng dạy, truy cập mục “**Quản lý điểm**” trong “**Không gian trường học**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: Chọn lớp
 Nhận xét: Chọn lớp
 10A2 (Đĩa)
 10A1 (Đĩa)

HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC						

Đầu tiên, hãy chọn lớp để vào điểm. Danh sách học sinh sẽ hiện ra.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đĩa)
 Nhận xét: ☒ Bật ☐ Tắt

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	10 10 10 4.5	8 8 9 8	10 9 2.5 3.5		9.2
2	Phạm Đức Đồng (HS.02753.00395)	8 7 1.5	8	6 5 5.5		6.8
3						
4						
5						
6						
7						
8						

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5
10	NX

Đề vào điểm, chọn điểm tương ứng và kéo thả vào các ô tương ứng (Hệ số 1, 2, 3...) với mỗi học sinh. Khi cho điểm, lưu ý lựa chọn “**Nhận xét**”.

Nếu “**Bật**”: với mỗi điểm số, cần cho một nhận xét tương ứng.

Ví dụ khi cho điểm với trạng thái nhận xét bật:

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đĩa)
 Nhận xét: ☒ Bật ☐ Tắt

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng (HS.02753.00394)					9.2
2	Phạm Đức Đ (HS.02753.00395)					6.8
3						
4						
5						
6						

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5

Nhận xét

Nhận xét: Bài chưa tốt!

Đồng ý
Hủy

Hộp thoại nhận xét hiện lên, gõ lời nhận xét sau đó ấn nút “**Đồng ý**”.

Nếu “**Tắt**”: chỉ cho điểm, không có nhận xét.

Sau khi cho điểm, có thể chỉnh sửa hoặc xóa điểm số đã cho bằng cách ấn vào điểm tương ứng.

Hệ số 2	Hệ số 3	Khác
8 8 9 8	10 9 2.5 3.5	4.5
8		

Chi tiết ✕

Điểm: 8

Nhận xét: Cần cố gắng hơn nữa

Sửa
Xóa

Để sửa điểm số hoặc lời nhận xét, chọn nút “**Sửa**”. Khung chỉnh sửa sẽ hiện lên.

Chọn lớp: 10A2 (Địa) ▼

Nhận xét: ☒ Bật ☐ Tắt

#	Học sinh	Điểm	Nhận xét	TBM
1	Nguyễn Hùng (HS.02753.00)	8	Cần cố gắng hơn nữa	9.2
2	Phạm Đức Đạt (HS.02753.00)			6.8
3				
4				
5				

Chỉnh sửa điểm ✕

Điểm:

Nhận xét:

Đồng ý
Hủy

Chỉnh sửa điểm và nhận xét rồi ấn nút “**Đồng ý**”.

Để xóa điểm số, chọn nút “**Xóa**”.

Sau khi hoàn thành việc cho điểm và nhận xét, ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Lưu ý: Dành cho các lớp học theo Mô hình trường học mới

Các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ có không gian quản lý điểm khác so với các lớp học bình thường (hình dưới).

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN

#	Học sinh	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Cao Hoàng Ân (HS.02753.00199)	10 10 9	10 10 NX	9.5
2	Lê Đình Phương Anh (HS.02753.00200)			
3	Nguyễn Hải Anh (HS.02753.00201)	10		
4	Đường Trúc Duyên (HS.02753.00202)			
5	Đoàn Ngọc Thiện Đạt (HS.02753.00203)			
6	Lê Tuấn Anh Hải (HS.02753.00204)			
	Lê Thị Ngọc Hân			

Thang điểm VNEN:

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5
10	NX

Đánh giá học sinh trong các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ được chia thành hai mục chính:

Đánh giá thường xuyên: đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng. Đánh giá Biểu hiện về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục. Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có).

Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học.

- Tổng kết môn: Sau khi hoàn thiện điểm số trong học kì cho học sinh, có thể tính điểm tổng kết cho học sinh bằng cách chọn nút “**Tổng kết môn**” ở cuối trang. Điểm số này được tính tự động theo điểm số trong 3 mục Hệ số 1, hệ số 2 và hệ số 3.

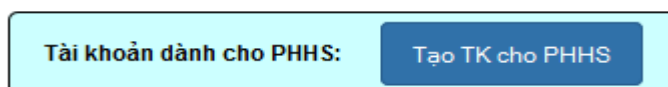
c) Trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh

Để truy cập không gian trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh, kích chuột vào tên lớp trong “**Danh sách lớp**”.

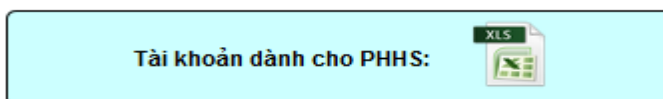


- Giáo viên chủ nhiệm tạo tài khoản cho cha mẹ học sinh

Để sinh tài khoản cho phụ huynh học sinh, “**Giáo viên chủ nhiệm**” chọn nút “**Tạo TK cho PH học sinh**” trong không gian trao đổi.



Sau khi tạo tài khoản cho phụ huynh học sinh, một file định dạng excel sẽ được hệ thống tạo ra lưu trữ thông tin danh sách tài khoản và mật khẩu truy cập của phụ huynh. “**Giáo viên chủ nhiệm**” tải file này xuống và gửi tới cha mẹ học sinh tương ứng trong danh sách.



Ngoài ra, có thể lựa chọn tạo từng tài khoản CM học sinh tương ứng với mỗi học sinh thay vì tạo theo danh sách lớp (ví dụ trong trường hợp có học sinh mới chuyển tới

mà chưa cho CM học sinh kèm theo) bằng cách chọn nút **“Tạo tài khoản PH học sinh”** tương ứng với mỗi học sinh.

1	NO PHOTO HS.02753.01248	Mã HS: HS.02753.01248 Giới tính: Ngày sinh:	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Xem chi tiết	Tạo tài khoản PHHS
---	----------------------------	---	-----------------------------------	--------------	--------------------

- Trao đổi cá nhân giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh:

Để trao đổi cá nhân với mỗi phụ huynh học sinh, chọn nút **“Trao đổi”** tương ứng với mỗi vị phụ huynh.

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Kết quả học tập	Trao đổi với PHHS
1	NO PHOTO Cao Hoàng Ân	Mã HS: HS.02753.00199 Giới tính: Nam Ngày sinh: 10/11/1999	Điện thoại: 0643827361 Email: caohoangan1999@gmail.com Địa chỉ: 31 Hùng Vương - Phước Hưng - Bà Rịa - Vũng Tàu	Xem chi tiết	Phạm Văn Đức Điện thoại: 012345678 Email: phuongphd@gmail.com Trao đổi

Để khởi tạo một chủ đề thảo luận mới với phụ huynh học sinh, gõ nội dung vào khung soạn thảo, sau đó ấn nút **“Gửi”**.

Trang chủ > Không gian trường học > Danh sách lớp học > Lớp 10A1 > Trao đổi với phụ huynh em: Cao Hoàng Ân

NO PHOTO HS.02753.00199	Họ và tên: Cao Hoàng Ân Trường: THPT Châu Thành Lớp: 10A1 Kết quả học tập: Xem chi tiết
----------------------------	--

Phụ huynh học sinh: Ông. Phạm Văn Đức (Tel: 012345678)

Gửi đây em Ân học rất tốt, thưa bác!

CHƯA CÓ TRAO ĐỔI NÀO

Lưu ý: thảo luận trong mục này là thảo luận cá nhân giữa giáo viên và phụ huynh của một học sinh cụ thể.

- Thảo luận chung giữa các giáo viên và phụ huynh học sinh: Trong không gian trao đổi của mỗi lớp học, không gian **“Thảo luận chung”** là nơi trao đổi giữa tất cả các giáo viên đang giảng dạy lớp học đó và phụ huynh của học sinh. Để truy cập không gian **“Thảo luận chung”**, chọn nút **“Thảo luận chung”** trên thanh menu ngang. Thao tác tạo chủ đề thảo luận và trả lời một chủ đề tương tự như phần trao đổi cá nhân đã trình bày ở trên.

Lưu ý: các thảo luận trong mục này tất cả giáo viên và phụ huynh học sinh trong lớp học đều có thể xem và tham gia thảo luận.

d) Tổ chức dạy học cho học sinh

Tạo bài học mới: Mô đun “**Quản lí bài học**” cho phép giáo viên: tạo một bài học hoặc chủ đề mới; chỉnh sửa lại bài học; xóa bài học; quản lí danh sách các bài học.

- Khi tạo một bài học hoặc một chủ đề mới, giáo viên cần đặt tiêu đề, chỉ rõ lĩnh vực (môn học), mô tả cụ thể chủ đề hoặc yêu cầu hoạt động cho học sinh, đặt phạm vi cho phép truy cập bài học (dành cho đối tượng nào).

- Sau khi tạo xong, giáo viên có thể upload thêm tài liệu tham khảo, giúp học sinh thuận lợi hơn trong việc tiến hành các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- Theo dõi quá trình đăng kí học và xác nhận đăng kí cho học sinh:

Sau khi giáo viên tạo ra bài học mới, những học sinh thuộc phạm vi cho phép sẽ có quyền đăng kí theo học. Tùy vào khóa học/chủ đề, giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

Đối với từng khóa học, giáo viên có thể theo dõi quá trình đăng kí học của học sinh, của từng nhóm học sinh:

DANH SÁCH CÁC NHÓM ĐĂNG KÝ KHÓA HỌC			THẮC MẮC CỦA HỌC SINH	THÔNG BÁO CHUNG		
STT	Nhóm	Thành viên	Sản phẩm	Quyền sửa	Điểm	Xác nhận
1.	Nhóm học sinh số 1	1. Học sinh 1 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 2	 DOWNLOAD		10	
2.	Nhóm 2	1. Học sinh 3 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 4	 DOWNLOAD		19	
						Chọn tất cả Xóa tất cả
Đồng ý						

Trong mục này, giáo viên có công cụ để cho phép, hoặc không cho phép học sinh/nhóm học sinh nào đó tham gia khóa học/chủ đề.

Khi giáo viên xác nhận đủ điều kiện tham gia, các học sinh/nhóm học sinh mới có quyền truy cập đến các dữ liệu khác của khóa học/chủ đề.

- Điều khiển quá trình học tập: Ra thông báo chung cho cả lớp các hoạt động, gợi ý hoặc chỉ dẫn,... trong mục “**THÔNG BÁO CHUNG**”; trả lời thắc mắc, hỗ trợ, gợi ý học sinh. Khi học sinh đặt câu hỏi, giáo viên có thể trao đổi trực tiếp trên hệ thống trong mục “**THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**”.

- Quản lí nhóm và sản phẩm nhóm: Trong hình trên, giáo viên có thể nhìn thấy sản phẩm mà học sinh/nhóm học sinh đã upload lên. Giáo viên có thể download xuống để đọc và cho điểm.

- Chấm điểm cho sản phẩm: Sau khi đọc xong và cho điểm, giáo viên có công cụ để nhập điểm vào hệ thống để thông báo cho học sinh/nhóm học sinh.

e) Xin chuyển công tác

Học sinh/giáo viên có quyền xin chuyển sang một trường khác bằng các thao tác được mô tả dưới đây.

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Xin chuyển trường**”.

Chọn trường muốn chuyển tới theo trình tự: chọn tỉnh → chọn huyện → chọn trường.



Ấn nút “**Xin chuyển trường**” để xác nhận.

Sau khi xác nhận thành công, thông tin chuyển trường của học sinh/ giáo viên sẽ được gửi tới trường chuyển đến, học sinh/giáo viên chờ quản trị trường chuyển tới đồng ý thì học sinh/giáo viên đó sẽ do trường chuyển tới quản lý.



Học sinh/giáo viên có thể hủy bỏ lệnh xin chuyển trường trước khi trường chuyển tới đồng ý cho chuyển bằng cách chọn nút “**Hủy bỏ**”.

f) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn

Các khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn của giáo viên được đặt trong mục “**Sinh hoạt chuyên môn**”. Khi đã đăng nhập bằng tài khoản cá nhân, giáo viên có thể lựa chọn khóa học/bài học theo môn học/hoạt động giáo dục, lớp, giáo viên; đăng kí tham gia các khóa học/bài học và thực hiện các hoạt động học theo hướng dẫn.

Giáo viên sẽ nhìn thấy danh sách những khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn do Bộ GDĐT hoặc sở GDĐT tạo ra. Kích chuột vào tiêu đề của khóa học/chủ đề, giáo viên sẽ xem được mô tả tổng thể của khóa học/chủ đề.

Quy trình tổ chức nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống như sau:

- Bước 1: Tổ trưởng đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.
- Bước 2: Các thành viên trong tổ/nhóm trao đổi, thảo luận trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Bước 3: Tổ trưởng tập hợp, biên tập lại sản phẩm và nộp lên hệ thống.

Thao tác kỹ thuật:

Bước 1: Tổ trưởng chuyên môn đăng ký tham gia và tổ chức nhóm.

Tìm hiểu mục đích - yêu cầu của khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn trước khi đăng kí tham gia.

Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn có trách nhiệm đăng kí tham gia và làm nhóm trưởng, sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để thực hiện theo nhóm. Quy trình đăng kí như sau:

- Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
 - + Chọn “**Sinh hoạt chuyên môn**”.
 - + Chọn “**Lĩnh vực**” (VD: Toán).
 - + Chọn “**Lớp**” (VD: 12).
 - + Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Đăng ký tham gia.

Trong không gian của chủ đề chuyên môn, chọn nút “**Đăng ký**”.

Lưu ý: người đầu tiên đăng ký sẽ tự động là nhóm trưởng, các giáo viên khác trong trường muốn tham gia chủ đề này buộc phải được người này mời vào nhóm chứ không thể đăng ký được nhóm mới. Do đó, tốt nhất tổ trưởng chuyên môn nên là người đầu tiên đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.

- Mời thành viên.
 - + Chọn nút “**Thêm thành viên**”.
 - + Không gian tìm kiếm và thêm thành viên sẽ hiện ra.

Tìm kiếm giáo viên để thêm vào nhóm

-- Chọn bộ môn --

	Tài khoản:	ttson
	Họ và tên:	Trần Thị Sơn
	Chuyên môn:	Vật lí
	Điện thoại:	0913563341
	Email:	thanhhdhsphn@yahoo.com

Lưu ý: có thể tìm kiếm giáo viên bằng các cách tìm kiếm theo chuyên môn, theo mã giáo viên (VD: GV.00012.001) hoặc theo tên giáo viên.

+ Sau khi tìm kiếm, danh sách các giáo viên thỏa mãn điều kiện tìm kiếm sẽ hiện ra. Lựa chọn và ấn nút **“Thêm thành viên”** tương ứng với mỗi giáo viên để thêm vào nhóm.

Ghi chú: Sau khi đăng kí, có thể xem được thông tin về các thành viên trong nhóm bằng cách kích vào nút **“Thông tin nhóm”**. Danh sách nhóm sẽ hiện ra như dưới đây. Tổ trưởng có quyền xóa giáo viên (nếu thêm nhầm) hoặc thêm các thành viên khác vào nhóm.

ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÓA HỌC

1. Tên nhóm

2. Thành viên trong nhóm

	Tài khoản:	nxtrung
	Họ và tên:	Nguyễn Xuân Trung (Nhóm trưởng)
	Chuyên môn:	Vật lí
	Điện thoại:	0913568506
	Email:	trungthptxbnd@gmail.com

	Tài khoản:	ttson
	Họ và tên:	Trần Thị Sơn
	Chuyên môn:	Vật lí
	Điện thoại:	0913563341
	Email:	thanhhdhsphn@yahoo.com

Bước 2: Tham gia trao đổi trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.

- **“Hoạt động – Thông báo”**: khu vực trao đổi của giáo viên toàn quốc (chỉ có thể tham gia trao đổi khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động một nội dung trao đổi nào đó trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn).

Sau khi đã đăng kí thành công, giáo viên bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ học tập/sinh hoạt chuyên môn. Trong quá trình học tập/sinh hoạt chuyên môn, giáo viên cần thường xuyên xem thông báo chung của khóa học/chủ đề. Giáo viên sẽ nhận được thông báo trong mục **"Hoạt động - Thông báo"**. Giáo viên có quyền đặt câu hỏi để trao đổi lại với giảng viên/ban tổ chức. Lưu ý rằng, trong thông báo chung, mọi giáo viên tham gia khóa học/chủ đề đều có thể đọc được thông tin.

- **“Trao đổi nhóm”**: Thảo luận trong nhóm: Các thành viên trong nhóm có thể thảo luận trực tuyến. Những trao đổi này sẽ được giảng viên/ban tổ chức nhìn thấy, tham gia và hỗ trợ cũng như điều hành hoạt động của nhóm.

- **“Hỏi & đáp”**: Đặt câu hỏi cho giảng viên/ban tổ chức và thảo luận: Để gửi câu hỏi và trao đổi giảng viên/ban tổ chức, giáo viên vào mục **"Hỏi & Đáp"** và upload câu hỏi lên hệ thống. Giảng viên/ban tổ chức sẽ nhận được câu hỏi và trao đổi riêng với từng giáo viên.

Thao tác kĩ thuật:

Trong không gian trao đổi của mỗi mục trên, thao tác như sau:

- + Gõ nội dung trao đổi.
- + Đính kèm file (nếu cần) bằng cách chọn nút **“BROWSE”**.
- + Ấn nút **“Gửi”**.

Bước 3: Tổ trưởng chuyên môn nộp sản phẩm

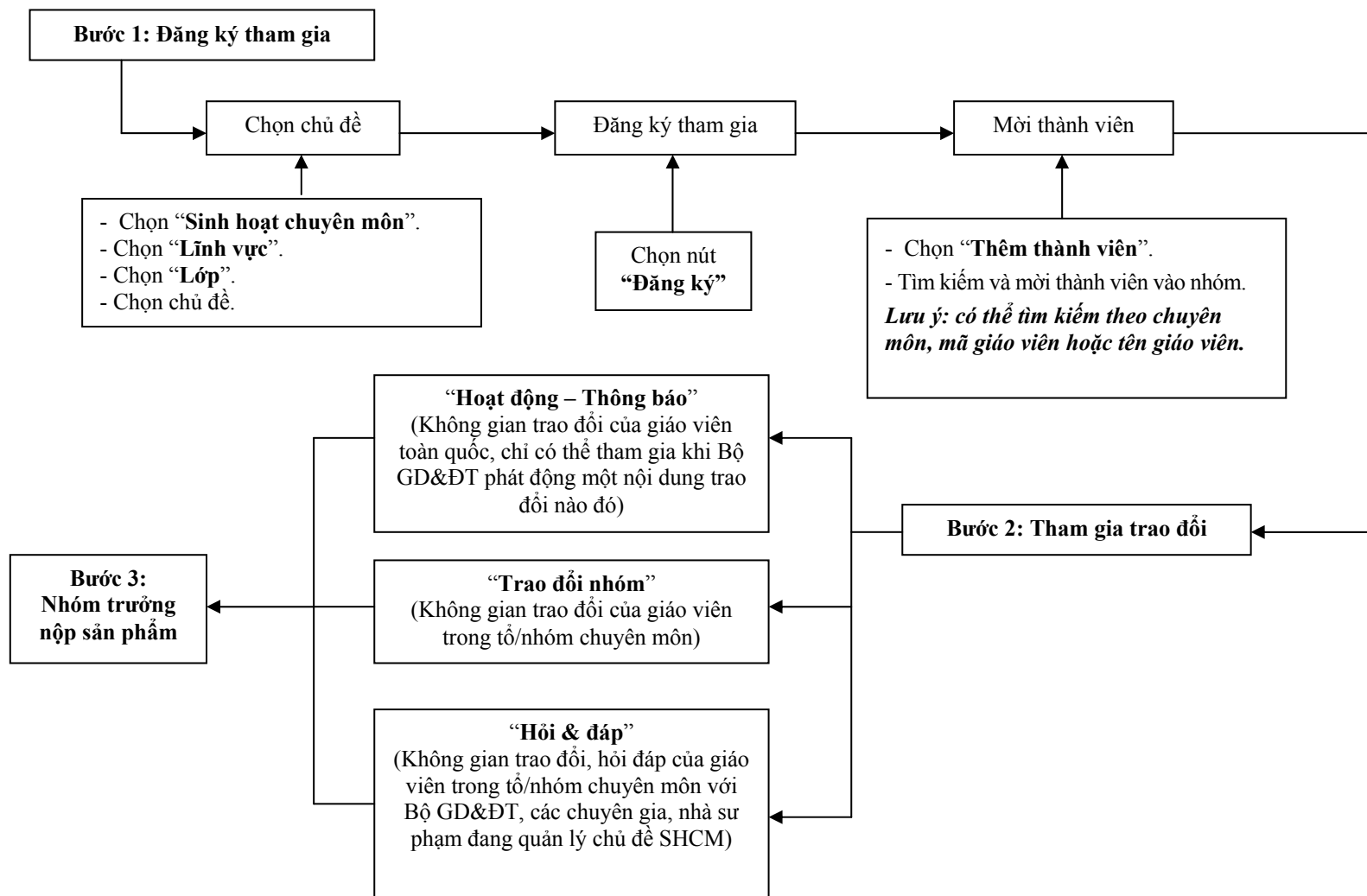
Sau quá trình làm việc, tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn hoàn thành sản phẩm của mình, đại diện cho nhóm gửi sản phẩm cho giảng viên/ban tổ chức trong mục **"Sản phẩm - Kết quả"**.

Trong không gian nộp sản phẩm, thao tác như sau:

- + Đính kèm file bằng cách chọn nút **“BROWSE”**.
- + Ấn nút **“Gửi”**.

Lưu ý: chỉ có nhóm trưởng mới có quyền nộp sản phẩm.

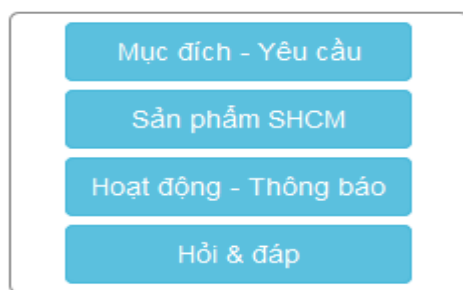
Sản phẩm này sau khi nộp lên hệ thống, các cấp quản lý từ nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nhìn thấy, theo dõi và đánh giá kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong phạm vi quản lý của mình.



1.3. Quyền chuyên gia

Với mục đích hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn của các trường phổ thông trên toàn quốc thực hiện hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH kí ngày 08/10/2014, Bộ GD&ĐT chỉ đạo xây dựng và tổ chức **Quyền chuyên gia** trên Trường học kết nối. Quyền chuyên gia được cấp cho các nhà khoa học và các nhân tố điển hình ở khắp mọi miền để kết nối với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua hệ thống trực tuyến. Những chuyên gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định sẽ có quyền xem tất cả các sản phẩm của các tổ/nhóm chuyên môn do chuyên gia đó phụ trách, đồng thời, các chuyên gia có thể trao đổi trực tuyến với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua mục **Hỏi&Đáp** của Trường học kết nối.

Trong “**Sinh hoạt chuyên môn**”, chọn “**Quản lý SHCM**”, sau đó lựa chọn một chủ đề cụ thể. Quyền chuyên gia sẽ có các chức năng sau:



- Chọn “**Sản phẩm SHCM**” để theo dõi kết quả Sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong toàn quốc, trong phạm vi chuyên môn của mình.

HK1.1. Vật lý 12. Năm học 2014-2015
Ngày bắt đầu đăng ký: 04/10/2014. Ngày hết hạn đăng ký: 03/11/2015
Giáo viên: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lĩnh vực: Vật lý

DANH SÁCH TỔ / NHÓM CHUYÊN MÔN

Lọc dữ liệu:
Tỉnh:
Quận/huyện:
Trường:

* Danh sách có 248 Tổ / nhóm chuyên môn
« Trước 1 2 3 4 5 ... 13 Sau » Số lượng hiển thị: 20

STT	Tổ / nhóm chuyên môn	Thành viên	Sản phẩm
1	(Tin học) THPT GDTRH-GDTX 94 Quang Trung - Hải Dương - Hải Dương	1. Đỗ Văn Hào (Tổ / nhóm trưởng)	
2	(Vật lý) TTGDTX Tỉnh Phòng GDCN-GDTX Ngõ 185-Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên - Thái Nguyên	1. Nguyễn Ngọc Hưng (Tổ / nhóm trưởng) 2. Bùi Thái An 3. Lương Thị Mai Hương 4. Nguyễn Văn Khiêm	 DOWNLOAD

Bảng thống kê kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm trong chủ đề sẽ hiện ra. Cột “**Tổ/nhóm chuyên môn**” hiển thị thông tin cơ bản về đơn vị công tác, địa chỉ nơi công tác của mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Thành viên**” hiển thị danh sách các thành viên trong mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Sản phẩm**” hiển thị sản phẩm sinh hoạt chuyên môn của mỗi tổ nhóm. Nếu tổ/nhóm nào đã nộp sản phẩm, chuyên gia có thể download sản phẩm đó.

- Chọn “**Hoạt động – Thông báo**”: Tham gia trao đổi chuyên môn với giáo viên toàn quốc.

- Chọn “**Hỏi & đáp**”: Tham gia giải đáp, trả lời các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên toàn quốc trong quá trình sinh hoạt chuyên môn trong phạm vi chuyên môn của mình.

Danh sách các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên sẽ hiện ra. Chuyên gia có thể sử dụng bộ lọc ở trên để tìm kiếm, trao đổi tới từng trường trong toàn quốc.

Để tham gia trao đổi, giải đáp với các tổ/nhóm chuyên môn, chọn “**Chi tiết**” tương ứng với mỗi chủ đề câu hỏi của giáo viên.

Chuyên gia có thể trao đổi bằng cách gõ nội dung vào ô nhập dữ liệu hoặc bằng file dữ liệu (nếu cần) bằng cách chọn nút “**BROWSE**”.

1.4. Tài khoản cha mẹ học sinh

Cha mẹ học sinh sau khi được giáo viên chủ nhiệm chuyển giao tài khoản và mật khẩu có thể truy cập hệ thống, xem kết quả học tập của con em mình và tham gia trao đổi, thảo luận với các giáo viên đang giảng dạy con em mình. Để truy cập không gian dành cho phụ huynh học sinh, chọn mục “**Không gian trường học**”.

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN

NO PHOTO

HS.02753.00199

Họ và tên:
Cao Hoàng Ân

Trường:
THPT Châu Thành

Lớp:
10A1

Kết quả học tập:
Xem chi tiết

Giáo viên chủ nhiệm: Bùi Thị Thanh Huân (Trao đổi (1))

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi

Để xem kết quả học tập của con em mình, chọn nút “**Xem chi tiết**” tương ứng với mục “**Kết quả học tập**”.

THÔNG TIN KẾT QUẢ HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2014 - 2015


 NO PHOTO
 HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Điện thoại: 0643827361

Email: caohoangan1999@gmail.com

#	Môn học	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Toán			
2	Lý			
3	Hóa			
4	Sinh			
5	Văn			
6	Sử			

Để tham gia trao đổi cá nhân với mỗi giáo viên bộ môn hoặc giáo viên chủ nhiệm, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi giáo viên trong bảng giáo viên giảng dạy.

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn)	Trao đổi
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử)	Trao đổi
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa)	Trao đổi
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin)	Trao đổi

Để tham gia thảo luận chung với tất cả giáo viên giảng dạy và các vị phụ huynh khác, chọn nút “**Thảo luận chung**”.

2. Tập huấn triển khai mô hình trường học mới trên mạng

Nội dung tập huấn triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 trên trang mạng "Trường học kết nối" bao gồm 4 bài học sau như sau:

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

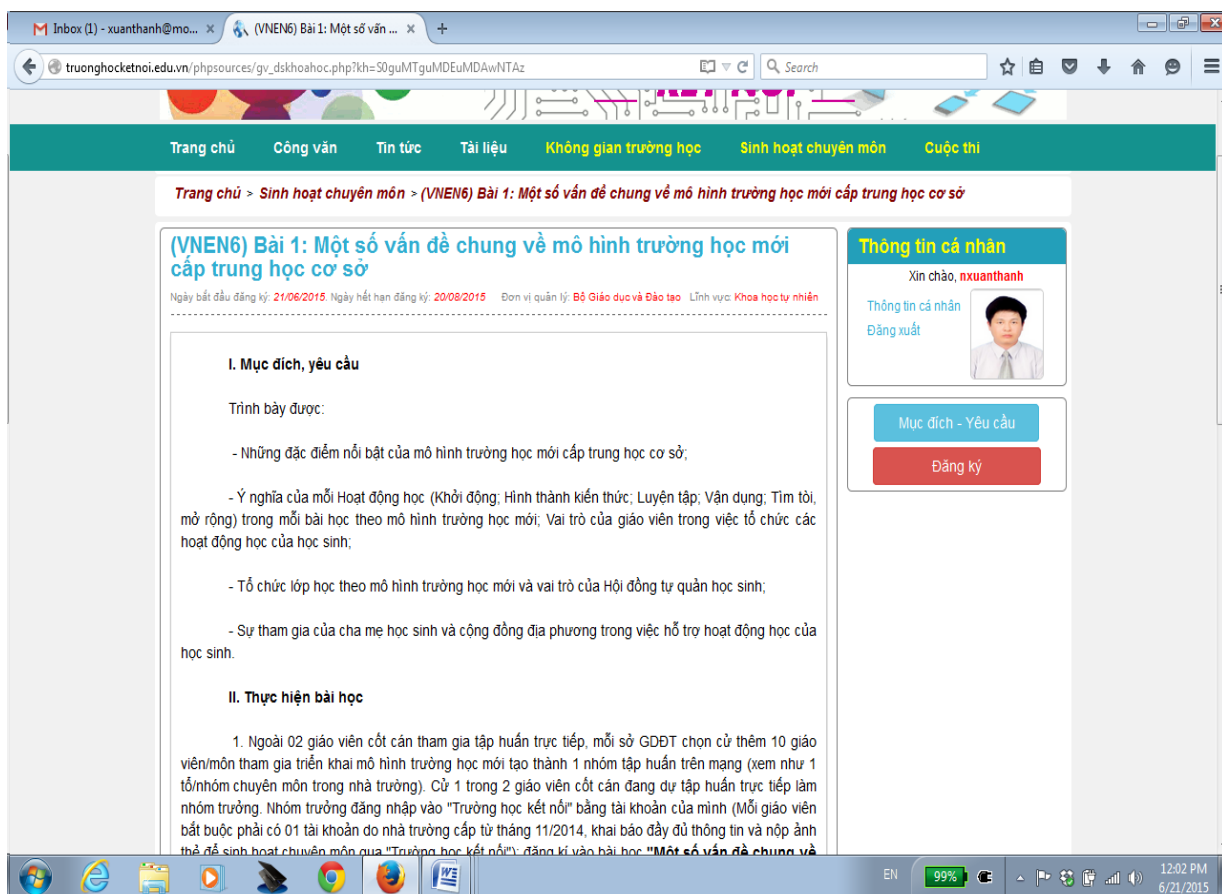
Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn



Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

a) Mục đích, yêu cầu

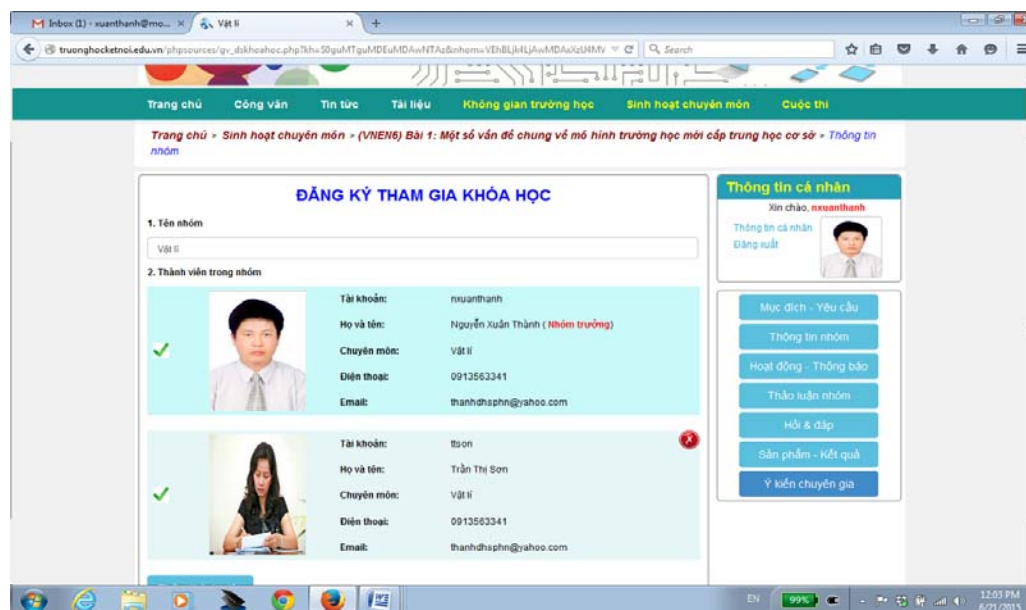
- Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở;
- Ý nghĩa của mỗi Hoạt động học (Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng) trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới; Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học của học sinh;
- Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương trong việc hỗ trợ hoạt động học của học sinh.



b) Thực hiện bài học

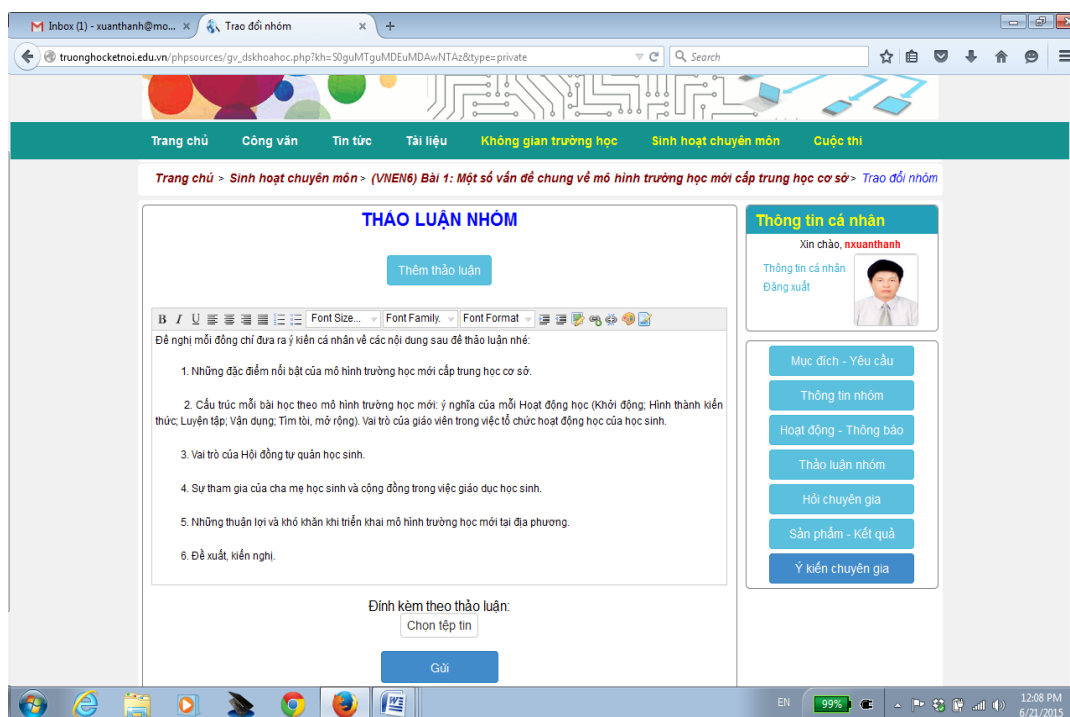
- Ngoài 02 giáo viên cốt cán tham gia tập huấn trực tiếp, mỗi sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử thêm 10 giáo viên/môn tham gia triển khai mô hình trường học mới tạo thành 1 nhóm tập huấn trên mạng (xem như 1 tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường). Cử 1 trong 2 giáo viên cốt cán đang dự tập huấn trực tiếp làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng đăng nhập vào "Trường học kết nối" bằng tài khoản của mình (Mỗi giáo viên bắt buộc phải có 01 tài khoản do nhà trường cấp từ tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối"); đăng kí vào bài học "**Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở**"; sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn của mình để tạo thành 01 nhóm tập huấn qua mạng. Nhóm trưởng khởi tạo bài học và chỉ huy cả nhóm (bao gồm các giáo viên đang tham gia tập huấn trực tiếp và các giáo viên tham gia qua "Trường học kết nối" tại địa phương) thảo luận để hoàn thành bài học.

+ Tạo tổ/nhóm sinh hoạt chuyên môn trên mạng:



- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau:

- + Bài phát biểu chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển;
- + Bài trình bày "Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở";
- + Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6.
- + Thảo luận nhóm trên mạng:



+ Hỏi ý kiến chuyên gia qua mạng:



c) Nộp báo cáo lên mạng

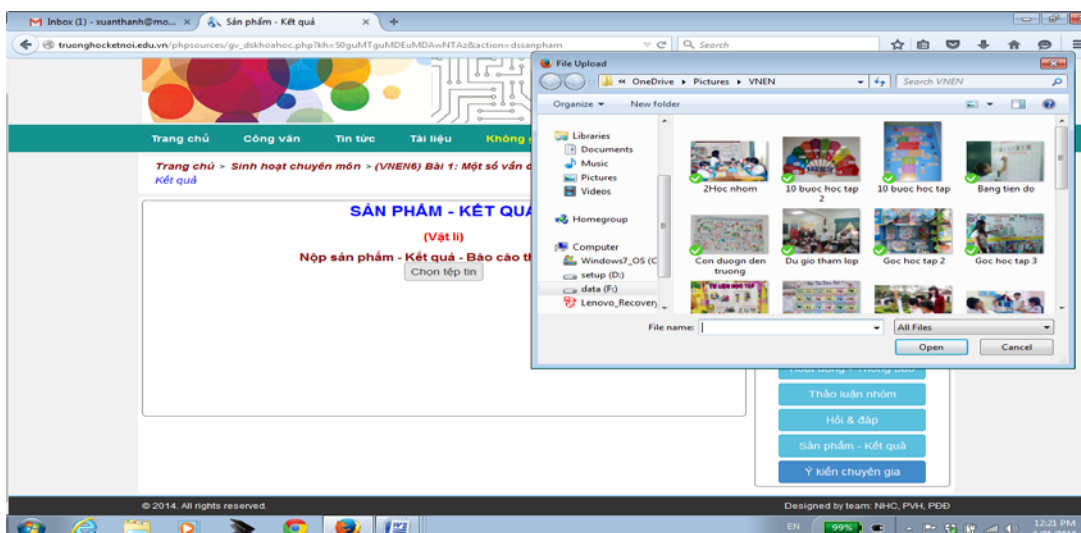
Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Những đặc điểm của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở.
- + Cấu trúc mỗi bài học theo mô hình trường học mới: ý nghĩa của mỗi Hoạt động học. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học của học sinh.
- + Vai trò của Hội đồng tự quản học sinh.
- + Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giáo dục học sinh.
- + Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai mô hình trường học mới tại địa phương.
- + Đề xuất, kiến nghị.

- Nộp báo cáo lên mạng:



Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Trình bày được tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học thông qua chuỗi Hoạt động học: Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng;
- Trình bày được: Mục đích, nội dung, phương thức hoạt động (kỹ thuật học tích cực được sử dụng) và sản phẩm học tập của học sinh trong mỗi Hoạt động học trong bài học;
- Dự kiến được những khó khăn của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập và chuẩn bị biện pháp hỗ trợ hợp lý;
- Trình bày được phương án kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh trong bài học. Ví dụ: thông qua quan sát hoạt động học của học sinh; thông qua sản phẩm học tập; cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau;...

b) Thực hiện bài học

- Tạo nhóm học trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa**".
- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau: Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6; Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6; Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

c) Nộp báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học, thể hiện qua nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học trong cả chuỗi hoạt động học của bài học.
- + Kỹ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức mỗi hoạt động học thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; đề xuất các kỹ thuật dạy học khác có thể được sử dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.
- + Thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng trong mỗi hoạt động (nếu có) đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học; Đề xuất những thiết bị dạy học, học liệu có thể thay thế.
- + Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học qua: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; cách quan sát hoạt động học của học sinh, những khó khăn mà học sinh có thể gặp...; các biện pháp giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập; biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; biện pháp tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận;...
- + Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh; xây dựng rubric đánh giá; cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhật ký dạy học...); Đề xuất các phương án đánh giá khác có thể sử dụng.

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và cách tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới;

- Tăng cường năng lực sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học cho cán bộ quản lý, giáo viên;

- Thực hành vận dụng được các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu video bài học minh họa**";
- + Các học viên nghiên cứu video bài học, vận dụng các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 để phân tích về các hoạt động học.

c) Nộp báo cáo lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học.
- + Hoạt động của giáo viên: Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; Khả năng quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình hoạt động học; Các biện pháp đã sử dụng giúp học sinh vượt qua khó khăn; Biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; Khả năng tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận về sản phẩm học tập;... Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh.
- + Hoạt động của học sinh: Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học sinh; Mức độ tích cực, chủ động, hợp tác trong các hoạt động học; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập: tính chính xác, sự phù hợp, tiến độ; Khả năng và mức độ tích cực, chủ động trong báo cáo và thảo luận.

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn (KTĐG?)

a) Mục đích, yêu cầu

- Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học và tài liệu Tập huấn để xây dựng Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học;

- Hoàn thành Kế hoạch dạy học và nộp lên mạng.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn".
- + Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học để xây dựng Kế hoạch dạy học.

c) Nội Kế hoạch dạy học lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.
- Nội dung: Báo cáo chi tiết về Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học.

G. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường tham gia dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới 6, 7 trước khi bắt đầu năm học mới 2015-2016.

- Lựa chọn và xây dựng thành cụm các trường dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới để tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Cử cán bộ, chuyên viên tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục triển khai mô hình trường học mới của các phòng Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra việc thực hiện các văn bản, chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo và trường THCS trên tinh thần giao quyền chủ động cho các nhà trường trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn các phòng GDDT và các trường THCS định kỳ đánh giá, góp ý các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản đề hướng dẫn, chỉ đạo các trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của các trường THCS tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với các trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, trình sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở giáo dục tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới 6, 7 thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ/Sở Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo các trường THCS tham gia góp ý cho các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo

- Có các biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nguồn học liệu,...cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới .

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo sinh hoạt chuyên môn cấp huyện hoặc cụm trường để tạo điều kiện cho các tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật thông tin về hoạt động dạy và học theo mô hình trường học mới, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết.

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG

- Triển khai, đôn đốc, kiểm tra giáo viên và các tổ chuyên môn đối với việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở và phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, trình phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Thường xuyên chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết. Tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên để triển khai công việc.

- Tổ chức một số buổi sinh hoạt chuyên môn chung cho các trường tham gia dạy thử nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, thảo luận, rút kinh nghiệm về việc thực hiện các bài học và hoạt động giáo dục, về đánh giá học sinh trong quá trình dạy học.

- Xây dựng cơ chế động viên giáo viên tự làm thiết bị dạy học; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục; có các biện pháp để tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức cho cán bộ và giáo viên tham gia góp ý các loại tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về phòng Giáo dục và Đào tạo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tự Ân – Mô hình trường học mới tại Việt Nam, hỏi – đáp, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.
3. Công văn số 7162/BGDĐT- GDTrH ngày 10/12/2014 về việc đánh giá kết quả bước đầu thực nghiệm mô hình VNEN cấp THCS.
4. Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc dạy học thông qua di sản.
5. Công văn số 3535 /BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác.
7. Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng./.

Phần II

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN LỚP 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM MÔN TOÁN

Môn Toán trong trường phổ thông nhằm hình thành và phát triển cho học sinh năng lực tính toán, năng lực tư duy toán học, năng lực giải quyết các vấn đề toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giao tiếp toán học (nói, viết và biểu diễn toán học), năng lực sử dụng các công cụ, phương tiện học toán (đặc biệt là công cụ công nghệ thông tin và truyền thông); giúp học sinh nhận biết toán học như là một phương tiện mô tả và nghiên cứu thế giới hiện thực, là công cụ thực hành ứng dụng trong học tập các môn học khác.

Những kiến thức, kĩ năng và phương pháp toán học là cơ sở để tiếp thu những kiến thức về khoa học và công nghệ, góp phần học tập các môn học khác trong trường phổ thông và vận dụng vào đời sống. Giáo dục toán học được thực hiện ở nhiều môn học như Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Tin học,... trong đó môn Toán là môn học cốt lõi.

Môn Toán là môn học bắt buộc ở trung học cơ sở, giúp học sinh nắm được một cách có hệ thống các khái niệm, nguyên lý, quy tắc toán học cần thiết nhất cho tất cả mọi người, làm nền tảng cho việc học tập tiếp theo ở các trình độ học tập hoặc có thể sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

Cấu trúc chương trình môn Toán trung học cơ sở dựa trên sự phối hợp cả cấu trúc tuyến tính với cấu trúc “xoáy tròn ốc” (đồng tâm, mở rộng và nâng cao dần), xoay quanh và tích hợp mạch kiến thức: Số-Đại số; Hình học; Thống kê.

2. HƯỚNG DẪN CHUNG

2.1. Khái quát về cấu trúc chương trình môn Toán lớp 6, mô hình trường học mới (những thay đổi so với Chương trình và Sách giáo khoa hiện hành, lí do thay đổi).

a) Thời lượng tối thiểu để dạy học Toán 6 theo mô hình trường học mới về cơ bản được bảo đảm như quy định của chương trình Toán 6 THCS hiện hành (bố trí theo tiết học thông thường), thể hiện cụ thể như sau:

$35 \text{ tuần} \times 4 \text{ tiết/tuần} = 140 \text{ tiết}$, giành thời gian 2 tuần còn lại để dự trữ.

Nội dung dạy học theo chương trình Toán 6 theo mô hình trường học mới được phân chia thành các bài học, tổng cộng cả năm học lớp 6 có 74 bài học. Mỗi bài học có thể gồm 1 hoặc 2 tiết học thông thường.

Kết cấu như vậy sẽ tạo điều kiện để GV và HS chủ động điều tiết thời gian hoàn thành bài học, đồng thời giúp tăng cường hoạt động thực hành cho HS. GV có thể tổ chức hoạt động học tập cho HS trong từng bài học một cách linh hoạt.

Theo kinh nghiệm, với những bài học liên quan đến tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức mới, các hoạt động khởi động và hình thành kiến thức thường kết thúc sau tiết học đầu tiên và chỉ dấu kết thúc giờ học là hình vẽ biểu thị việc HS báo cáo với thầy cô giáo kết quả có được, như dưới đây:

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

b) Một số điều chỉnh trong nội dung và phương pháp dạy học môn Toán lớp 6 mô hình trường học mới so với môn Toán lớp 6 THCS theo chương trình hiện hành.

Nội dung dạy học Toán 6 theo mô hình trường học mới, về cơ bản gần giống với nội dung dạy học ở lớp 6 hiện hành. Tuy nhiên, có một số điều chỉnh cụ thể như sau:

(1). Về số học

a) *Thêm 02 bài*, đó là:

- Bài 8, Chương 1 (2 tiết): Luyện tập chung về bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên, nhằm ôn luyện kỹ năng tính toán (kỹ năng thực hiện bốn phép tính) với số tự nhiên.

- Bài 4, Chương 2 (1 tiết): Giá trị tuyệt đối của một số nguyên, nhằm giãn thời lượng, tạo điều kiện để HS dễ tiếp thu hơn đối với một khái niệm khó là “Giá trị tuyệt đối của một số nguyên”.

b) *Ghép các Bài 2 và Bài 3 ở Chương 3 thành Bài 2, Chương 3 (1 tiết)* : Phân số bằng nhau. Tính chất cơ bản của phân số.

(2). Về hình học

a) *Thêm 01 bài (2 tiết), đó là: Hai góc đối đỉnh và Góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng* (theo chương trình hiện hành các bài này được dạy ở lớp 7).

b) *Một số thay đổi, sắp xếp lại. Cụ thể:*

- + Bài 1, Chương 1, điểm, đường thẳng: đề cập luôn điểm thuộc đường thẳng và đường thẳng đi qua hai điểm;
- + Bài 2, Chương 1, Ba điểm thẳng hàng: dẫn đến khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, đề cập luôn đoạn thẳng, đường thẳng cắt đường thẳng, đường thẳng cắt đoạn thẳng;
- + Bài 3, Chương 1, độ dài đoạn thẳng: đề cập luôn trung điểm đoạn thẳng;
- + Bài 4, Chương 1, tia: đề cập luôn vẽ đoạn thẳng trên tia biết độ dài, khi đó trung điểm đoạn thẳng xem như hệ quả của việc vẽ đoạn thẳng biết độ dài;
- + Bài 1, Chương 2, nửa mặt phẳng, góc: đề cập luôn tia nằm giữa hai tia và điểm nằm trong góc;
- + Bài 2, Chương 2, số đo góc: được dạy cùng với $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$, từ đó đề cập luôn hai góc kề nhau, hai góc kề bù, hai góc kề phụ;
- + Bài 3, Chương 2, vẽ một góc biết số đo: được dạy cùng với bài tia phân giác, lúc này vẽ tia phân giác của góc xem như hệ quả của việc vẽ một góc biết số đo;
- + Bài 4, Chương 2, hai góc đối đỉnh, góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng: vốn là các bài được dạy ở lớp 7 hiện hành, nay được chuyển xuống dạy ngay sau bài số đo góc, như thế HS có thể học liền mạch về góc.

2.2 Hướng dẫn chung về cách thực hiện chương trình Toán 6 theo mô hình trường học mới (theo hướng giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và năng lực của giáo viên, học sinh).

Bảng phân phối các bài học trong chương trình Toán 6 mô hình trường học mới
Phần SỐ HỌC

TT	Tên bài	Thời lượng	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Chương 1: ÔN TẬP VÀ BỔ TÚC VỀ SỐ TỰ NHIÊN (35 tiết, chưa tính bài kiểm tra)				
	Bài 1: Tập hợp. Phần tử của tập hợp.	1 tiết	- Làm quen với khái niệm tập hợp. - Biết dùng các thuật ngữ tập hợp, phần tử của tập hợp. - Nhận biết được một đối tượng cụ thể thuộc hay không thuộc một tập hợp cho trước. - Biết viết một tập hợp theo diễn đạt bằng lời của bài toán, biết sử dụng đúng các kí hiệu $\in$, $\notin$.	
	Bài 2: Tập hợp các số tự nhiên.	1 tiết	- củng cố khái niệm tập hợp số tự nhiên và quan hệ thứ tự trong tập hợp số tự nhiên. - Biết đọc, viết các số tự nhiên. Biết so sánh, sắp xếp các số tự nhiên theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần. - Biết biểu diễn một số tự nhiên trên tia số. - Phân biệt các tập hợp N và N^*. Biết sử dụng đúng các kí hiệu: $=$, $\neq$, $>$, $<$, $\geq$, $\leq$. Biết viết số tự nhiên liền sau, liền trước của một số tự nhiên.	
	Bài 3: Ghi số tự nhiên	1 tiết	- Biết thế nào là một hệ thập phân, phân biệt số và chữ số trong hệ thập phân. Hiểu cách ghi số và	

			giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong hệ thập phân. - Biết đọc và viết các số La Mã không quá 30. - Thấy được ưu điểm của hệ thập phân trong việc ghi số và tính toán.	
	Bài 4: Số phần tử của một tập hợp. Tập hợp con.	1 tiết	- Đếm đúng số phần tử của một tập hợp hữu hạn. - Hiểu được một tập hợp có thể có một phần tử, có nhiều phần tử, có thể có vô số phần tử, cũng có thể không có phần tử nào. - Hiểu khái niệm tập hợp con và hai tập hợp bằng nhau.	
	Bài 5: Luyện tập.	1 tiết	- củng cố khái niệm tập hợp, tập hợp số tự nhiên, tập hợp con và các phần tử của tập hợp. - Biết tìm số phần tử của một tập hợp, biết kiểm tra một tập hợp là tập hợp con của một tập hợp cho trước, biết viết một vài tập hợp con của một tập hợp cho trước, sử dụng đúng ký hiệu $\subset$ và $\emptyset$.	
	Bài 6: Phép cộng và phép nhân.	2 tiết	- Biết các tính chất giao hoán, kết hợp, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng các số tự nhiên ; Biết phát biểu và viết dạng tổng quát của các tính chất đó. - Biết vận dụng các tính chất trên vào tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý. - Biết sử dụng thành thạo máy	- Nhấn mạnh việc rèn luyện cho học sinh ý thức về tính hợp lý của lời giải. Chẳng hạn học sinh biết tính $13 + 96 + 87 = (13 + 87) + 96 = 196$.

			tính bỏ túi, khi tính toán trên các số tự nhiên.	- Biết tính cộng, trừ nhằm các số có hai chữ số; nhân, chia nhằm một số có hai chữ số với một số có một chữ số. - Không yêu cầu học sinh thực hiện những dãy tính công kênh, phức tạp khi không cho phép sử dụng máy tính bỏ túi.
	Bài 7: Phép trừ và phép chia.	2 tiết	- Hiểu khi nào thì kết quả của một phép trừ hai số tự nhiên là một số tự nhiên. - Nắm được quan hệ giữa các số trong phép trừ, phép chia hết, (điều kiện để kết quả của một phép trừ là một số tự nhiên). - Biết vận dụng kiến thức về phép trừ và phép chia để giải các bài toán thực tế.	
	Bài 8: Luyện tập chung về các phép tính với số tự nhiên.	2 tiết	- Ôn luyện kỹ năng thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với các số tự nhiên. - Làm được các phép chia hết và phép chia có dư trong trường hợp số chia không quá ba chữ số.	- Bao gồm thực hiện đúng thứ tự các phép tính trong các biểu thức có hoặc không có các dấu ngoặc.

	Bài 9: Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân 2 lũy thừa cùng cơ số.	2 tiết	- Biết định nghĩa lũy thừa, phân biệt được cơ số và số mũ, - Hiểu qui tắc nhân hai lũy thừa cùng cơ số. - Vận dụng được định nghĩa, quy tắc đó vào giải toán.	
	Bài 10: Chia hai lũy thừa cùng cơ số.	1 tiết	- Hiểu được công thức chia hai lũy thừa cùng cơ số, quy ước $a^0 = 1$ (với $a \neq 0$). - Vận dụng được công thức đó vào giải toán.	
	Bài 11: Thứ tự thực hiện các phép tính	1 tiết	- Biết vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức để tính đúng giá trị của biểu thức.	
	Bài 12: Luyện tập chung	1 tiết	- Biết vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức để tính đúng giá trị của biểu thức.	
	Bài 13: Tính chất chia hết của một tổng.	2 tiết	- Biết các tính chất chia hết của một tổng, một hiệu - Biết nhận ra một tổng của hai hay nhiều số, một hiệu của hai số chia hết cho một số mà không cần tính giá trị của tổng, của hiệu đó. - Biết sử dụng các kí hiệu chia hết và không chia hết,...trong bài tập	
	Bài 14: Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.	1 tiết	- Biết và vận dụng thành thạo các dấu hiệu chia hết cho 2; 5.	<i>Ví dụ.</i> Không thực hiện phép chia, hãy cho biết số dư trong phép

	Bài 15: Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.	1 tiết	- Biết và vận dụng thành thạo các dấu hiệu chia hết cho 3; 9.	chia 3744 cho 2, cho 5, cho 3, cho 9.
	Bài 16: Ước và bội.	1 tiết	- Biết các khái niệm: ước và bội của một số - Biết xác định tập hợp các ước, các bội của một số tự nhiên.	
	Bài 17: Số nguyên tố. Hợp số. Bảng số nguyên tố.	1 tiết	- Nhận biết số nguyên tố, hợp số. Làm quen với bảng các số nguyên tố. - Biết vận dụng hợp lí các kiến thức về chia hết đã học để nhận biết một hợp số và số nguyên tố.	
	Bài 18: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.	2 tiết	- Biết cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản, biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích. - Biết vận dụng các dấu hiệu chia hết đã học để phân tích một số ra thừa số nguyên tố.	<i>Ví dụ.</i> Phân tích các số 95, 63 ra thừa số nguyên tố.
	Bài 19: Ước chung và bội chung	1 tiết	- Hiểu khái niệm ước chung, bội chung; khái niệm giao của hai tập hợp. - Biết cách tìm ước chung và bội chung. Tìm được những ước, bội của một số, những ước chung, bội chung đơn giản của hai hoặc ba số. - Vận dụng giải các dạng toán tìm ước chung và bội chung.	Nhấn mạnh đến việc rèn luyện kỹ năng tìm ước và bội của một số,

	Bài 20: Ước chung lớn nhất	2 tiết	- Hiểu khái niệm ƯCLN của hai hay nhiều số, hai số nguyên tố cùng nhau, ba số nguyên tố cùng nhau. - Biết cách tìm ƯCLN của hai hay nhiều số trong những trường hợp đơn giản. - Biết tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN. - Thực hành vận dụng giải một số dạng toán liên quan đến tìm ƯCLN.	ước chung, ƯCLN, bội chung, BCNN của hai số (hoặc ba số trong những trường hợp đơn giản). <i>Ví dụ.</i> a) Tìm hai ước và hai bội của 33, của 54. b) Tìm hai bội chung của 33 và 54. <i>Ví dụ.</i> Tìm ƯCLN và BCNN của 18 và 30.
	Bài 21: Luyện tập về ước chung lớn nhất	2 tiết	- Luyện tập kĩ năng tìm ƯCLN - Biết tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN.	
	Bài 22: Bội chung nhỏ nhất	2 tiết	- Hiểu khái niệm BCNN của hai hay nhiều số. - Biết cách tìm BCNN của hai hay nhiều số trong những trường hợp đơn giản. - Biết tìm BC thông qua tìm BCNN.	
	Bài 23: Luyện tập về bội	2 tiết	- Luyện tập kĩ năng tìm BCNN của hai hay nhiều số.	

	chung nhỏ nhất		- Luyện tập kĩ năng tìm BC thông qua BCNN.	
	Bài 24: Ôn tập chương I	2 tiết	- Ôn tập về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa. - Ôn tập về tính chất chia hết của một tổng, dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3 và 9. - Số nguyên tố, hợp số. - ƯCLN và BCNN. - Thực hành, vận dụng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa vào giải các bài toán thực tế.	
	Bài 25: <i>Kiểm tra chương I (1 tiết)</i>	1 tiết	- Kiến thức, kĩ năng đã học trong chương. - Một số dạng toán quen thuộc đã học. - Làm cơ sở đánh giá cuối kỳ.	Chú trọng kiểm tra mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng đã học thuộc chương này.
Chương 2: SỐ NGUYÊN (20 tiết, chưa tính bài kiểm tra)				
	Bài 1: Làm quen với số nguyên âm	1 tiết	- Bước đầu làm quen với số nguyên âm. Biết được sự cần thiết có các số nguyên âm trong thực tiễn và trong toán học. - Nhận biết và đọc đúng các số nguyên âm qua các ví dụ thực tiễn. - Biết các biểu diễn các số tự nhiên và các số nguyên âm trên trục số.	Ví dụ. Cho các số 2, 5, - 6, - 1, -18, 0. a) Tìm các số nguyên âm, các số nguyên dương trong các số đó.

	Bài 2: Tập hợp các số nguyên	1 tiết	- Biết tập hợp các số nguyên bao gồm các số nguyên dương, số 0 và các số nguyên âm. - Biết biểu diễn các số nguyên trên trục số; biết tìm số đối của một số nguyên. - Phân biệt được các số nguyên dương, nguyên âm và số 0. - Bước đầu hiểu có thể dùng số nguyên để nói về các đại lượng có hai hướng khác nhau.	b) Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự tăng dần. c) Tìm số đối của từng số đã cho.
	Bài 3: Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 tiết	- Biết so sánh hai số nguyên. - củng cố cách tìm số đối, số liền trước số liền sau của một số nguyên. Tính giá trị biểu thức đơn giản	
	Bài 4: Giá trị tuyệt đối của một số nguyên	1 tiết	- Biết tìm giá trị tuyệt đối của một số nguyên. - Biết tìm giá trị biểu thức đơn giản có chứa GTTĐ.	
	Bài 5: Cộng hai số nguyên cùng dấu	1 tiết	- Biết cộng hai số nguyên cùng dấu, trọng tâm là cộng hai số nguyên âm. - Biết dùng số nguyên để biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng.	
	Bài 6: Cộng hai số nguyên khác dấu	1 tiết	- Biết cộng hai số nguyên khác dấu (phân biệt với cộng hai số nguyên cùng dấu). - Hiểu được việc dùng số nguyên để biểu thị sự tăng hoặc giảm của một đại lượng.	

	Bài 7: Tính chất phép cộng các số nguyên.	2 tiết	- Hiểu bốn tính chất cơ bản của phép cộng các số nguyên: Giao hoán, kết hợp, cộng với 0, cộng với số đối. - Vận dụng các tính chất cơ bản của phép cộng để tính nhanh và tính toán hợp lý. - Biết tính đúng tổng của nhiều số nguyên.	
	Bài 8: Phép trừ hai số nguyên.	1 tiết	- Biết quy tắc phép trừ trong $\mathbb{Z}$. Biết tính đúng hiệu của hai số nguyên. - Thực hành vận dụng qui tắc trừ hai số nguyên để giải bài tập.	
	Bài 9: Quy tắc dấu ngoặc.	1 tiết	- Hiểu và vận dụng được quy tắc dấu ngoặc (bỏ dấu ngoặc và cho số hạng vào trong dấu ngoặc). - Biết khái niệm tổng đại số, viết gọn và các phép biến đổi trong tổng đại số.	<i>Ví dụ.</i> Thực hiện các phép tính: a) $(-3 + 6) \cdot (-4)$ b) $(-5 - 13) : (-6)$ <i>Ví dụ.</i> a) Tìm 5 bội của -2 . b) Tìm các ước của 10.
	Bài 10: Quy tắc chuyển vế	1 tiết	- Hiểu được quy tắc chuyển vế. - Biết vận dụng các tính chất của đẳng thức.	
	Bài 11: Ôn tập học kì I	2 tiết	- Ôn luyện các kiến thức cơ bản về tập hợp, quan hệ giữa các tập N , N^* , $\mathbb{Z}$. Thứ tự trong N , trong	

			Z, số liền trước, liền sau. Biểu diễn một số trên trục số. -Các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9. Tính chất chia hết của một tổng. Số nguyên tố và hợp số. ƯC và BC, ƯCLN và BCNN. -Giá trị tuyệt đối của một số nguyên các qui tắc cộng trừ số nguyên, qui tắc dấu ngoặc, qui tắc chuyển về. - Rèn kĩ năng so sánh các số nguyên, biểu diễn các số trên trục số. - Ôn luyện quy tắc tìm giá trị tuyệt đối của một số nguyên, qui tắc cộng trừ số nguyên, qui tắc dấu ngoặc. Ôn tập các tính chất phép cộng trong Z.	
	Bài 36: <i>Kiểm tra học kì I (số học + hình học)</i>	1 tiết	- Kiến thức, kĩ năng đã học trong chương. - Một số dạng toán quen thuộc đã học. - Làm cơ sở đánh giá quá trình học tập của học sinh.	Chú trọng kiểm tra mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng đã học thuộc chương này.
	Bài 12: Nhân hai số nguyên khác dấu.	1 tiết	- Hiểu qui tắc nhân hai số nguyên khác dấu và biết vận dụng để tính tích hai số nguyên khác dấu.	
	Bài 13: Nhân hai số nguyên cùng dấu	1 tiết	Hiểu qui tắc nhân hai số nguyên cùng dấu và biết vận dụng để tính tích hai số nguyên cùng dấu.	

	Bài 14: Luyện tập về nhân hai số nguyên.	1 tiết	-Nắm vững qui tắc nhân hai số nguyên (cùng dấu, khác dấu). - Thực hiện thành thạo phép nhân hai số nguyên.	
	Bài 15: Tính chất của phép nhân	2 tiết	- Hiểu được các tính chất cơ bản của phép nhân: Giao hoán, kết hợp, nhân với 1, phân phối của phép nhân đối với phép cộng. - Biết tìm dấu của tích nhiều số nguyên. - Biết áp dụng các tính chất cơ bản của phép nhân để tính đúng, tính nhanh giá trị biểu thức biến đổi biểu thức, xác định dấu của tích nhiều số.	
	Bài 16: Bội và ước của một số nguyên.	1 tiết	- Hiểu các khái niệm bội và ước của một số nguyên ; khái niệm “Chia hết cho”. - Hiểu được ba tính chất liên quan với khái niệm “Chia hết cho”. -Biết tìm bội và ước của một số nguyên.	
	Bài 17: Ôn tập chương II	1 tiết	- Ôn tập về tập hợp Z các số nguyên, giá trị tuyệt đối của một số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân hai số nguyên và các tính chất của phép cộng, phép nhân số nguyên ; ôn tập quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế, tìm bội và ước của một số nguyên. - Thực hành vận dụng so sánh số nguyên, tìm giá trị tuyệt đối của số nguyên, tính giá trị biểu thức, tìm x.	

	Bài 42: <i>Kiểm tra chương II (1 tiết)</i>	1 tiết	- Kiến thức, kĩ năng đã học trong chương. - Một số dạng toán quen thuộc đã học. - Làm cơ sở đánh giá cuối kỳ.	
Chương 3: PHÂN SỐ (35 tiết, chưa tính bài kiểm tra)				
	Bài 1: Mở rộng khái niệm phân số	1 tiết	- Biết khái niệm phân số: $\frac{a}{b}$ với $a \in \mathbf{Z}, b \in \mathbf{Z} (b \neq 0)$. - Viết được các phân số mà tử và mẫu là các số nguyên. Biết số nguyên cũng được coi là phân số với mẫu là 1. - Phân biệt được sự giống nhau và khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở tiểu học và khái niệm phân số ở lớp 6.	
	Bài 2: Phân số bằng nhau. Tính chất cơ bản của phân số.	1 tiết	- Biết khái niệm hai phân số bằng nhau. - Biết vận dụng tính chất $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ nếu $ad = bc$ ($bd \neq 0$) để nhận biết hai phân số bằng nhau, viết các phân số bằng nhau; viết một phân số có mẫu âm thành phân số bằng nó và có mẫu dương. - Bước đầu có khái niệm về số hữu tỉ.	
	Bài 3: Rút gọn phân số.	2 tiết	- Hiểu thế nào là rút gọn một phân số. - Biết vận dụng tính chất cơ bản của phân số để rút gọn phân số và đưa phân số về dạng tối giản.	

	Bài 4: Quy đồng mẫu nhiều phân số.	2 tiết	- Biết cách quy đồng mẫu số nhiều phân số (qui tắc 3 bước) với các phân số có mẫu số là các số có không quá 3 chữ số. - Vận dụng thành thạo và linh hoạt quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân số vào việc giải bài tập.	
	Bài 5: So sánh phân số	1 tiết	- Biết vận dụng qui tắc so sánh hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu, nhận biết được phân số âm, dương. - Có kĩ năng viết các phân số đã cho dưới dạng các phân số có cùng mẫu dương để so sánh phân số.	
	Bài 6: Phép cộng phân số	1 tiết	- Biết cách cộng hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu.	
	Bài 7: Tính chất cơ bản của phép cộng phân số. Luyện tập	2 tiết	- Biết các tính chất cơ bản của phép cộng phân số: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0. - Bước đầu có kỹ năng vận dụng các tính chất trên để tính được hợp lý, nhất là khi cộng nhiều phân số.	
	Bài 8: Phép trừ phân số. Luyện tập.	2 tiết	- Hiểu khái niệm số đối. - Biết cách trừ hai phân số. - Hiểu rõ quan hệ giữa phép cộng và phép trừ phân số.	
	Bài 9: Phép nhân phân số	1 tiết	- Biết cách nhân hai phân số. - Biết nhân phân số và rút gọn phân số khi cần thiết.	

	Bài 10: Tính chất cơ bản của phép nhân phân số. Luyện tập	2 tiết	- Biết các tính chất cơ bản của phép nhân phân số: giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. - Biết vận dụng các tính chất trên để thực hiện phép tính hợp lý, nhất là khi nhân nhiều phân số.	
	Bài 11: Phép chia phân số. Luyện tập	2 tiết	- Hiểu khái niệm số nghịch đảo và biết cách tìm số nghịch đảo của một phân số khác 0. Hiểu và vận dụng được quy tắc chia phân số. - Biết vận dụng quy tắc phép chia phân số trong giải toán.	
	Bài 12: Hỗn số. Số thập phân. Phần trăm. Luyện tập	2 tiết	- Hiểu được các khái niệm về hỗn số, số thập phân, phần trăm. - Biết viết phân số (có giá trị tuyệt đối lớn hơn 1) dưới dạng hỗn số và ngược lại; viết phân số dưới dạng số thập phân và ngược lại; biết sử dụng kí hiệu %. - Thực hành luyện tập về thực hiện các phép tính về phân số và số thập phân. - Biết tìm các cách khác nhau để tính tổng (hoặc hiệu) hai hỗn số. Biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo các tính chất của phép tính và quy tắc dấu ngoặc để tính giá trị biểu thức một cách nhanh nhất.	
	Bài 13: Luyện tập chung	2 tiết	- Luyện tập củng cố các phép tính về phân số, số thập phân.	

			- Biết cách tính (hợp lý) giá trị biểu thức.	
	Bài 56: <i>Kiểm tra (1 tiết)</i>	1 tiết	- Kiến thức, kĩ năng đã học về phân số, số thập phân; các phép tính về phân số và số thập phân. - Một số dạng toán quen thuộc đã học. <i>- Làm các bài tập ôn tập.</i>	
	Bài 14: Tìm giá trị phân số của một số cho trước.	2 tiết	- Biết tìm giá trị phân số của một số cho trước.	<i>Ví dụ.</i> a) $\frac{2}{3}$ của -8,7.
	Bài 15: Tìm một số biết giá trị một phân số của số đó.	2 tiết	- Biết tìm một số khi biết giá trị một phân số của số đó. Phân biệt với bài toán tìm giá trị phân số của một số cho trước. - Sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải bài toán về tìm một số biết giá trị phân số của nó.	<i>Ví dụ.</i> b) Tìm một số biết $\frac{7}{3}$ của nó bằng 31,08.
	Bài 16: Tìm tỉ số của hai số. Luyện tập	2 tiết	- Hiểu được ý nghĩa và biết cách tìm tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ bản đồ. - Làm đúng dãy các phép tính với phân số và số thập phân trong trường hợp đơn giản. - Thực hành vận dụng vào việc giải một số bài toán thực tiễn.	a) Tính tỉ số của $\frac{2}{3}$ và 75. b) Tính : $1\frac{13}{15} \cdot (0,5)^2 \cdot 3$ $+ \left(\frac{8}{15} - 1\frac{19}{60} \right) :$ $1\frac{23}{24}$
	Bài 17: Luyện tập chung	2 tiết	- Rèn luyện kĩ năng tìm tỉ số, tỉ số phần trăm của hai số, luyện 3 bài toán cơ bản về phân số dưới dạng	

			tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm. - Biết áp dụng vào việc giải các bài toán thực tế.	
	Bài 18: Biểu đồ phần trăm. Luyện tập	2 tiết	- Biết đọc các biểu đồ phần trăm dạng cột, ô vuông và hình quạt. - Biết vẽ các biểu đồ phần trăm dạng cột và dạng ô vuông. - Biết liên hệ thực tế thông qua vẽ các biểu đồ phần trăm.	Không yêu cầu vẽ biểu đồ hình quạt
	Bài 19: Ôn tập chương III	2 tiết	- Hệ thống lại các kiến thức trọng tâm của phân số và ứng dụng: So sánh phân số. Các phép tính về phân số và tính chất. Rút gọn phân số, so sánh phân số, tính giá trị biểu thức, tìm x. - Hệ thống hóa ba bài toán cơ bản về phân số. - Vận dụng vào giải một số bài toán thực tiễn.	
	Bài 20: Ôn tập cuối năm phân số học	2 tiết	- Ôn tập về việc sử dụng một số kí hiệu tập hợp: $\in, \notin, \subset, \emptyset, \cap$. - Ôn tập về các dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9. - Số nguyên tố và hợp số. Ước chung và bội chung của hai hay nhiều số. - củng cố kiến thức về phân số. - Vận dụng giải ba bài toán cơ bản về phân số.	
	Bài 64: <i>Kiểm tra cuối năm (cả số học và hình học)</i>	2 tiết	- Đánh giá quá trình học của HS. - Lấy kết quả làm cơ sở xếp loại học lực cho từng cá nhân học sinh.	

Phần HÌNH HỌC

TT (1)	Tên bài (2)	Thời lượng (3)	Mức độ cần đạt (4)	Ghi chú (5)
Chương 1: ĐIỂM. ĐƯỜNG THẲNG. ĐOẠN THẲNG. TIA. (13 tiết, chưa tính bài kiểm tra)				
	Bài 1: Điểm. Đường thẳng. Đường thẳng đi qua 2 điểm.	2 tiết	<i>Nhận biết được:</i> điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua 2 điểm. <i>Biết cách vẽ:</i> điểm; đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng.	Bài này được dạy sau bài Tập hợp số tự nhiên, để HS có thể sử dụng kiến thức về tập hợp khi tiếp cận tập hợp điểm trong hình học. Cần kế thừa kiến thức về điểm mà HS đã học ở tiểu học (lớp 1).
	Bài 2: Ba điểm thẳng hàng. Đoạn thẳng.	2 tiết	<i>Nhận biết được:</i> Ba điểm thẳng hàng; quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng; hai đường thẳng trùng nhau, cắt nhau, song song; đoạn thẳng; đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt đường thẳng. <i>Biết cách vẽ:</i> Ba điểm thẳng hàng, không thẳng hàng; đoạn thẳng; hai đường thẳng cắt nhau, song song; đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt đường thẳng.	Cần kế thừa kiến thức về đoạn thẳng; điểm ở giữa mà HS đã học ở tiểu học (lớp 1 và lớp 3).
	Bài 3: Độ dài của đoạn thẳng.	2 tiết	<i>Biết được:</i> Độ dài của đoạn thẳng; so sánh hai đoạn thẳng; trung điểm của đoạn thẳng; điểm M ở giữa hai điểm A và	Cần kế thừa kiến thức về đại lượng (đơn vị đo độ dài); độ dài đoạn

			B khi $AM + MB = AB$ và ngược lại; điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi M ở giữa A, B và $MA = MB$. <i>Biết:</i> cách đo độ dài đoạn thẳng; so sánh độ dài hai đoạn thẳng dựa vào số đo của chúng; sử dụng hệ thức $AM + MB = AB$ trong tính toán về độ dài.	thẳng; thực hành đo độ dài; trung điểm của đoạn thẳng mà HS đã học ở tiểu học (lớp 1, lớp 2 và lớp 3).
	Bài 4: Tia. Vẽ đoạn thẳng biết độ dài.	2 tiết	<i>Biết được:</i> Khái niệm tia; hai tia đối nhau; hai tia trùng nhau; hai tia phân biệt. Tia cắt đoạn thẳng, cắt đường thẳng. <i>Biết cách:</i> vẽ một tia, hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau; vẽ đoạn thẳng biết độ dài; vẽ trung điểm một đoạn thẳng.	Cần kế thừa kiến thức về tia số; chu vi (tam giác, tứ giác) mà HS đã học ở tiểu học (lớp 1 và lớp 2).
	Bài 5: Trồng cây thẳng hàng. Đo độ dài trên mặt đất.	2 tiết	<i>Biết cách</i> giống (kiểm tra) 3 cây (cọc) thẳng hàng; đo độ dài trên mặt đất.	Cần kế thừa kiến thức về gióng thẳng hàng, đo độ dài đoạn thẳng trên mặt đất mà HS đã học ở lớp 4. Tăng cường thực hành, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là cuộc sống xung quanh.
	Bài 6: Ôn tập chương.	3 tiết	<i>Hiểu được</i> mạch kiến thức đã học trong chương. <i>Biết cách</i> giải một số dạng toán cơ bản liên quan đến kiến	Bổ trí dạy cùng với bài ôn tập chương phần số học. Tăng cường thực hành,

			thức đã học trong chương. <i>Bước đầu biết</i> liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn.	ứng dụng, liên môn, gắn kiến thức đã học với thực tiễn.
	Bài 7: Kiểm tra	1 tiết	Kiến thức, kĩ năng đã học trong chương. Một số dạng toán quen thuộc, đã học.	Chú trọng kiểm tra mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng đã học thuộc chương này.
Chương 2: NỬA MẶT PHẪNG. GÓC. ĐƯỜNG TRÒN. TAM GIÁC (15 tiết, chưa tính bài kiểm tra)				
	Bài 8: Nửa mặt phẳng. Góc.	2 tiết	<i>Biết được</i> các khái niệm: Nửa mặt phẳng; hai nửa mặt phẳng đối nhau. Hai điểm nằm cùng phía, khác phía một đường thẳng. Góc; góc bẹt. Tia nằm giữa hai tia; điểm nằm trong góc. <i>Vẽ được</i> hình biểu diễn của mặt phẳng; nửa mặt phẳng. <i>Biết cách vẽ:</i> góc; tia nằm giữa hai tia; điểm nằm trong góc.	Kế thừa kiến thức: Góc vuông, góc không vuông ở lớp 3; điểm nằm trong, nằm ngoài một hình ở lớp 1.
	Bài 9: Số đo góc. Khi nào thì $\widehat{xOy}$ $\widehat{yOz}$ $\widehat{xOz}$.	2 tiết	<i>Biết cách đo</i> một góc bằng thước đo góc. <i>Biết được</i> mỗi góc có một số đo; số đo của một góc không quá 180^0 . <i>Đọc được</i> số đo của một góc. Biết góc vuông có số đo là 90^0 . <i>Biết</i> so sánh hai góc dựa vào số đo của chúng.	Kế thừa kiến thức: góc nhọn, góc tù, góc bẹt ở lớp 4.

		<i>Biết khái niệm:</i> góc nhọn, góc vuông, góc tù. <i>Biết được</i> $\widehat{xOy}$ $\widehat{yOz}$ $\widehat{xOz}$ khi tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz (và ngược lại). <i>Biết khái niệm:</i> hai góc phụ nhau; hai góc bù nhau; hai góc kề bù, kề phụ.	
Bài 10: Vẽ góc biết số đo. Tia phân giác của một góc.	2 tiết	<i>Biết cách vẽ</i> một góc, hai góc trên nửa mặt phẳng với số đo cho trước. <i>Biết khái niệm</i> tia phân giác, đường phân giác của một góc. <i>Hiểu được</i> mỗi góc (không là góc bẹt) có chỉ một tia phân giác. <i>Biết cách vẽ</i> tia phân giác của một góc cho trước. <i>Biết cách gấp giấy</i> để tạo ra tia phân giác của một góc.	Kế thừa kiến thức về vẽ góc vuông đã học ở lớp 3 Kế thừa kiến thức về vẽ đoạn thẳng biết số đo; vẽ trung điểm đoạn thẳng đã học ở phần trên.
Bài 11: Hai góc đối đỉnh. Góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng. (<i>Chuyển từ lớp 7 xuống</i>)	2 tiết	<i>Biết được:</i> hai góc đối đỉnh; hai góc đối đỉnh thì bằng nhau; Góc so le trong, góc đồng vị; tính chất của các góc so le trong, hay đồng vị. <i>Biết cách vẽ:</i> hai góc đối đỉnh; tìm số đo các góc dựa vào tính chất các góc so le hay đồng vị trong một hình.	Cần kế thừa kiến thức về góc mà HS đã học ở các lớp trước.
Bài 12: Thực hành đo góc trên mặt đất.	2 tiết	<i>Biết được</i> một số dụng cụ đo góc. <i>Biết cách đo góc trên mặt đất</i> dựa vào công cụ đo.	Tăng cường thực hành, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là cuộc sống xung quanh.

Bài 13: Đường tròn. Tam giác.	2 tiết	<i>Biết được</i> các khái niệm đường tròn và hình tròn. <i>Biết được</i> một điểm nằm trên, hay nằm trong, hay nằm ngoài một đường tròn. <i>Biết</i> các khái niệm cung và dây cung. <i>Biết dùng</i> compa để so sánh độ dài hai đoạn thẳng, hay vẽ nhiều đoạn thẳng trên một đoạn thẳng để tìm tổng độ dài của chúng. <i>Biết</i> khái niệm tam giác. <i>Biết</i> một điểm nằm trong, nằm trên hay nằm ngoài tam giác. <i>Biết</i> sử dụng compa để vẽ một tam giác biết độ dài 3 cạnh của nó.	Kế thừa kiến thức về hình tròn đã học ở lớp 3 và lớp 5.
Bài 14: Ôn tập chương.	3 tiết	<i>Hiểu được</i> mạch kiến thức đã học trong chương. <i>Biết cách</i> giải một số dạng toán cơ bản liên quan đến kiến thức đã học trong chương. <i>Bước đầu biết</i> liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn.	Bổ trí dạy cùng với bài ôn tập chương phần số học. Tăng cường thực hành, ứng dụng, liên môn, gắn kiến thức đã học với thực tiễn.
Bài 8: Kiểm tra	1 tiết	Kiến thức, kĩ năng đã học trong chương. Một số dạng toán quen thuộc, đã học.	Chú trọng kiểm tra mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng đã học thuộc chương này.

Để thực hiện kế hoạch dạy học Toán 6 mô hình trường học mới như nêu trên, trong trường hợp cần dẫn thời lượng dạy học, GV có thể sử dụng các tiết “tăng cường” cho môn Toán và tiến hành vào buổi thứ hai trong ngày.

Trong trường hợp cần thu gọn thời lượng dạy học nhà trường thì GV căn cứ tình hình cụ thể để chủ động điều chỉnh cho phù hợp, miễn sao đảm bảo được mục tiêu và chuẩn kiến thức.

2.3 Hướng dẫn về việc phát triển tài liệu Hướng dẫn học toán 6 mô hình trường học mới

Tư tưởng chung của tài liệu Hướng dẫn học mô hình trường học mới là: mỗi đơn vị kiến thức được chia nhỏ thành các “liều lượng” thích hợp để HS có thể từng bước chiếm lĩnh thông qua các hoạt động tự học có hướng dẫn. Việc hướng dẫn HS tự học tiến hành theo một qui trình, thông qua các hoạt động: Khởi động - Hình thành kiến thức – Luyện tập – Vận dụng – Tìm tòi, mở rộng.

Trong tài liệu hướng dẫn học toán 6 mô hình trường học mới, những đơn vị kiến thức cơ bản, cốt lõi thường đóng khung hoặc không đóng khung nhưng phải in nghiêng, hay in đậm; những kiến thức mang tính hệ quả, dẫn dắt thì không đóng khung.

Quá trình dạy và học theo mô hình trường học mới không phải là quá trình "đóng kín", truyền thụ kiến thức một cách áp đặt, cứng nhắc, một chiều mà là một quá trình linh hoạt và có tính "mở", học theo tiến độ và nhịp độ của HS.

Giáo viên cần căn cứ vào đặc điểm của HS, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường để chủ động lựa chọn hay tiến hành những điều chỉnh, thay thế hoặc bổ sung cụ thể về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tuy nhiên phải trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

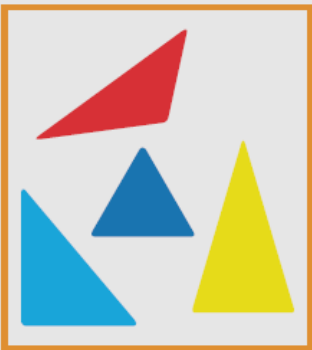
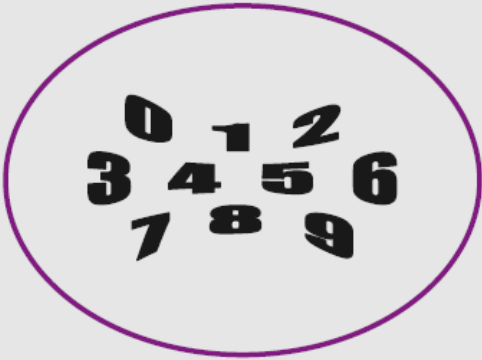
- *Bảo đảm Chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình môn Toán hiện hành.*
- *GV phải xác định được các đơn vị kiến thức, kỹ năng cơ bản, trọng tâm trong mỗi bài học, phải hiểu được quá trình tìm tòi dẫn đến kiến thức của HS.*
- *Nội dung điều chỉnh phải phù hợp với thực tế đời sống, với truyền thống văn hóa của cộng đồng dân cư nơi HS sinh sống, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học.*

Người ta có thể nghĩ tới một số cách tìm tòi thông tin, tư liệu để điều chỉnh về nội dung, phương pháp dạy học môn Toán như sau:

- Tìm cách kết nối, liên hệ giữa các kiến thức toán học dạy học trong nhà trường với thực tiễn đời sống hàng ngày của HS. Chẳng hạn, xuất phát từ một nội dung dạy học môn Toán, xác định những hoạt động thực tiễn liên hệ với nó, phân tích thành các hoạt động thành phần rồi căn cứ vào mục tiêu dạy học mà tổ chức cho HS thực hành trải nghiệm. Ví dụ, khi học về số nguyên âm, có thể cho HS thấy ứng dụng của nó trong thực tiễn qua nội dung như: *Nếu ông A nợ 10000 đồng, thì ta có thể nói “Ông A có - 10000 đồng”*.

- Căn cứ trên nhu cầu thực tiễn về đo đạc, tính toán, nhận dạng các hình; khai thác thông tin, số liệu về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, giao thông vận tải..., các thông tin liên quan đến các sự kiện thời sự, chính trị hàng ngày, đặc biệt nhu cầu về tính toán trong đời sống hàng ngày để đề xuất các bài tập hay tình huống học tập toán học cho HS. Ở đây thường yêu cầu HS giải bài toán có nội dung thực tiễn. **Ví dụ:**

b) Xem tranh rồi nói theo mẫu


Mẫu: Em nói: "tập hợp các hình tam giác trong hình trên".

- Tìm những thông tin, những số liệu khoa học kỹ thuật, hoặc thông tin thực tế tại làng bản, xóm thôn hoặc địa phương (chứ không phải là những bài tập có tính chất mô phỏng toán học của thực tiễn) để giới thiệu cho HS .

Có thể cung cấp cho HS các thông tin liên quan đến thực tế đời sống như sau:

Ví dụ 1: Quan sát các hình vẽ như dấu chấm nhỏ của đầu bút (chì) trên trang giấy, hay hạt cát trên mặt bàn, mặt đất..... sẽ giúp hình thành biểu tượng về khái niệm ”điểm” trong hình học.



Ví dụ 2: Có thể cho HS hiểu được số nguyên âm được dùng trong đời sống, hay trong thực tiễn, qua một số thông tin như :

- + Độ sâu của đáy vực Ma-ri-an (thuộc vùng biển Phi-li-pin) khoảng -11000m (sâu nhất thế giới);
- + Cá voi có thể sống ở độ sâu khoảng - 500m;
- + Kim tự tháp Khê-ôp ở Ai Cập cao khoảng + 139m;
- + Độ cao của đỉnh núi Ê-vơ-rét (thuộc Nê-pan) khoảng +8850m (cao nhất thế giới);
- + Máy bay Airbus A320 có thể bay ở độ cao +11000m, với nhiệt độ bên ngoài khoảng -50°C ;
- + Cao nguyên Đắc Lắc có độ cao trung bình +600m;
- + Độ cao của đỉnh núi Phan-xi-păng khoảng +3143m;
- + Độ cao trung bình của thềm lục địa Việt Nam khoảng -65m;
- + Độ cao (độ sâu) của đáy vịnh Cam Ranh khoảng -30m.

Nhận biết những cơ hội có thể vận dụng tri thức toán học vào các môn học khác trong nhà trường hoặc những hoạt động ngoài nhà trường như thực hành thu thập số liệu, đối chiếu, kiểm tra và hiệu chỉnh số liệu.... Thông qua các hoạt động này còn hình thành được phẩm chất mong muốn ứng dụng tri thức được học vào thực tế đời sống cho HS. **Ví dụ:**

1. Viết vào vở

a) Một năm (dương lịch) có 12 tháng. Viết tập hợp A các tháng có 30 ngày.

b) Một năm (dương lịch) gồm bốn quý. Viết tập hợp B các tháng của quý Hai trong năm.

Ngoài ra, GV cần sử dụng một cách có hiệu quả các thiết bị dạy học được cung cấp đồng thời GV và HS có thể làm thêm, điều chỉnh, bổ sung, thay thế các đồ dùng dạy học, các trò chơi, câu đố,... phù hợp với nội dung học tập và điều kiện cơ sở vật chất của lớp học, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học của mình.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC THEO CHỦ ĐỀ (qua một số bài)

Chủ đề 1. Số Tự nhiên

§11. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH

GV yêu cầu từng cá nhân HS tự đọc hoặc một học sinh đọc cho cả lớp nghe để biết được bài học này nhằm mục tiêu gì, từ đó các em có thể định hướng những việc cần làm gì để đạt được mục tiêu bài học.

Mục tiêu

Biết vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức để tính đúng giá trị của biểu thức

1. Hoạt động trải nghiệm

Ở Tiểu học, HS đã làm quen với thứ tự thực hiện các phép tính trong việc tính giá trị các biểu thức có hoặc không có dấu ngoặc tròn ().

Thông qua hoạt động trải nghiệm:

- Sẽ giúp HS tái hiện các hiểu biết về thứ tự thực hiện các phép tính, trong các trường hợp: Biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ (hoặc chỉ có các phép tính nhân, chia); Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia; Biểu thức có dấu ngoặc ().

- Giúp HS nhận biết, cần có những quy ước chung khi thực hiện các phép tính, đó chính là quy ước về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.

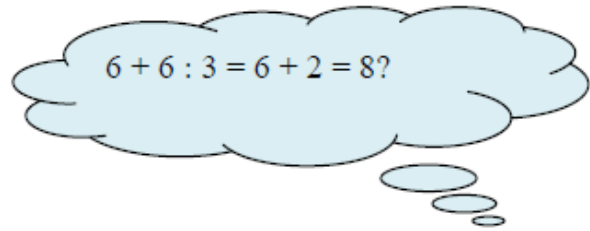
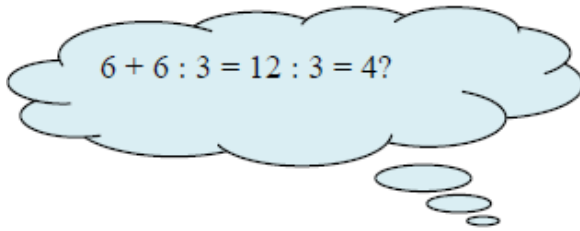
- Đồng thời giúp HS nhận thấy xuất hiện vấn đề: Nếu trong biểu thức có cả phép tính nâng lên lũy thừa, thì khi tính giá trị của biểu thức, ta thực hiện các phép tính theo thứ tự nào? Hoặc nếu trong biểu thức có cả dấu ngoặc tròn, dấu ngoặc vuông và dấu ngoặc nhọn, thì khi tính giá trị của biểu thức, ta thực hiện các phép tính theo thứ tự nào?

HS lần lượt thực hiện các hoạt động cụ thể sau :

1.a) Đọc kĩ đoạn sau:

Ví dụ : Tính giá trị của biểu thức: $6 + 6 : 3$

- Nếu thực hiện phép cộng trước ta có kết quả là 4 vì $6 + 6 : 3 = 12 : 3 = 4$. Nếu thực hiện phép chia trước ta lại có kết quả là 8, vì $6 + 6 : 3 = 6 + 2 = 8$.



Vì vậy, cần có những quy ước chung khi thực hiện các phép tính. Đó chính là quy ước về *thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức*.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm một cách thích hợp:

- Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ (hoặc chỉ có các phép tính nhân, chia) thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự

Ví dụ: $60 + 20 - 5 = \dots$;

$49 : 7 \times 5 = \dots$

- Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự

Ví dụ: $60 + 35 : 5 = \dots$;

$86 - 10 \times 4 = \dots$

- Khi tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc () thì trước tiên ta thực hiện....

Ví dụ: $(30 + 5) : 5 = \dots$;

$3 \times (20 - 10) = \dots$

c) Trả lời câu hỏi :

- Nếu trong biểu thức có cả phép tính nâng lên lũy thừa, ví dụ $4 \cdot 3^2 - 5 \cdot 6$, thì khi tính giá trị của biểu thức, ta thực hiện các phép tính theo thứ tự nào?

- Nếu trong biểu thức có cả dấu ngoặc tròn, dấu ngoặc vuông và dấu ngoặc nhọn, ví dụ: $80 : \{[(11 - 2) \times 2] + 2\}$, thì khi tính giá trị của biểu thức, ta thực hiện các phép tính theo thứ tự nào?

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Giúp HS đọc hiểu các qui tắc về thứ tự thực hiện các phép tính đối với các biểu thức trong các trường hợp : Biểu thức không có dấu ngoặc; Biểu thức có dấu ngoặc. Thể hiện ở tóm tắt sau:

- **Tóm tắt :**

a) Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc:

Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ

b) Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc:

$() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$

Củng cố trực tiếp:

Giúp HS củng cố trực tiếp kiến thức vừa học thông qua giải các bài tập tính giá trị biểu thức hoặc giải quyết một tình huống liên quan vị trí dấu ngoặc.

Ví dụ :

1. Tính :

a) $6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2$; b) $2 \cdot (5 \cdot 4^2 - 18)$; c) $80 : \{[(11 - 2) \cdot 2] + 2\}$

2. Lựa chọn các dấu ngoặc rồi đặt vào vị trí thích hợp để được một phép tính đúng:

$$3 \cdot 10 - 8 : 2 + 4 = 7$$

3. Hoạt động thực hành

Thực hành luyện tập và củng cố các kiến thức kĩ năng thông qua việc giải các bài tập về tính giá trị biểu thức không có hoặc có dấu ngoặc. Ví dụ:



Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

1. Thực hiện phép tính :

a) $5 \cdot 4^2 - 18 : 3^2$

b) $3^3 \cdot 18 - 3^3 \cdot 12$

c) $39 \cdot 213 + 87 \cdot 39$

d) $80 - [130 - (12 - 4)^2]$

2. Tính giá trị biểu thức :

a) $\{[(16 + 4) : 4] - 2\} \cdot 6$

b) $60 : \{[(12 - 3) \cdot 2] + 2\}$

3. Tìm số tự nhiên x, biết :

a) $541 + (218 - x) = 735$;

b) $5(x + 35) = 515$.

c) $96 - 3(x + 1) = 42$;

d) $12x - 33 = 3^2 \cdot 3^3$.

Kết thúc hoạt động thực hành luyện tập GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả, giải đáp khó khăn, vướng mắc và đánh giá kết quả học tập của HS nhằm động viên khuyến khích HS.

4. Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng

Phần này không bắt buộc đối với mọi học sinh, mà chỉ động viên, khuyến khích các em HS có nhu cầu tìm tòi, mở rộng thêm hiểu biết .



1. Em có biết ?

Chọn ra một chữ số trong các chữ số từ 2 đến 9 rồi viết chữ số đó liên tiếp 6 lần để được một số có 6 chữ số. Ví dụ nếu chọn chữ số 4 thì số có 6 chữ số được viết là

444 444 . Chia số có 6 chữ số cho 33, sau đó chia tiếp cho 37, cuối cùng chia tiếp cho 91. Hỏi kết quả là số nào ?

Thực hiện tương tự như trên với số có 6 chữ số khác. Em hãy nêu nhận xét về kết quả có được và giải thích vì sao như vậy?

2. Lựa chọn các dấu ngoặc (nếu cần) rồi đặt vào vị trí thích hợp để được một kết quả đúng:

a) $6 + 2 \times 4 - 3 \times 2 = 10$

b) $6 + 2 \times 4 - 3 \times 2 = 26$

c) $6 + 2 \times 4 - 3 \times 2 = 16$

d) $6 + 2 \times 4 - 3 \times 2 = 8$

Kết thúc bài học GV cần nhận xét, đánh giá chung tình hình học tập của cả lớp hoặc một vài cá nhân HS và rút kinh nghiệm về tiến trình dạy học . GV có thể ghi các nhận xét vào trong hồ sơ theo quy định.

§15. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9

Mục tiêu của bài này là:

Mục tiêu

- Hiểu được dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3.
- Biết vận dụng dấu hiệu chia hết để nhận biết một số, một tổng (hiệu) chia hết cho 9, cho 3.

Ở Tiểu học HS nhận biết các dấu hiệu chia hết qua qui nạp không hoàn toàn, ở lớp 6 cần cung cấp cho HS cơ sở lý luận để giải thích các dấu hiệu chia hết.

Hoạt động trải nghiệm

HS thực hiện các hoạt động:

- Tái hiện lại các hiểu biết về dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 được học ở Tiểu học.
- củng cố cách suy luận đã được làm quen qua việc học về dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 ở bài trước (bài 14).

HS thực hiện cụ thể các hoạt động sau :



1. Xét hai số $a = 2124$, $b = 5124$. Thực hiện phép chia để kiểm tra xem số nào chia hết cho 9, số nào không chia hết cho 9.

2. Đọc kĩ đoạn sau:

Trong ví dụ trên, a chia hết cho 9, còn b không chia hết cho 9. Dường như dấu hiệu chia hết cho 9 không liên quan đến các chữ số tận cùng, vậy nó liên quan đến yếu tố nào?

Hoạt động hình thành kiến thức

Cung cấp cho HS nhận biết về dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 thông qua một suy luận dạng “tiền chứng minh” như:

Xét số 378, ta thấy $378 = 3.100 + 7.10 + 8$

$$\begin{aligned} 378 &= 3. (99 + 1) + 7 (9 + 1) + 8 \\ &= 3.99 + 3 + 7.9 + 7 + 8 = 3 + 7 + 8 + 3.99 + 7.9 \\ &= (3 + 7 + 8) + (3. 11.9 + 7.9) \\ &= (\text{tổng các chữ số}) + (\text{số chia hết cho 9}) \end{aligned}$$

Như vậy số 378 được viết dưới dạng tổng các chữ số của nó (là $3 + 7 + 8$) cộng với một số chia hết cho 9 (là $3. 11. 9 + 7. 9$).

$$\begin{aligned} \text{Tương tự: } 253 &= 2.100 + 5.10 + 3 \\ &= 2. (99 + 1) + 5. (9 + 1) + 3 \\ &= 2.99 + 2 + 5.9 + 5 + 3 \\ &= (2 + 5 + 3) + (2.99 + 5 .9) \\ &= (2 + 5 + 3) + 2 . 11. 9 + 5 . 9 \\ &= (\text{tổng các chữ số}) + (\text{số chia hết cho 9}). \end{aligned}$$

Từ đó HS rút ra nhận xét:

Mọi số đều có thể được viết dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.

Sau đó, theo từng nhóm cặp đôi HS tiếp tục giúp nhau phân tích, khám phá để rút ra nhận biết về ”Dấu hiệu chia hết cho 9” thông qua việc đọc các nội dung sau:

a) Ví dụ: Xét xem số 378 và số 253 có chia hết cho 9 hay không?

Áp dụng nhận xét trên:

$$\begin{aligned} 378 &= (3 + 7 + 8) + (\text{số chia hết cho 9}) \\ &= 18 + (\text{số chia hết cho 9}); \text{ ta có 18 chia hết cho 9} \end{aligned}$$

Số 378 chia hết cho 9, vì cả hai số hạng đều chia hết cho 9.

Kết luận: 1 Số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9.

$$\begin{aligned} \text{Tương tự ta có: } 253 &= (2 + 5 + 3) + (\text{số chia hết cho 9}) \\ &= 10 + (\text{số chia hết cho 9}); \text{ ta có 10 không chia hết cho 9} \end{aligned}$$

Số 253 không chia hết cho 9, vì một số hạng không chia hết cho 9, số hạng còn lại chia hết cho 9.

Kết luận 2: Số có tổng các chữ số không chia hết cho 9 thì không chia hết cho 9.

HS cần biết tổng hợp các kết quả đã có ở các ví dụ 1 và 2 để rút ra kết luận tổng quát:

Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.

Tiếp theo HS củng cố trực tiếp kiến thức vừa học thông qua giải bài tập:



b) Trong các số sau, số nào chia hết cho 9, số nào không chia hết cho 9 :

621; 1205; 1327; 6354; 2351.

GV có thể hướng dẫn các nhóm đặt thêm câu hỏi cho các nội dung trên để cùng nhớ lại những điều cần chú ý chẳng hạn như yêu cầu bạn chỉ ra một số chia hết cho 9, một số không chia hết cho 9 rồi hỏi bạn: Bằng cách nào để có thể nhận biết được một số chia hết cho 9 một cách nhanh nhất?

HS thực hiện qui trình tương tự khi tìm tòi, phát hiện ”**Dấu hiệu chia hết cho 3**” rồi rút ra kết luận:

Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.

Hoạt động luyện tập

HS thực hành luyện tập các kiến thức, kĩ năng thông qua việc giải các bài tập dạng sau:



1. Cho các số sau: 187, 1347, 4515, 6534, 93258

a)Viết tập hợp A các số chia hết cho 3 trong các số trên.

b) Viết tập hợp các số chia hết cho 9 trong các số trên.

c) Viết tập hợp C các số chỉ chia hết cho 3 và không chia hết cho 9.

d) Dùng kí hiệu $\subset$ để thể hiện quan hệ giữa hai tập hợp A và B.

2. Không làm tính, em hãy giải thích các tổng (hiệu) sau có chia hết cho 3 không, có chia hết cho 9 không ?

a) $1251 + 5316$; b) $5436 - 1324$; c) $1.2.3.4.5.6 + 27$.

3. Điền chữ số vào dấu * để :

a) $\overline{5*8}$ chia hết cho 3;

b) $\overline{6*3}$ chia hết cho 9;

c) $\overline{43*}$ chia hết cho 3 và cho 5;

d) $\overline{*81*}$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9. (trong một số có nhiều dấu *, các dấu * không nhất thiết phải thay bởi các chữ số giống nhau).



Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng

Để phát triển hứng thú học toán và hoàn thiện, nâng cao kĩ năng thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các tình huống vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9, HS có thể tham khảo các dạng bài tập sau:

1. Nhà bác Ba có ba đàn vịt chăn thả trên các cánh đồng khác nhau. Số vịt trong các đàn là 81, 127 và 134 con. Bác Ba nói nếu đem tất cả số vịt đó nhốt đều vào 3 chuồng, hoặc 9 chuồng thì không thừa con nào. Theo em bác Ba có làm được việc đó không?

2. Trong các số từ 1 đến 100, em hãy tìm số chia hết cho 2, cho 5 và cho 9.

3. Dùng ba trong bốn chữ số 4, 5, 3, 0 hãy ghép thành các số tự nhiên có ba chữ số sao cho các số đó:

a) Chia hết cho 9;

b) Chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9.

Chủ đề 2. Số nguyên

§1. LÀM QUEN VỚI SỐ NGUYÊN ÂM

Về mục tiêu của bài học, giáo viên có thể cho từng cá nhân tự đọc, tự suy ngẫm, công việc này nhằm để các em nhận thức được bài học này nhằm đạt được cái gì, ở mức độ nào từ đó các em có thể suy nghĩ định hướng cần phải làm như thế nào để đạt được mục tiêu đó. Sau khi hoàn thành bài học, học sinh đối chiếu xem đã đạt được những gì so với mục tiêu của bài.

Minh họa:

Mục tiêu

- Bước đầu làm quen với số nguyên âm. Biết được sự cần thiết của các số nguyên âm trong thực tiễn và trong toán học.
- Nhận biết và đọc đúng các số nguyên âm qua các ví dụ thực tiễn
- Biết cách biểu diễn các số tự nhiên và các số nguyên âm trên trục số.

1. Hoạt động trải nghiệm

Khái niệm số nguyên âm học sinh chưa được học ở tiểu học nhưng trong cuộc sống khi sử dụng các dụng cụ như nhiệt kế, nghe dự báo thời tiết, học sinh có thể đã biết đọc những số này qua hướng dẫn của bố mẹ hoặc anh chị... Do đó thông qua việc quan sát bảng nhiệt độ, từng cá nhân chỉ rõ sự khác biệt về nhiệt độ để thấy sự khác biệt về cách viết các số mới so với số 0 và các số tự nhiên đã biết, nhằm hình thành cho HS khái niệm số nguyên âm.

Khi tổ chức hoạt động này giáo viên cần quan sát, nghe học sinh nói về sự khác nhau giữa các số tô màu đỏ có gì khác với các số em đã biết, khi học sinh nêu rõ được sự khác biệt đó thì học sinh đã có thể ngầm hiểu được rằng số đó chính là một số nguyên âm. Đối với học sinh chưa chỉ ra được sự khác biệt, cần sự giúp đỡ của giáo viên thì giáo viên không nên chỉ ra ngay mà nên gợi ý để học sinh tự tìm ra sự khác nhau.

Khi học sinh đọc xong : “ Nhiệt độ ở Bắc Kinh là âm hai độ C (hoặc là trừ hai độ C). Nhiệt độ ở Mát - xơ - va là âm bảy độ C (hoặc là trừ bảy độ C). Nhiệt độ ở Pa-ri là không độ C “, giáo viên có thể hỏi thêm học sinh (đặc biệt là đối với đối tượng học sinh yếu) xem có từ nào cần lưu ý trong câu em vừa đọc không?.

Tiếp tục giáo viên quan sát, nghe học sinh trong nhóm trao đổi, lưu ý việc học sinh lấy ví dụ có liên quan đến số -5, hướng dẫn và chỉnh sửa cho học sinh khi cần thiết.

Minh họa:



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a) Quan sát bảng nêu nhiệt độ ở một vài thành phố (về mùa đông):

Bắc Kinh	-2°C
Mát - xơ - va	-7°C
Pa - ri	0°C
Hà Nội	18°C

b) Em hãy nói xem các số tô màu đỏ có gì khác với các số em đã biết?

c) Em đọc: “Nhiệt độ ở Bắc Kinh là âm hai độ C (hoặc là trừ hai độ C). Nhiệt độ ở Mát - xơ - va là âm bảy độ C (hoặc là trừ bảy độ C). Nhiệt độ ở Pa-ri là không độ C”.

d) Trao đổi trong nhóm và kể ra một ví dụ có sử dụng số -5 .

2. Hoạt động hình thành kiến thức

(1) Giáo viên cần hướng dẫn, hỗ trợ HS để HS đọc đúng số nguyên âm, biết phân biệt sự giống nhau và khác nhau trong việc viết 2 loại số tự nhiên và số nguyên âm. GV hướng dẫn HS đọc và hiểu được trong thực tế người ta biểu diễn độ cao như của cao nguyên, thềm lục địa, việc có tiền hay không có tiền...như thế nào.

Ảnh chụp quả đồi nhằm tạo cho học sinh cảm giác về độ cao của quả đồi so với mặt đất, từ đó có thể liên tưởng đến độ cao của các cao nguyên so với mặt nước biển.

Các ví dụ nhằm cho học sinh thấy được sự cần thiết của số nguyên âm trong thực tiễn, hay có thể nói rằng toán học bắt nguồn từ thực tiễn và phục vụ thực tiễn.\

Minh họa:



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1.a) Đọc kĩ nội dung sau

Trong thực tế, bên cạnh các số tự nhiên, người ta còn dùng các số với dấu “-” đằng trước, như : $-1, -2, -3, \dots$ (đọc là âm 1, âm 2, âm 3,...). Những số như thế được gọi là **số nguyên âm**.



1.b) Đọc các ví dụ sau:

Ví dụ 1: Để đo độ cao thấp ở các địa điểm khác nhau trên Trái Đất, người ta lấy mực nước biển làm chuẩn, nghĩa là quy ước độ cao của mực nước biển là 0m.

- Cao nguyên Đắc Lắc (Việt Nam) có độ cao trung bình cao hơn mực nước biển 600m. Ta nói: Độ cao trung bình của cao nguyên Đắc Lắc là 600m.

- Thềm lục địa Việt Nam có độ cao trung bình thấp hơn mực nước biển 65m. Ta nói: Độ cao trung bình của thềm lục địa Việt Nam là -65m .

- Độ cao của đỉnh núi Phan-xi-păng (Việt Nam) là 3143m.

- Độ cao của đáy vịnh Cam Ranh (Việt Nam) là -30m .

Ví dụ 2: Nếu ông A có 10000 đồng thì ta nói: “Ông A có 10000 đồng”. Còn nếu ông A nợ 10000 đồng thì ta có thể nói: “Ông A có -10000 đồng”.

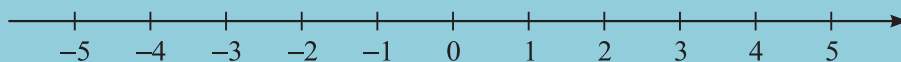
(2) Khi HS đã đọc được số nguyên âm và phân biệt rõ được số nguyên âm với số tự nhiên, từng cá nhân đọc, tự hiểu được hoặc nghe giáo viên hoặc bạn hướng dẫn để biết cách biểu diễn số nguyên âm trên trục số. Lưu ý trong việc biểu diễn trên trục số thông qua tia đối của tia số mà học sinh đã được học ở tiểu học, từ đó hiểu được chiều quy định trên trục số.

Trục số sẽ được sử dụng rất nhiều trong môn toán, do đó ở đây cần cho HS hiểu đúng khái niệm, đặc biệt là điểm gốc O, chiều của nó và khoảng cách giữa các số. Giáo viên có thể yêu cầu HS vẽ 1 trục số ra giấy nháp hoặc trong vở ghi để kiểm tra xem HS có biết khái niệm trục số không, có biết vẽ biểu diễn 1 trục số không?...

Minh họa:

2.a) Đọc kĩ nội dung sau

Trục số : Ta biểu diễn các số nguyên âm trên tia đối của tia số và ghi các số $-1, -2, -3, \dots$ như trong hình :

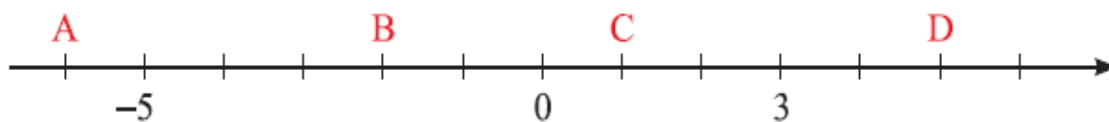


Như vậy ta được một **trục số**. Điểm 0 (không) được gọi là điểm gốc tọa độ của trục số. Trên hình, chiều từ trái sang phải gọi là *chiều dương* (thường được đánh dấu bằng mũi tên), chiều từ phải sang trái gọi là *chiều âm* của trục số.

(3) HS đọc các ví dụ và trả lời câu hỏi để củng cố trực tiếp cách viết các số nguyên âm và biểu diễn các số nguyên âm trên trục số.

Minh họa:

2.b) Các điểm A, B, C, D ở trục số trên hình dưới đây biểu diễn những số nào?



Đối với HS cần sự trợ giúp giáo viên có thể phải hướng dẫn rất cẩn thận cho HS thông qua các câu hỏi, ví dụ như:

- + Em hãy chỉ ra những số nào đã có trên trục số?
- + Từ số 0 đến số 3 có mấy đoạn? Từ số 0 đến số 5 có mấy đoạn?
- + Chiều từ số gốc O đến C hoặc D được quy định là chiều gì? Chiều từ gốc O đến A hoặc B là chiều gì? Những số nằm bên phải điểm O sẽ mang dấu gì? Những số nằm bên trái điểm O mang dấu gì?
- + Điểm C cách O mấy đoạn? Vậy điểm C biểu diễn số nào? Tương tự điểm D biểu diễn số nào?
- + Điểm B cách O mấy đoạn? Vậy điểm B biểu diễn số nào? Tương tự điểm A biểu diễn số nào?

3. Hoạt động luyện tập

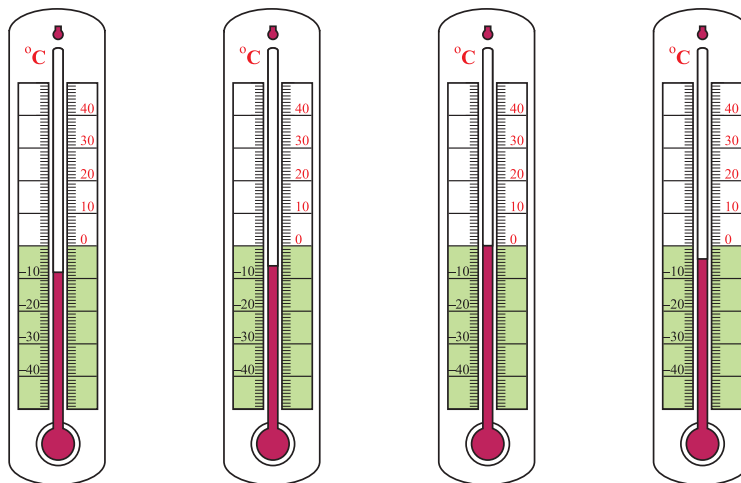
(1) Học sinh thực hiện các hoạt động và bước đầu vận dụng cách viết các số nguyên âm và biểu diễn các số nguyên âm trên trục số.

GV có thể hướng dẫn học sinh làm việc cá nhân hoặc cho các em làm việc cặp đôi để các em có điều kiện kiểm tra, hỗ trợ lẫn nhau.

Minh họa:



1. Viết và đọc nhiệt độ (tính theo độ C) ở các nhiệt kế vẽ trên hình dưới đây .



2. Đọc độ cao của các địa điểm sau:

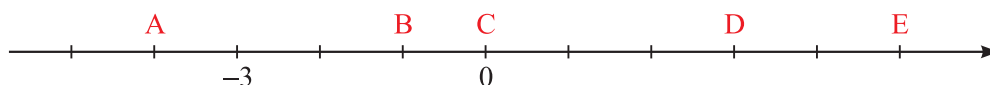
a) Độ cao của đỉnh núi Ê-vơ-rét (thuộc Nê-pan) là 8850m (cao nhất thế giới);

b) Độ sâu của đáy vực Ma-ri-an (thuộc vùng biển Phi-li-pin) là -11524m (sâu nhất thế giới).

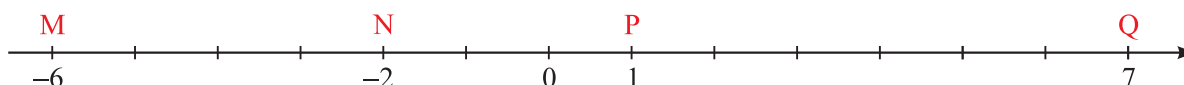
3. Người ta còn dùng số nguyên âm để chỉ thời gian trước Công nguyên. Chẳng hạn, nhà toán học Py-ta-go sinh năm -570 nghĩa là ông sinh năm 570 trước Công nguyên.

Hãy viết số (nguyên âm) chỉ năm tổ chức Thế vận hội đầu tiên, biết rằng nó diễn ra năm 776 trước Công nguyên.

4. Các điểm A, B, C, D, E ở trên mỗi trục số dưới đây biểu diễn những số nào?



5. a) Tính khoảng cách từ điểm gốc 0 đến mỗi điểm M, N, P, Q.



b) Tính khoảng cách từ điểm gốc O đến các điểm biểu diễn các số:

-8 ; $+6$; -50 ; $+15$.

(2) Kết thúc hoạt động luyện tập GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả những việc các em đã làm được, giải đáp cho HS những khó khăn, vướng mắc và kiểm tra, đánh giá HS:

- Nội dung kiểm tra:

- + Cách đọc, cách viết số nguyên âm;
- + Cách biểu diễn một số nguyên âm trên trục số, chiều dương và chiều âm trên trục số;
- + Nguồn gốc và cách sử dụng số nguyên âm để biểu diễn một số vấn đề thực tiễn.

- Hình thức kiểm tra: tùy từng trường hợp và hoàn cảnh cụ thể GV thực hiện linh hoạt, như hỏi cá nhân; qua báo cáo của cá nhân; qua sản phẩm hoạt động của cá nhân; qua vở ghi của HS...

- Cách đánh giá: GV nhận xét, đánh giá cá nhân, nhóm hoặc cả lớp bằng nhận xét (bằng lời hoặc viết) hoặc cho điểm, nhưng lưu ý mục đích chính của việc đánh giá là động viên, khích lệ làm cho HS hứng thú học tập, phát hiện những khó khăn của HS để hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời; rút ra những kinh nghiệm trong giảng dạy nội dung này.

4. Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng

(1) GV khuyến khích HS bước đầu biết vận dụng kiến thức về số nguyên âm vào trong thực tế cuộc sống. Hướng dẫn HS về nhà tìm sự hỗ trợ học tập từ gia đình như bố, mẹ, anh, chị ... hoặc qua những người thân quen biết cách để giải các bài tập. Phần này không bắt buộc đối với mọi học sinh, mà chỉ động viên, khuyến khích các em làm thêm, có thể GV nên yêu cầu đối với HS khá giỏi phải thực hiện để các em nâng cao mở rộng được kiến thức. Hoạt động này, hiện tại chưa yêu cầu HS phải mở rộng vốn kiến thức qua việc thu thập thêm thông tin liên quan đến bài học từ các nguồn thông tin khác nhau (từ gia đình, cộng đồng) hoặc tiến hành thực hành luyện tập nhằm phát triển kiến thức, kỹ năng đã có. Đối với những HS mà GV đã yêu cầu các em làm phần này thì GV phải bố trí kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của các em bằng nhiều cách khác nhau, ví dụ như kiểm tra vở làm bài, hỏi trực tiếp HS trong giờ học sau, cho HS này hỏi HS khác... điều này nhằm tạo ra thói quen thực hiện nhiệm vụ của HS.

(2) Kết thúc bài học GV cần nhận xét, đánh giá chung tình hình học tập có thể của cả lớp hoặc của một vài nhóm. Cần cho HS đối chiếu, tự nhận xét những kết quả đạt được sau bài học so với mục tiêu của bài học. GV có thể khen một số em HS để khích lệ, động viên HS học tập. GV có thể ghi các nhận xét đối với một vài HS vào trong hồ sơ của HS hoặc sổ ghi chép, đây là những dữ liệu để tổng hợp nhằm đánh giá đúng năng lực và phẩm chất của HS.

Minh họa



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG và TÌM TÒI MỞ RỘNG



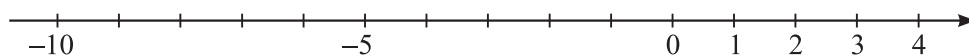
1. a) Xếp các năm sinh của một số nhà toán học nêu trong bảng dưới đây theo thứ tự thời gian ra đời từ sớm nhất đến muộn nhất.

A	Tên	Năm sinh
B	Lương Thế Vinh	1441
C	Pi-ta-go	-570
D	Gau-xơ	1777
E	Ác-si-mét	-287

b) Ghi các điểm A, B, C, D, E vào trục số (cứ hai thế kỉ thì biểu diễn bởi một đoạn thẳng dài 2cm trên trục số).

c) So sánh kết quả của câu a) với vị trí các điểm biểu diễn trên trục số.

2. Ghi các số nguyên âm nằm giữa các số -10 và -5 vào trục số ở trên hình dưới đây.



3. Vẽ một trục số và vẽ:

- Những điểm nằm cách điểm 0 ba đơn vị.
- Ba cặp điểm biểu diễn số nguyên cách đều điểm 0.



Thầy/cô giáo nhận xét và ghi nhận kết quả học tập của học sinh.

Chủ đề 3. Phân số

§11. PHÉP CHIA PHÂN SỐ. LUYỆN TẬP

Mục tiêu

- Hiểu khái niệm số nghịch đảo và biết cách tìm số nghịch đảo của một phân số khác 0.
- Hiểu và vận dụng được quy tắc chia phân số của các biến.

Mục tiêu của mỗi bài học được đưa vào là điểm mới của Tài liệu học theo mô hình mô hình trường học mới. HS cần biết mục tiêu cần đạt của mình qua bài học là gì. Thông qua đó, HS biết được nội dung mình sẽ học trong bài học và sau khi học xong có thể tự đánh giá được việc học những nội dung đó.

Mục tiêu của bài này là HS phải hiểu được khái niệm số nghịch đảo và quy tắc chia phân số, từ đó vận dụng tìm được số nghịch đảo của một phân số khác 0 cũng như thực hiện được phép chia phân số.

Cần chú ý rằng ở Tiểu học, số nghịch đảo của một phân số mà tử và mẫu đều là các số tự nhiên HS được biết là phân số đảo ngược và HS đã biết thực hiện phép chia cho một phân số là nhân với số đảo ngược. Ở lớp 6, khái niệm phân số đã được mở rộng với tử và mẫu là các số nguyên, vì vậy phép chia phân số cũng được khái quát trên cơ sở của khái niệm số nghịch đảo. Do đó, GV cần giúp HS hiểu rõ những điểm khác biệt, khái quát hơn ở tiểu học của bài học ngay từ khi đọc mục tiêu.

GV tổ chức cho HS đọc mục tiêu của bài rồi mới thực hiện các hoạt động học tập.

Trong bài học này, **Hoạt động Khởi động và hoạt động Hình thành kiến thức** được ghép lại với nhau. Kiến thức cơ bản của bài học được thiết kế thành hai đơn vị kiến thức nhỏ: khái niệm số nghịch đảo và quy tắc chia một phân số hay một số nguyên cho một phân số. Mỗi đơn vị kiến thức được thiết kế qua ba bước trong Hoạt động Khởi động và Hình thành kiến thức: Tiếp cận – Hình thành – Củng cố.

Các hoạt động sau thuộc *đơn vị kiến thức thứ nhất* (khái niệm số nghịch đảo) được thiết kế vừa mang tính chất giúp HS ôn lại kiến thức đã học liên quan đến bài học, vừa cho HS tạo tình huống vào bài mới, tiếp cận khái niệm số nghịch đảo. Như thế HS được tiếp cận khái niệm mới dựa vào kiến thức cũ, thông qua trải nghiệm đơn giản, như đã chỉ ra.



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG và HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1.a) Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- **Thực hiện** các phép tính sau:

$$(-7) \cdot \frac{1}{-7} \quad ; \quad \frac{-5}{3} \cdot \frac{3}{-5} \quad .$$

- **Nêu nhận xét** về kết quả của các phép tính trên.
- **Em nói:**

Do $(-7) \cdot \frac{1}{-7} = 1$ nên ta gọi $\frac{1}{-7}$ là **số nghịch đảo** của -7 và -7 cũng được gọi là

số nghịch đảo của $\frac{1}{-7}$; hai số -7 và $\frac{1}{-7}$ là hai số nghịch đảo của nhau.

Tương tự: Do $\frac{-5}{3} \cdot \frac{3}{-5} = 1$ nên ta có $\frac{3}{-5}$ là số nghịch đảo của $\frac{-5}{3}$, $\frac{-5}{3}$ cũng là số nghịch đảo của $\frac{3}{-5}$; hai số $\frac{-5}{3}$ và $\frac{3}{-5}$ là hai số nghịch đảo của nhau.

GV tổ chức cho cá nhân HS thực hiện các phép tính, sau đó trao đổi trong nhóm để nêu nhận xét về kết quả của các phép tính đó. Ở đây, “Em nói” hiểu theo nghĩa là kiến thức (cần ghi nhớ), hay kĩ năng mà HS cần có. Hoạt động này nhằm hình thành khái niệm hai số nghịch đảo cho HS, đồng thời đó cũng như là một sự trình bày mẫu về cách lý giải một số là nghịch đảo hay không của một số cho trước.

GV cần hướng dẫn các nhóm HS trao đổi, thảo luận để đưa ra nhận xét của nhóm, đọc cho nhau nghe để nhận biết khái niệm mới – kiến thức mới (số nghịch đảo).



1. b) Đọc kĩ nội dung sau:

Định nghĩa:

Hai số gọi là nghịch đảo của nhau nếu tích của chúng bằng 1.

Khái niệm số nghịch đảo là kiến thức mới mà HS cần hiểu, ghi nhớ. HS đã biết tới số đảo ngược của một số để thực hiện được phép chia phân số ở Tiểu học. Để thực hiện phép chia phân số tổng quát, cần chính xác hoá khái niệm số nghịch đảo. GV cần giúp HS hiểu rõ điều này cũng như thành thạo việc tìm số nghịch đảo của một số để chuẩn bị cho việc học quy tắc chia phân số tổng quát thông qua hoạt động củng cố trực tiếp sau:



c) Thực hiện các hoạt động sau

- **Em viết vào vở:**

- Có: $\frac{-4}{5} \cdot \frac{5}{-4} = 1.$

Ta nói: $\frac{5}{-4}$ là số nghịch đảo của $\frac{-4}{5}$, $\frac{-4}{5}$ cũng là số nghịch đảo của $\frac{5}{-4}$; hai số $\frac{-4}{5}$ và $\frac{5}{-4}$ là hai số nghịch đảo của nhau.

- Có: $\frac{a}{b} \cdot \frac{b}{a} = 1$ ($a, b \in \mathbb{Z}, a \neq 0; b \neq 0$).

Ta nói: $\frac{b}{a}$ là số nghịch đảo của $\frac{a}{b}$, $\frac{a}{b}$ cũng là số nghịch đảo của $\frac{b}{a}$; hai số $\frac{a}{b}$ và $\frac{b}{a}$ là hai số nghịch đảo của nhau.

- **Tìm số nghịch đảo của :** $\frac{4}{5}$; -3 ; $\frac{-4}{7}$; $\frac{2}{-5}$; 123 .

Hoạt động củng cố này có ý đồ yêu cầu HS thể hiện việc cụ thể hoá khái niệm số nghịch đảo trong khung bằng các hoạt động thành phần: viết lại nội dung được xem như là sự cụ thể hoá của khái niệm, một sự trình bày mẫu về tìm số nghịch đảo của một số, trên cơ sở đó HS làm bài tập tìm số nghịch đảo của một vài số. GV cần chú ý hướng dẫn HS hiểu: tên gọi mới (thuật ngữ mới); kí hiệu mới; cách nói; cách viết... đó có thể xem là cách học một kiến thức mới với HS. GV cũng cần quan sát, ghi nhận cách HS nói, trao đổi và kịp thời chỉnh sửa cách diễn đạt chưa thật chính xác (nếu có) của mỗi em. GV có thể hướng dẫn HS đổ nhau bằng hình thức một bạn đưa ra một số, bạn khác tìm số nghịch đảo của số đó (thể hiện khái niệm số nghịch đảo). GV cần chú ý rằng, cách củng cố theo hướng giúp HS tự học của mô hình mô hình trường học mới thường có 3 phần (3 mức độ):

- +) Làm (nói,...) theo mẫu. Với dụng ý giúp HS củng cố thông qua nhận dạng (bắt chước), hình thành kĩ năng, rèn luyện cách trình bày.
- +) Ra bài tương tự để HS tự làm, tự luyện theo mẫu.
- +) Đố bạn khác cùng làm tương tự, với dụng ý giúp HS củng cố thông qua thể hiện.

Chú ý: nếu thời gian và mức độ nhận thức cho phép, GV sẽ yêu cầu HS thực hiện đủ các dạng nêu trên, còn nếu thời gian eo hẹp hoặc đối tượng HS chưa như mong muốn GV có thể thu ngắn, thậm chí chỉ có một dạng, còn các dạng khác ta có thể ra thêm và xem như bài tập về nhà, để HS có thể tự học và tự hoàn thành.

Thông qua hoạt động củng cố này, GV hướng dẫn HS đối chiếu với mục tiêu ban đầu để đánh giá kết quả học tập của mình, của bạn, qua đó có thể điều chỉnh hoạt động học của mình, nhóm mình. GV cũng đánh giá được một HS đang ở mức nào trong ba mức trên để có những hỗ trợ phù hợp (phiếu học tập bổ sung đã được dự kiến trước; nhờ HS khá giỏi luyện tập thêm cùng với HS chưa đạt yêu cầu,...).

Đối với *đơn vị kiến thức thứ hai*, dụng ý là: thông qua hoạt động thực hiện phép tính chia HS đã học ở Tiểu học, quan sát hai phép tính đó để đưa ra nhận xét: thương của $\frac{2}{7}$ chia cho $\frac{1}{3}$ bằng tích của $\frac{2}{7}$ và số nghịch đảo của $\frac{1}{3}$; Thương của 5 chia cho $\frac{7}{3}$ bằng tích của 5 và số nghịch đảo của $\frac{7}{3}$. Từ đó quy nạp lên thành quy tắc chia một phân số hay một số nguyên cho một phân số.



2. Thực hiện các hoạt động sau:

a) Thực hiện các phép tính sau:

$$\frac{2}{7} : \frac{1}{3}; \quad 5 : \frac{7}{3}.$$

- *Quan sát, nhận xét về hai phép tính trên.*

- *Em viết vào vở:* $\frac{2}{7} : \frac{1}{3} = \frac{2}{7} \cdot \frac{3}{1}; \quad 5 : \frac{7}{3} = 5 \cdot \frac{3}{7}$

- *Em nói:*

Có $\frac{3}{1}$ là số nghịch đảo của $\frac{1}{3}$; $\frac{3}{7}$ là số nghịch đảo của $\frac{7}{3}$.

Thương của $\frac{2}{7}$ chia cho $\frac{1}{3}$ bằng tích của $\frac{2}{7}$ và số nghịch đảo của $\frac{1}{3}$.

Thương của 5 chia cho $\frac{7}{3}$ bằng tích của 5 và số nghịch đảo của $\frac{7}{3}$.

Tương tự ta có: Thương của $\frac{-2}{9}$ chia cho $\frac{5}{11}$ bằng tích của $\frac{-2}{9}$ và số

nghịch đảo của $\frac{5}{11}$, tức là $\frac{-2}{9} : \frac{5}{11} = \frac{-2}{9} \cdot \frac{11}{5} = \frac{-22}{45}$.

Ở phần này, GV cần lưu ý: HS thực hiện được hai phép tính chia (bằng kiến thức đã học ở tiểu học) nhưng khi tính thì quan niệm trong đầu HS $\frac{3}{1}$ vẫn là phân số đảo ngược của $\frac{1}{3}$ và $\frac{3}{7}$ là phân số đảo ngược của $\frac{7}{3}$. Cần làm cho HS hiểu rõ thực chất $\frac{3}{1}$ là phân số nghịch đảo của $\frac{1}{3}$ và $\frac{3}{7}$ là phân số nghịch đảo của $\frac{7}{3}$ bằng cách yêu cầu HS đọc lại cho nhau nghe và từ đó có thể khái quát thành quy tắc chia phân số.



b) Đọc kĩ nội dung sau:

Quy tắc:

Muốn chia một phân số hay một số nguyên cho một phân số, ta nhân số bị chia với số nghịch đảo của số chia.

$$\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{a \cdot d}{b \cdot c}; \quad a : \frac{c}{d} = a \cdot \frac{d}{c} = \frac{a \cdot d}{c}.$$

Đây là quy tắc chia phân số. Mặc dù HS dễ dàng nhớ được quy tắc này nhưng GV cần kiểm soát với chú ý quy tắc này khác với Tiểu học ở chỗ khái niệm phân số đã được mở rộng, số tự nhiên đã mở rộng ra số nguyên và phân số đảo ngược ở Tiểu học được gọi là phân số nghịch đảo. Hơn nữa quy tắc chia phân số đã được “đại số” hoá thành công thức tổng quát.

GV hướng dẫn HS đọc thầm, ghi công thức tổng quát vào vở, trao đổi với nhau về điều kiện của a, b, c, d...

Hoạt động luyện tập trực tiếp sau nhằm giúp HS áp dụng quy tắc chia phân số đã học được ở trên để tính kết quả của phép chia hai hai số (trình bày theo mẫu):



c) Thực hiện các phép tính sau theo mẫu:

Mẫu: $\frac{-2}{3} : \frac{1}{2} = \frac{-2}{3} \cdot \frac{2}{1} = \frac{-4}{3}$.

$$\frac{4}{5} : \frac{-3}{4};$$

$$-3 : \frac{4}{7};$$

$$\frac{-4}{5} : \frac{3}{7};$$

$$\frac{-2}{5} : \frac{-4}{15};$$

$$-7 : \frac{6}{11};$$

$$\frac{-2}{9} : 6.$$

Báo cáo với thầy/cô giáoo kết quả những việc các em đã làm.

GV hướng dẫn HS hoạt động bằng cách thực hiện hoạt động cá nhân rồi đổi chéo bài với bạn để kiểm tra chéo bài cho nhau (HS đánh giá lẫn nhau). Khi nghe các nhóm báo cáo kết quả những việc các em đã làm, GV căn cứ vào tình hình thực tế để kiểm tra kết quả học tập của HS (so với mục tiêu đề ra ban đầu) bằng cách hỏi HS về khái niệm số nghịch đảo, quy tắc chia phân số và đưa ra các yêu cầu cụ thể để HS tính toán. GV nên dự kiến các trường hợp có thể xảy ra để kiểm tra mức độ hiểu khái niệm số nghịch đảo cũng như quy tắc chia phân số và áp dụng vào thực hiện phép chia phân số của HS. Qua đó cũng có thể phần nào đánh giá được mức độ hiểu kiến thức của HS với nội dung đã học. Chú ý những sai lầm hoặc không nên trình bày như vậy trong tính toán (chẳng hạn như sai dấu khi nhân hai phân số; khi tìm số nghịch đảo của một phân số vẫn để dấu âm ở mẫu trong phân số nghịch đảo) mà HS mắc phải để có những xử lý kịp thời (có thể yêu cầu HS khác phân tích sai lầm bạn mắc phải, nhắc lại kiến thức đã biết hoặc cho thêm phiếu học tập bổ sung đã chuẩn bị trước,...)

Hoạt động luyện tập xem như bài tập, nhằm luyện tập, củng cố, khắc sâu thêm về các nội dung vừa học. HS làm việc cá nhân, trực tiếp thực hành quy tắc chia phân số đã học ở trên:



1. Tính:

a) $\frac{-5}{6} : \frac{2}{7};$

b) $\frac{-7}{8} : \frac{-1}{4};$

c) $-12 : \frac{6}{7};$

d) $\frac{1}{15} : \frac{-3}{5};$

e) $0 : \frac{-5}{36};$

f) $\frac{7}{9} : (-7).$

2. a) Tính giá trị của mỗi biểu thức sau

$$\frac{3}{7} : 1;$$

$$\frac{3}{7} : \frac{2}{5};$$

$$\frac{3}{7} : \frac{5}{4}.$$

b) So sánh số chia với 1 trong mỗi trường hợp trên.

c) So sánh giá trị tìm được với số bị chia rồi rút ra kết luận.

3. Tìm x:

a) $\frac{4}{9} \cdot x = \frac{1}{9};$

b) $x : \frac{-1}{12} = \frac{7}{12};$

c) $\frac{-5}{14} : x = \frac{-3}{10}.$

d) $\frac{7}{18} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{5}{18};$

e) $\frac{4}{9} - \frac{7}{8} \cdot x = \frac{-2}{3};$

f) $\frac{1}{6} + \frac{-5}{7} : x = \frac{-7}{18}.$

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã

Các bài tập thực hành được thiết kế với mục đích tăng dần độ phức tạp, từ bài thực hiện phép chia phân số một cách đơn lẻ đến thực hiện phối hợp với phép cộng, trừ, nhân (bài 3). Bài tập 2 nhằm giúp HS đưa ra nhận xét: Nếu số chia bằng 1 thì thương bằng số bị chia; nếu số chia nhỏ hơn 1 thì thương lớn hơn số bị chia; nếu số chia lớn hơn 1 thì thương nhỏ hơn số bị chia nhằm giúp HS có thể áp dụng tính được ngay kết quả trong phép chia cho 1 cũng như để kiểm tra nhanh sự đúng đắn của kết quả phép chia. Bài tập 3 còn giúp HS củng cố thêm về thứ tự thực hiện phép tính, đặc biệt trong bài toán tìm x.

GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi thảo luận trong nhóm (đôi, ba) để chia sẻ kết quả, cách làm,... và cuối cùng là báo cáo kết quả học tập với GV để GV xác nhận, chuẩn hoá kết quả,... Việc làm này sẽ góp phần tăng cường năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác,... của các em khi học bài. HS có thể mắc sai lầm về thứ tự thực hiện phép tính, cách tìm thành phần chưa biết trong bài toán tìm x. GV cần chú ý quan tâm tới những HS yếu, kém để giúp đỡ các em kịp thời, đồng thời có thể chuẩn bị thêm phiếu học tập mà nội dung cần thể hiện sự phối hợp các tính chất của các phép toán và quy tắc phép toán cho những HS khá giỏi sau khi đã hoàn thành nội dung hoạt động theo yêu cầu của tài liệu học.

Đến đây có thể xem như là kết thúc tiết học đối với mọi đối tượng HS. GV chú ý cho HS các nhóm báo cáo kết quả học tập của nhóm mình. GV khuyến khích HS tự phát biểu, tự nhận xét, đánh giá,... mà không quá coi trọng câu trả lời của HS là đúng hay sai. GV cần lắng nghe và kết hợp với phiếu tự đánh giá của HS để có thể đánh giá

được việc HS hiểu bài học đến đâu, từ đó có những quyết định cho bước học tập tiếp theo của HS. GV cần đưa ra các câu hỏi phù hợp đối với từng đối tượng HS, qua đó có thể đánh giá và có những biện pháp hỗ trợ kịp thời (cá nhân HS (hay nhóm) phải đọc lại, ôn lại chỗ nào hay được phép chuyển qua phần tiếp theo; đưa ra những câu hỏi nhỏ, cụ thể hơn cho HS yếu kém; cho thêm câu hỏi, bài tập nâng cao hơn đối với HS khá giỏi,... - đã được chuẩn bị trước). Tùy theo tốc độ học của HS mà với thời gian qui định của bài, GV có thể hướng dẫn HS tiếp tục học tiếp các Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi mở rộng hay không.

Trong **Hoạt động vận dụng**, HS được hướng dẫn sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với phân số:



1. Sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với phân số

Hướng dẫn sử dụng với máy fx 570 VN PLUS (như hình bên) :

Mở máy, bằng cách bấm phím ON (là phím ON trên máy). Khi đó, ta có thể tính toán với các phép tính.

Cụ thể :

a) Tính tổng hai phân số

Chẳng hạn: Để tính $\frac{3}{7} + \frac{4}{7}$ ta bấm liên tục các phím như sau :



Khi đó trên màn hình máy tính (ở góc dưới bên phải) cho ta $\frac{41}{35}$ là kết quả.

b) Tính hiệu quả hai phân số

Chẳng hạn: Để tính $\frac{7}{5} - \frac{4}{3}$ ta bấm liên tục các phím như sau :



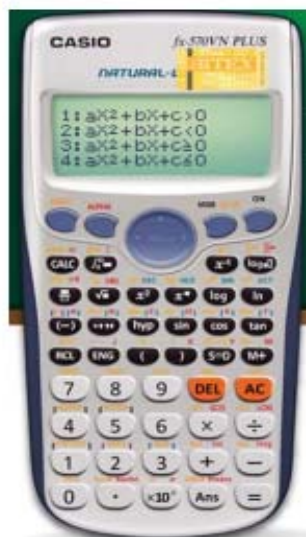
Khi đó trên màn hình máy tính (ở góc dưới bên phải) cho ta $\frac{1}{15}$ là kết quả.

c) Tính tích hai phân số

Chẳng hạn: Để tính $\frac{5}{3} \cdot \frac{7}{4}$ ta bấm liên tục các phím như sau :



Khi đó trên màn hình máy tính (ở góc dưới bên phải) cho ta $\frac{35}{12}$ là kết quả.



d) Tính thương hai phân số

Chẳng hạn: Để tính $\frac{3}{7} : \frac{4}{5}$ ta bấm liên tục các phím như sau :



Khi đó trên màn hình máy tính (ở góc dưới bên phải) cho ta $\frac{15}{28}$ là kết quả.

e) Phối hợp: Dựa vào cách tính trên ta có thể thực hiện phối hợp các phép tính.

Chẳng hạn: Để tính $\frac{7}{4} + \frac{5}{3} : \frac{3}{4} - \frac{5}{7}$ ta có thể dùng máy tính với cách bấm liên tục các phím như sau :

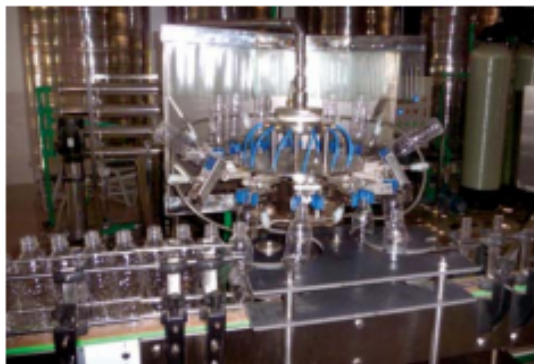


Khi đó trên màn hình máy tính (ở góc dưới bên phải) cho ta $\frac{287}{3}$ là kết quả.

Sử dụng máy tính, hãy **tính** giá trị của các biểu thức sau :

a) $\frac{-4}{7} : \frac{-2}{7} \cdot \frac{6}{11}$; **b)** $\frac{-6}{7} + \frac{-3}{8} : 3 - \frac{5}{14}$.

2. Có các chai loại $\frac{1}{3}$ lít, $\frac{1}{2}$ lít, $\frac{3}{4}$ lít. Người ta đóng 2400 lít nước khoáng vào các chai. Hỏi nếu đủ dùng một loại chai, với lượng nước khoáng trên thì đóng được tất cả bao nhiêu chai nước khoáng?



GV cần cho HS biết những tình huống nên sử dụng máy tính cầm tay để tính toán (những phép tính với các số lớn, không thể nhẩm nhanh; kiểm tra lại việc tính toán; ...). GV hướng dẫn HS về nhà tự ra các bài tập tính toán với phân số và dùng máy tính để

tính hoặc kiểm tra lại kết quả của các bài tập tính toán đã làm. Đồng thời, GV có thể hướng dẫn HS tự tìm các tình huống thực tế liên quan đến phép chia phân số để luyện tập thêm.

Hoạt động tìm tòi mở rộng trong bài học này chủ yếu rèn tư duy cho HS và chủ yếu dùng để dạy học phân hóa.



1. Một ca nô xuôi dòng một khúc sông từ A đến B mất 6 giờ, ngược dòng khúc sông từ B về A mất 7 giờ 30 phút. Hỏi trong điều kiện đó một cụm bèo trôi từ A đến B mất bao lâu?
2. Hai vòi nước A và B cùng chảy vào một bể. Sau 10 phút người ta đóng vòi B. Hỏi vòi A phải chảy thêm trong bao lâu nữa thì bể đầy nước? Biết rằng một mình vòi A chảy đầy bể trong 45 phút, một mình vòi B chảy đầy bể trong 30 phút.

Thầy/cô giáo nhận xét và ghi nhận kết quả học tập của học sinh.

Các bài tập không bắt buộc HS phải làm. GV có thể gợi ý cho HS các kiến thức thực tế về chuyển động của dòng nước và bài toán làm chung một công việc để về nhà HS có thể vận dụng làm được. Đồng thời có thể khuyến khích HS tự tìm thêm các bài tập về hai loại toán này trong các sách tham khảo để có thể tự giải quyết được ở nhà nhằm rèn luyện tư duy cho HS.

§16. TÌM TỈ SỐ CỦA HAI SỐ. LUYỆN TẬP

Mục tiêu

- *Biết được ý nghĩa và cách tìm tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích.*
- *Thực hiện được các phép tính với phân số và số thập phân đơn giản.*
- *Thực hành vận dụng vào việc giải một vài bài toán thực tiễn.*

GV cần chú ý , nếu chỉ đọc mục tiêu trên, HS sẽ dễ nhầm lẫn, cho rằng các nội dung kiến thức này đã được học hết ở tiểu học, không có gì mới cần học. Ở tiểu học, HS đã được làm quen với tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm và tỉ lệ bản đồ. Tuy nhiên, khái niệm tỉ số ở tiểu học chưa được định nghĩa mà chỉ cho HS tiếp cận thông qua ví dụ cụ thể và mô tả khái quát: “Tỉ số của hai số a và b là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$ ($b \neq 0$)” theo nghĩa vừa mô tả, vừa chỉ ra cách đọc, kí hiệu tỉ số của hai số a và b . HS tiểu học được tiếp cận với khái niệm tỉ số để ứng dụng khái niệm này trong các bài toán “Tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó. Ở tiểu học, HS cũng đã làm quen với tỉ lệ bản đồ, ứng dụng tỉ lệ bản đồ để giải quyết các bài toán: cho tỉ lệ một bản đồ và khoảng cách giữa hai địa điểm trên bản đồ đó (khoảng cách trên thực tế của hai địa điểm) để tính khoảng cách thực của hai địa điểm đó trên thực tế (khoảng cách của hai địa điểm đó trên bản đồ). Ở lớp 6, các khái niệm, thuật ngữ được khái quát và chính xác hóa lại cũng như hệ thống lại thành một chỉnh thể nội dung kiến thức thống nhất. Khái niệm tỉ số được định nghĩa là “Thương trong phép chia số a cho số b ($b \neq 0$) còn gọi là tỉ số của a và b ”, được kí hiệu là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$ và nói rõ cách dùng ”Khái niệm tỉ số thường được dùng khi nói về thương của hai đại lượng (cùng loại và cùng đơn vị đo)”. Khái niệm tỉ lệ xích được chính xác hóa từ khái niệm của tỉ số và ngoài hai bài toán ứng dụng của tỉ lệ xích HS đã được tiếp xúc ở tiểu học thì ở lớp 6 còn có bài toán tìm tỉ lệ xích của bản vẽ (bản đồ). Các phép tính với phân số và số thập phân đơn giản được thực hiện khi tính toán với tỉ số, tỉ số phần trăm và tỉ lệ xích, đặc biệt trong các bài toán thực tiễn.

GV tổ chức cho HS đọc mục tiêu của bài rồi mới thực hiện các hoạt động học tập. Trong quá trình học, cần hướng dẫn để HS thấy được điểm khác biệt trong khái niệm tỉ số ở lớp 6 và tiểu học cũng như khái quát hóa thuật ngữ tỉ lệ bản đồ sang thuật ngữ tỉ lệ xích, đồng thời đối chiếu lại với mục tiêu bài học để tự đánh giá được việc học của mình, GV đánh giá được kết quả học tập của HS.

Hoạt động Khởi động và hoạt động Hình thành kiến thức được ghép lại với nhau. Kiến thức cơ bản của bài học được thiết kế thành ba ba đơn vị kiến thức nhỏ: Khái niệm tỉ số; Tỉ số phần trăm; Tỉ lệ xích.

Hoạt động sau nhằm giúp HS ôn tập lại kiến thức về phép chia hai số, vừa có ý niệm về cách viết thương của hai số bất kì, từ đó tiếp cận với khái niệm tỉ số:

**1.a) Điền vào chỗ chấm (...):**

Phép chia 5 cho 7 được viết là :.....

Phép chia 1,7 cho 3,12 được viết là :.....

Phép chia $\frac{1}{5}$ cho $\frac{3}{4}$ được viết là :.....

Phép chia $-3\frac{1}{4}$ cho 5 được viết là :.....

Phép chia số a cho số b ($b \neq 0$) được viết là :.....

GV cần lưu ý rằng: cả hai cách viết $a : b$ hoặc $\frac{a}{b}$ đều đúng với yêu cầu viết phép chia số a cho số b ($b \neq 0$). Do đó, hãy để HS viết theo cách hiểu của mình. GV hướng dẫn HS kiểm tra chéo kết quả của nhau, đọc lại cho nhau nghe từng câu trong yêu cầu trên rồi đưa ra nhận xét.

**1. b) Đọc kĩ nội dung sau:**

- Thương trong phép chia số a cho số b ($b \neq 0$) còn gọi là tỉ số của a và b.
- Tỉ số của a và b kí hiệu là $a : b$ hay $\frac{a}{b}$.
- Khái niệm tỉ số thường được dùng khi nói về thương của hai đại lượng (cùng loại và cùng đơn vị đo).

Khái niệm chính xác của tỉ số và cách kí hiệu được trình bày trong khung. Khái niệm tỉ số là kiến thức mới mà HS cần hiểu, ghi nhớ. GV cần hướng dẫn các nhóm trao đổi, thảo luận để hiểu rõ khái niệm tỉ số, cách nói, cách viết và lưu ý cách dùng. GV hướng dẫn HS kiểm tra lẫn nhau hoặc GV kiểm tra bằng cách đưa ra các phản ví dụ về tỉ số khi hai đại lượng không cùng loại hoặc không cùng đơn vị đo. HS hiểu được khái niệm tỉ số khi không mắc sai lầm trong cách nói, cách viết cũng như cách dùng trong các tình huống cụ thể.



c) Thực hiện các hoạt động sau

- Viết tỉ số của:

$$-0,75 \text{ và } 1,25; \quad -2\frac{1}{3} \text{ và } -3,15; \quad -4\frac{3}{4} \text{ và } \frac{7}{3}.$$

- – Em viết vào vở năm tỉ số của hai số.
– Em viết vào vở 5 phân số.
– Em trả lời câu hỏi sau: Tỉ số $\frac{a}{b}$ ($b \neq 0$) và phân số $\frac{a}{b}$ có gì giống nhau và khác nhau?

Hoạt động củng cố này có ý đồ yêu cầu HS thể hiện việc cụ thể hoá khái niệm tỉ số, phân biệt tỉ số với phân số. GV hướng dẫn các nhóm phân công hoạt động nhóm đôi sao cho HS có thể giúp đỡ, kiểm soát bài làm của nhau. Cũng có thể hướng dẫn HS thực hiện hoạt động viết 5 tỉ số, 5 phân số bằng hình thức đổi nhau trong nhóm. Qua đó, HS có thể tự rút ra nhận xét để phân biệt hai khái niệm tỉ số và phân số, được chính xác hóa trong khung.



1. d) Đọc kĩ nội dung sau:

Khi nói tỉ số $\frac{a}{b}$ thì a và b có thể là các số nguyên, phân số, hỗn số, ... Còn khi nói phân số $\frac{a}{b}$ thì cả a và b đều là các số nguyên .

Một số lưu ý về cách tổ chức hoạt động củng cố theo mô hình mô hình trường học mới đã được nêu trong các bài trên cần được GV áp dụng ở đây và tất cả các bài.

GV hướng dẫn HS đối chiếu với mục tiêu ban đầu để đánh giá kết quả học tập của mình, của bạn, qua đó có thể điều chỉnh hoạt động học của mình, nhóm mình. Qua đó, GV cũng đánh giá được các đối tượng HS để có những hỗ trợ phù hợp (phiếu học tập bổ sung đã được dự kiến trước với các sai lầm về thực hiện phép tính, viết tỉ số của hai số không cùng loại, không cùng đơn vị đo; nhờ HS khá giỏi luyện tập thêm cùng với HS chưa đạt yêu cầu,...).

HS được tiếp cận khái niệm tỉ số phần trăm thông qua các hoạt động đo đạc, hoạt động nói, viết:



2.a) Thực hiện các hoạt động sau:

- Em đo và điền vào chỗ chấm(...): Chiều dài quyển sách toán của em là $AB = \dots$ cm; chiều rộng quyển sách toán của em là $CD = \dots$ cm. Vậy tỉ số độ dài của AB và CD là $AB : CD = \dots$
- Em viết : Tỉ số của 5 và 20 là $\frac{5}{20} = \frac{25}{100}$. Khi đó $\frac{25}{100}$ còn được viết là 25%.
- Em nói : Tỉ số phần trăm của 5 và 20 là 25%.

GV hướng dẫn các nhóm học tập bằng cách cho từng HS đọc kết quả đo, tính của mình, đọc câu cuối của yêu cầu cho nhau nghe... Qua đó HS hình thành được quy tắc tìm tỉ số phần trăm của hai số:



b) Đọc kĩ nội dung sau:

- Trong thực hành, ta thường dùng tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm với kí hiệu % .
- Quy tắc: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b , ta nhân a với 100 rồi chia cho b và viết kí hiệu % vào kết quả:
- $\frac{a \cdot 100}{b} \%$.

Ví dụ: Tỉ số phần trăm của hai số 78,1 và 25 là:

$$\frac{78,1 \cdot 100}{25} \% = 312,4\%$$

Nội dung kiến thức nêu rõ ý nghĩa của tỉ số phần trăm: thường dùng tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm ở TRONG các tình huống thực tiễn và quy tắc tìm tỉ số phần trăm. Ví dụ được xem như một trình bày mẫu để tìm tỉ số phần trăm của hai số. GV hướng

dẫn các nhóm tìm hiểu kĩ quy tắc bằng đọc cho nhau nghe cũng như kiểm tra ghi chép nội dung này trong vở. GV chú ý có ba thao tác cơ bản khi tìm tỉ số phần trăm và sai lầm thường mắc của HS là khi viết thường bỏ quên thao tác viết kí hiệu % ở bước trung gian.



c) Thực hiện các hoạt động sau

Điền vào chỗ trống:

Tỉ số phần trăm của :

* 5 và 8 là ...

* 25kg và $\frac{3}{10}$ tạ là ...

* 78,1 và 25 là ...

* Số học sinh nam của lớp em là: ...; số học sinh nữ của lớp em là ...

Tỉ số phần trăm giữa số học sinh nam và số học sinh cả lớp là ...

Dụng ý trong hoạt động củng cố này là: HS tìm được tỉ số phần trăm của hai số trong các khả năng xảy ra từ đơn giản đến phức tạp (số tự nhiên rồi đến số thập phân, phân số; từ không có đơn vị đo đến có đơn vị đo, từ tình huống tìm tỉ số phần trăm của hai số đơn thuần đến bài toán thực tiễn của HS mà phải đi xác định hai số cần tìm tỉ số phần trăm). Hoạt động củng cố GV hướng dẫn các nhóm hoạt động bằng cách thực hiện hoạt động cá nhân rồi đổi chéo bài với bạn để kiểm tra chéo trong nhóm. Lưu ý những sai lầm HS có thể mắc phải: không đổi về cùng một đơn vị đo, không viết kí hiệu % ở bước trung gian, không rút gọn kết quả,... để có những hỗ trợ kịp thời (yêu cầu HS nêu những nguyên nhân mắc sai lầm của bạn, hướng dẫn sửa sai, đưa các bài tập bổ sung để HS luyện tập thêm để tránh các sai lầm lặp lại,...). GV cũng khuyến khích các nhóm dò nhau tìm các tỉ số phần trăm tương tự các tình huống mà tài liệu học đưa ra. Qua đó cũng có thể phân nào đánh giá được mức độ hiểu kiến thức của HS với nội dung đã học cũng như đánh giá được các năng lực giao tiếp, hợp tác,... của từng HS.

Tỉ lệ xích được giới thiệu thông qua một bài toán thực tiễn:



3. a) Thực hiện các hoạt động sau

- Em đọc bài toán sau và điền vào chỗ trống: Khoảng cách giữa thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng trên một bản đồ là 2,5cm. Trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố đó là 100km. Tính tỉ số giữa khoảng cách hai thành phố trên bản đồ và trên thực tế là
- Em nói : Tỉ số đó chính là tỉ lệ xích trên bản đồ.

GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS chuẩn bị và sử dụng bản đồ cụ thể để tiếp cận với khái niệm tỉ lệ xích thông qua các kí hiệu của bản đồ. Khi đó, GV cần hướng dẫn HS tìm hiểu trước khoảng cách thực tế của hai điểm cụ thể trên bản đồ mà các em chuẩn bị và để HS đo khoảng cách hai điểm đó trên bản đồ rồi tính tỉ số khoảng cách.



b) Đọc kĩ nội dung sau:

Tỉ lệ xích T của một bản vẽ (hoặc bản đồ) là tỉ số khoảng cách a giữa hai điểm trên bản vẽ (hoặc bản đồ) và khoảng cách b giữa hai điểm tương ứng trên thực tế:

$$T = \frac{a}{b} \text{ (a, b có cùng đơn vị đo).}$$

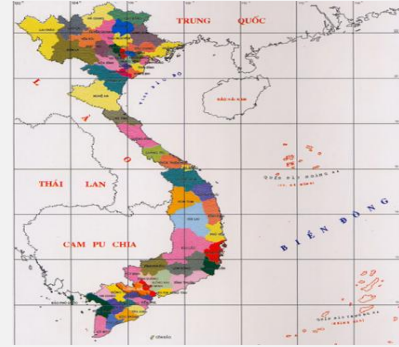
HS đã làm quen với khái niệm tỉ lệ bản đồ ở Tiểu học nhưng chưa được chính xác hóa bởi khái niệm tỉ lệ xích (dùng chung cho bản đồ, bản vẽ), chưa biết tính tỉ lệ bản đồ (tỉ lệ xích) mà mới chỉ học các bài toán về cho tỉ lệ bản đồ và khoảng cách giữa hai điểm trên thực tế hoặc trên bản đồ để tính khoảng cách còn lại. GV cần hướng dẫn HS các nhóm trao đổi, thảo luận kĩ về khái niệm tỉ lệ xích của một bản vẽ, bản đồ với chú ý đó là một tỉ số nên những lưu ý về tỉ số vẫn có giá trị.

HS củng cố trực tiếp khái niệm tỉ lệ xích thông qua hoạt động:



c) Thực hiện các hoạt động sau

- Tính tỉ lệ xích của một bản đồ nếu khoảng cách giữa hai điểm trên bản đồ là 1cm, khoảng cách giữa hai điểm đó trên thực tế là 1km.
- Khoảng cách từ điểm cực Bắc ở Hà Giang đến điểm cực Nam ở mũi Cà Mau khoảng 1620km. Trên bản đồ, khoảng cách đó khoảng 16,2cm. Tìm tỉ lệ xích của bản đồ.



Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

GV hướng dẫn các nhóm hoạt động bằng cách thực hiện hoạt động cá nhân rồi đối chiếu bài với bạn để kiểm tra chéo trong nhóm. Với các bản đồ mà HS đã chuẩn bị, GV có thể hướng dẫn các nhóm đo khoảng cách trên bản đồ của hai điểm cụ thể rồi tính khoảng cách của hai điểm đó trên thực tế. Lưu ý những sai lầm HS có thể mắc phải: không đổi về cùng một đơn vị đo, không rút gọn kết quả,... để có những hướng dẫn kịp thời (yêu cầu HS nhắc lại nội dung kiến thức đã học, cho thêm bài tập – đã được chuẩn bị sẵn cho các tình huống đó trên phiếu học tập,...). Khi nghe các nhóm báo cáo kết quả học tập, GV có thể hỏi những câu hỏi phản ví dụ để chú ý thêm những sai lầm có thể mắc phải đó cho HS.

Đối với **Hoạt động luyện tập**, HS tiến hành các hoạt động cá nhân là chính để tính các tỉ số, tỉ số phần trăm với mức độ phức tạp hơn: phải đổi đơn vị đo, sau đó là viết tỉ số về dạng tỉ số của hai số nguyên.



1. Thực hiện hoạt động sau

a) Tính tỉ số của :

$$\frac{2}{3} \text{ m và } 75\text{cm};$$

$$\frac{3}{10} \text{ giờ và } 20 \text{ phút.}$$

b) Tính tỉ số phần trăm của:

$$2\frac{3}{7} \text{ và } 1\frac{13}{21};$$

$$0,3 \text{ tạ và } 50\text{kg.}$$

2. Thực hiện các hoạt động sau

a) – Em viết : Tỉ số của hai số 0,75 và $1\frac{7}{20}$ là $\frac{0,75}{1\frac{7}{20}} = \frac{\frac{75}{100}}{\frac{27}{20}} = \frac{75}{100} \cdot \frac{20}{27} = \frac{5}{9}$.

– Em nói : Ta có thể đưa tỉ số của hai số 0,75 và $1\frac{7}{20}$ về tỉ số của hai số nguyên 5 và 9. (Tức là có thể viết được ở dạng phân số).

b) Hãy viết các tỉ số sau đây dưới dạng tỉ số của hai số nguyên:

$$\frac{1,28}{3,15}; \quad \frac{2}{5} : 3\frac{1}{4}; \quad \left(-1\frac{3}{7}\right) : 1,24; \quad \frac{2\frac{1}{5}}{3\frac{1}{7}}.$$



3. Thực hiện hoạt động sau

Giải bài toán sau và viết vào vở:

Tỉ số của hai số a và b bằng $1\frac{1}{2}$. Tìm hai số đó, biết rằng $a - b = 8$.

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã

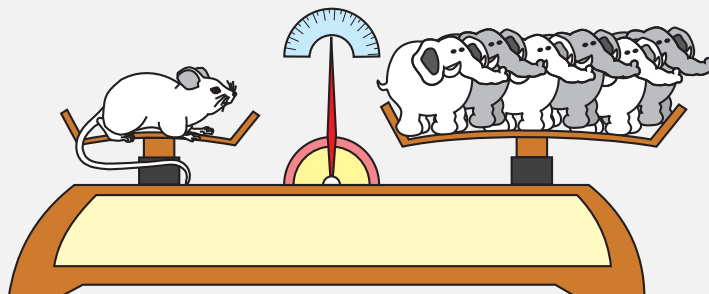
GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi thảo luận trong nhóm (đôi, ba) để chia sẻ kết quả, cách làm,... và cuối cùng là báo cáo kết quả học tập với GV để GV xác nhận, chuẩn hoá kết quả,... HS có thể mắc sai lầm về đổi đơn vị đo, tính toán. GV cần chú ý quan tâm tới những HS yếu, kém để giúp đỡ các em kịp thời, đồng thời có thể chuẩn bị thêm phiếu học tập cho các đối tượng HS khác nhau như đã hướng dẫn ở trên.

Đến đây có thể xem như là kết thúc tiết học đối với mọi đối tượng HS. GV chú ý cho HS các nhóm báo cáo kết quả học tập của nhóm mình. GV cũng cần lưu ý những sai lầm có thể mắc phải của HS để đưa ra các câu hỏi phù hợp đối với từng đối tượng HS, qua đó có thể đánh giá và có những biện pháp hỗ trợ kịp thời (đưa ra những câu hỏi nhỏ, cụ thể hơn cho HS yếu kém; cho thêm câu hỏi, bài tập nâng cao hơn đối với HS khá giỏi,... - đã được chuẩn bị trước). Qua đó, HS được tự đánh giá và GV bước đầu ĐG HS để có những quyết định cho bước học tập tiếp theo của HS. Tùy theo tốc độ học của HS mà với thời gian qui định của bài, GV có thể hướng dẫn HS tiếp tục học tiếp các Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi mở rộng tại lớp hay không.

Hoạt động vận dụng là những bài toán ứng dụng thực tế về tỉ số của hai số:



1. **Đố vui:** *Chuột nặng hơn voi !*



Một con chuột nặng 30g còn một con voi nặng 5 tấn. Tỉ số giữa khối lượng của chuột và khối lượng của voi là $30 : 5 = 6$, nghĩa là 1 con chuột nặng bằng 6 con voi! Em có tin như vậy không? Sai lầm ở chỗ nào?



2. **Luyện tập, ghi vào vở**

Trên một bản đồ có tỉ lệ xích là $1 : 1000000$, đoạn đường bộ từ Hà Nội đến Vinh khoảng 30 cm. Hỏi trong thực tế độ dài đoạn đường đó khoảng bao nhiêu ki-lô-mét?

Thông qua các bài tập trên, GV hướng dẫn HS để hiểu rõ hơn về khái niệm tỉ số và ý nghĩa của nó trong thực tiễn (ví dụ như để vẽ bản đồ, bản vẽ,...), cũng như một lần nữa lưu ý về sai lầm khi không đưa về cùng đơn vị đo khi tính tỉ số. GV có thể gợi ý cho HS tìm các tình huống thực tiễn khác liên quan đến tỉ số và tỉ lệ xích gần gũi với địa phương để HS vận dụng: lấy bản đồ địa phương để yêu cầu HS đo khoảng cách giữa hai địa điểm và tính khoảng cách giữa hai địa điểm đó trên thực tế, ... Khuyến khích HS vận dụng các kiến thức đã học vào học môn học khác như địa lý hoặc tự tìm hiểu thêm về vị trí địa lý (khoảng cách) của hai địa danh trên thế giới.

Nội dung bổ sung khuyến khích học sinh tìm hiểu, bổ sung thêm hiểu biết về ý nghĩa của tỉ số cũng như phân biệt tỉ số trong toán học với một số cách dùng tỉ số trong các trường hợp khác:



Đọc thêm:

1. Tìm hiểu thêm (qua người lớn hay qua mạng Internet) ý nghĩa của tỉ số phần trăm trong đời sống hàng ngày.
2. Tại Sea Games 22, người ta cho biết tỉ số trận chung kết bóng đá nữ giữa đội tuyển Việt Nam và đội tuyển Myanmar là 2:1. Theo em từ "tỉ số" ở đây hiểu theo nghĩa nào? Em hãy tìm một vài tỉ số nữa trong đời sống và phân biệt giữa tỉ số trong Toán học và tỉ số trong đời sống.

Thầy/cô giáo nhận xét và ghi nhận kết quả học tập của học sinh

Cuối buổi học, GV chú ý đánh giá tổng kết đối với hoạt động học của các nhóm HS, cá nhân HS, để có hướng dẫn thích hợp về việc tự học tiếp theo của HS.

ÔN TẬP CHƯƠNG III

Mục đích của bài ôn tập chương là giúp cho HS có cái nhìn tổng quan về kiến thức toàn chương, mối liên hệ giữa các kiến thức nhỏ lẻ để từ đó có thể vận dụng phối hợp giải quyết các bài toán phức tạp. Các sơ đồ, bảng biểu tổng kết, hệ thống hoá sẽ trợ giúp điều này còn các bài tập yêu cầu HS vận dụng phối hợp các kiến thức đó vào giải quyết, qua đó HS được ôn tập tốt hơn. Do đó, mục tiêu của bài ôn tập chương III là:

Mục tiêu

- Hệ thống lại các kiến thức trọng tâm về phân số: So sánh phân số, tính chất cơ bản của phân số; các phép tính về phân số; Rút gọn phân số...
- Giải được một số dạng bài tập cơ bản về phân số.

Để đạt được mục tiêu này, GV cần nghiên cứu trước các bảng biểu tổng kết, hệ thống hoá và giải một số bài tập ôn cũng như giao cho HS một số nhiệm vụ cần chuẩn bị trước ở nhà.

Trước hết, HS cần nắm được hệ thống kiến thức, kĩ năng đã học trong chương, cách ôn tập và hệ thống kiến thức và chủ động tự học, tự ôn. GV cho HS chuẩn bị trước nội dung sau ở nhà và thực hiện trên lớp theo nhóm với sự chỉ dẫn trong tài liệu học:

1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- *Em viết ra giấy nháp:* Những kiến thức mà em học được trong chương III.
 - *Em trả lời câu hỏi sau và kiểm tra chéo nhau trong nhóm.*
1. Viết dạng tổng quát của phân số. Cho ví dụ một phân số nhỏ hơn 0, một phân số bằng 0, một phân số lớn hơn 0 nhưng nhỏ hơn 1, một phân số lớn hơn 1.
 2. Thế nào là hai phân số bằng nhau ? Cho ví dụ.
 3. Phát biểu tính chất cơ bản của phân số .Giải thích vì sao bất kì phân số nào cũng viết được dưới dạng một phân số với mẫu dương.
 4. Muốn rút gọn phân số ta làm như thế nào? Cho ví dụ.
 5. Thế nào là phân số tối giản? Cho ví dụ.
 6. Phát biểu qui tắc quy đồng mẫu nhiều phân số.
 7. Muốn so sánh hai phân số không cùng mẫu ta làm như thế nào? Cho ví dụ.

Tiếp đó, HS ôn tập theo cặp nhóm đôi với các nội dung sau:



2. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

Điền vào chỗ chấm (...)

- 8.a) Muốn cộng hai phân số cùng mẫu
 - b) Muốn cộng hai phân số không cùng mẫu
- 9.a) $\frac{a}{b} = \frac{a \times \dots}{b \times \dots}$ với $m \in \mathbb{Z}$ và $m \neq 0$.
 - b) $\frac{a}{b} = \frac{a : \dots}{b : \dots}$ với $n \in \text{ƯC}(a, b)$.
- 10.a) Số đối của phân số $\frac{a}{b}$ ($a, b \in \mathbb{Z}, b > 0$) là.....
 - b) $\frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \dots\dots\dots$

11. $\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \dots\dots\dots$

12.a) Số nghịch đảo của phân số $\frac{a}{b}$ ($a, b \in \mathbb{Z}, a \neq 0, b \neq 0$) là $\dots\dots\dots$

b) $\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \dots\dots\dots$; $a : \frac{c}{d} = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$ ($\frac{c}{d} \neq 0$).

GV có thể hướng dẫn các nhóm đặt thêm câu hỏi cho các nội dung trên để củng cố lại những điều cần chú ý chẳng hạn như yêu cầu bạn phát biểu bằng lời một công thức tổng quát nào đó hoặc hỏi bạn: Rút gọn phân số bằng cách nào để ta có được phân số tối giản nhanh nhất?

Với nội dung sau, GV hướng dẫn HS đặt các câu hỏi cho nhau về những sai lầm thường mắc như cách viết một hỗn số âm thành phân số, cộng trừ hai hỗn số... và lấy ví dụ minh họa.



3. Thực hiện các hoạt động sau:

a) Cho ví dụ về: Hỗn số, số thập phân, phân số thập phân.

b) Viết phân số $\frac{9}{25}$ dưới các dạng: phân số thập phân, số thập phân, phần trăm với kí hiệu %.

Các bảng sau giúp HS so sánh phép cộng với phép nhân trong cùng hệ thống số, mối liên hệ giữa ba bài toán cơ bản về phân số. Qua đó GV có thể cho HS so sánh thấy sự giống nhau, khác nhau của những vấn đề này của phân số với với hệ thống số tự nhiên hay số nguyên đã học trước đó hoặc với các vấn đề tương tự đã học về phân số ở Tiểu học.

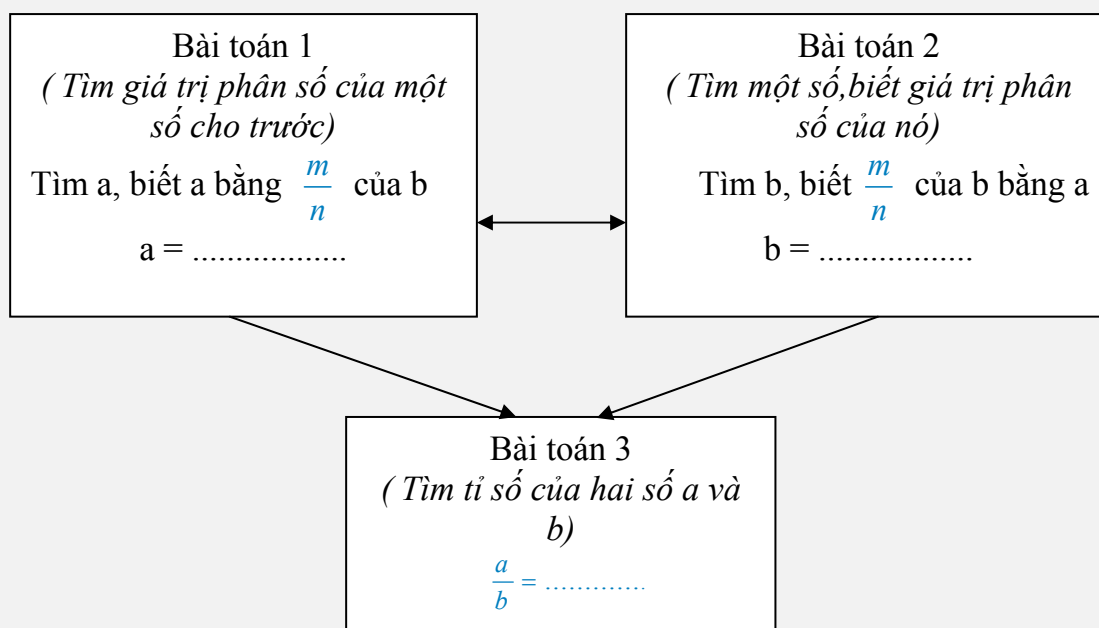
4. Thực hiện các hoạt động sau:

Điền vào bảng sau:

a) Tính chất của phép cộng và phép nhân phân số

	Cộng	Nhân
Giao hoán	$\frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{c}{d} + \frac{a}{b}$	
Kết hợp		
Cộng với 0		
Nhân với 1		
Số đối		
Số nghịch đảo		
Phân phối của phép nhân với phép cộng		

b) Ba bài toán cơ bản về phân số



Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

Bài tập trong **Hoạt động Luyện tập** là những dạng bài tập cơ bản có mục đích hỗ trợ HS ôn tập, củng cố, khắc sâu các kiến thức của chương. GV cần hướng dẫn HS hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để cùng ôn tập như đã hướng dẫn Hoạt động Luyện tập trong các bài trước.



1. Thực hiện hoạt động sau:

a) Cho phân số $\frac{x}{3}$. Điền vào chỗ trống

Nếu $\frac{x}{3} < 0$ thì x.....;

Nếu $\frac{x}{3} = 0$ thì x

Nếu $0 < \frac{x}{3} < 1$ thì x.....;

Nếu $\frac{x}{3} = 1$ thì x

Nếu $1 < \frac{x}{3} \leq 2$ thì x.....

b) Điền số thích hợp vào ô vuông

$$\frac{-12}{16} = \frac{-6}{\square} = \frac{\square}{-12} = \frac{21}{\square}$$

c) Viết các số đo thời gian sau đây với đơn vị là giờ.

15 phút =.....;

45 phút =.....;

78 phút =.....;

150 phút =.....

2. Giải các bài tập sau và viết vào vở

• Rút gọn

a) $\frac{7.25 - 49}{7.24 + 21}$;

b) $\frac{2.(-13).9.10}{(-3).4.(-5).26}$.

• So sánh hai phân số:

a) $\frac{3}{-4}$ và $\frac{-1}{-4}$;

b) $\frac{15}{17}$ và $\frac{25}{27}$.

• Các phân số sau đây được viết theo quy luật. Hãy quy đồng mẫu các phân số để tìm quy luật đó rồi điền tiếp vào chỗ trống một phân số thích hợp.

a) $\frac{1}{6}, \frac{1}{3}, \frac{1}{2}, \frac{2}{3}, \dots$;

b) $\frac{1}{8}, \frac{5}{24}, \frac{7}{24}, \dots$;

c) $\frac{1}{5}, \frac{1}{4}, \frac{3}{10}, \dots$;

d) $\frac{4}{15}, \frac{3}{10}, \frac{1}{3}, \dots$.



3. Giải các bài tập sau và viết vào vở

a) Tính giá trị của các biểu thức

$$A = -1,6 : \left(1 + \frac{2}{3}\right);$$

$$B = 1,4 \cdot \frac{15}{49} - \left(\frac{4}{5} + \frac{2}{3}\right) : 2\frac{1}{5}.$$

b) Tìm x, biết :

$$(2,8x - 32) : \frac{2}{3} = -90;$$

$$(4,5 - 2x) \cdot 1\frac{4}{7} = \frac{11}{14}.$$

c) Một cửa hàng bán 356,5m vải gồm hai loại: vải hoa và vải trắng. Biết số vải hoa bằng 78,25% số vải trắng. Tính số mét vải mỗi loại.

d) Sau khi trả tiền mua một cuốn sách theo giá bìa, Oanh được cửa hàng trả lại 12000 đồng vì đã được giảm giá 10%. Vậy Oanh đã mua cuốn sách đó với giá bao nhiêu?

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

Nội dung của **Hoạt động vận dụng** khuyến khích HS tìm tòi các bài toán thực tế để giải quyết bằng kiến thức đã học trong chương. GV cần nắm được ý đồ này để hướng dẫn và động viên HS thực hiện cũng như hướng dẫn HS nhờ sự hỗ trợ của người lớn trong gia đình, cộng đồng đưa ra các tình huống thực tế tương tự để HS giải quyết.

1. Một người gửi tiết kiệm 20 triệu đồng trong một tháng, tính ra lãi được 112000 đồng. Hỏi người ấy đã gửi tiết kiệm với lãi suất bao nhiêu phần trăm một tháng?

2. Học kì I, số học sinh giỏi của lớp 6D bằng $\frac{2}{7}$ số học sinh còn lại. Sang học kì II, số học sinh giỏi tăng thêm 8 bạn (số học sinh cả lớp không đổi), nên số học sinh giỏi bằng $\frac{2}{3}$ số còn lại. Hỏi học kì I lớp 6D có bao nhiêu học sinh giỏi?

Hoạt động tìm tòi mở rộng với mong muốn HS tự tìm hiểu thêm trong thực tiễn cuộc sống các vấn đề liên quan đến kiến thức đã học trong chương để mở rộng hiểu biết của bản thân thông qua yêu cầu:

Em hãy tìm hiểu thêm trên Internet, các tài liệu sách báo hoặc hỏi người lớn về ”Tỉ số giá tiêu dùng CPI”, ”Tỉ số tăng trưởng kinh tế âm”.

GV có thể hướng dẫn HS suy nghĩ, tìm tòi thêm về các vấn đề trong thực tiễn như các gợi ý đã có trong các bài học của chương.

Chủ đề 4. Hình học

§2. BA ĐIỂM THẲNG HÀNG. ĐOẠN THẲNG

Mục tiêu bài học được chỉ rõ là:

MỤC TIÊU

- Nhận biết được: Ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng; quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng; hai đường thẳng trùng nhau, hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song; đoạn thẳng.
- Biết cách vẽ: Ba điểm thẳng hàng; đoạn thẳng; hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song; đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, đoạn thẳng cắt đường thẳng.

Như thế,

-Về kiến thức, HS cần biết được các khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng; trong ba điểm thẳng hàng có chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại; biết được khái niệm đoạn thẳng.

Chú ý rằng HS đã biết đến ba điểm thẳng hàng từ tiểu học, nhưng khái niệm khái niệm ba điểm thẳng hàng (dựa vào quan hệ thuộc) thì chưa được biết tường minh.

Kiến thức về ba điểm thẳng hàng (hay không thẳng hàng) được xây dựng từ kiến thức về điểm thuộc (hay không thuộc) đường thẳng.

Trong Tài liệu Hướng dẫn học Toán 6, trường hợp ba điểm không thẳng hàng được đề cập trước, vì đây là trường hợp phổ biến, thường gặp. Còn ba điểm thẳng hàng

được xem là trường hợp đặc biệt hơn, so với ba điểm không thẳng hàng. Như vậy, khái niệm thẳng hàng không phải là khái niệm được suy ra từ khái niệm không thẳng hàng và ngược lại.

HS cũng đã biết đến đoạn thẳng ở tiểu học, nhưng khái niệm đoạn thẳng thì đến nay mới được tiếp cận và hình thành. Khái niệm đoạn thẳng được xây dựng từ các khái niệm điểm và hình. Theo đó, đoạn thẳng AB được xem là một hình gồm tất cả các điểm nằm giữa hai điểm A, B và cả hai điểm A, B.

Với những nội dung như: hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng trùng nhau; hai đoạn thẳng cắt nhau, đoạn thẳng cắt đường thẳng,... chỉ cần HS làm quen, nhận biết được qua một số trường hợp thể hiện ở hình vẽ (hình biểu diễn). Chú ý rằng HS cũng đã làm quen với các khái niệm này ở tiểu học.

-Về kĩ năng, yêu cầu HS vẽ được hình biểu diễn ba điểm thẳng hàng, hay ba điểm không thẳng hàng; đoạn thẳng; hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng trùng nhau; hai đoạn thẳng cắt nhau, đoạn thẳng cắt đường thẳng,... Hướng đến vẽ được hình theo yêu cầu bài toán.

Vì thế, trong bài này và một số bài về sau thường có những bài tập có dạng như: vẽ hình theo các diễn đạt sau. Việc vẽ hình theo hướng này không chỉ diễn ra trong bài này mà cần được xem như kĩ năng cơ bản cần rèn luyện trong các bài tiếp theo, từ phần câu hỏi, bài tập đến bài tập về nhà. Do vậy, với các bài ở dạng này GV rất cần giúp HS hiểu được cách vẽ hình theo diễn đạt cho trước.

Theo chúng tôi, với mỗi bài hay phần mà HS tiếp cận với kiến thức mới, thường được thực hiện theo các bước: Tiếp cận – hình thành – củng cố.

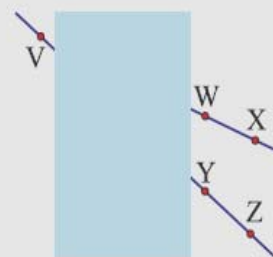
Theo đó, ở phần đầu, với nội dung cụ thể là:



1. Thực hiện các hoạt động sau

a) Quan sát và làm theo

- Xem hình 10.
- Dùng thước thẳng kiểm tra xem đường thẳng YZ có đi qua điểm V không? đường thẳng WX có đi qua điểm V không?



Hình 10

có mục đích giúp HS tiếp cận kiến thức mới, dựa trên hiểu biết cũ. Ở đây, HS sẽ phải sử dụng kiến thức cũ, đường thẳng đi qua hai điểm để kiểm tra đường thẳng YZ đi qua điểm V, còn đường thẳng WX không đi qua điểm V, nhờ thước thẳng.

Nội dung này vừa nhằm kiểm tra lại kiến thức cũ, vừa tạo tình huống vào bài mới, dẫn đến khái niệm ba điểm thuộc, hay không thuộc một đường thẳng.

Như thế HS được tiếp cận khái niệm mới dựa vào kiến thức cũ, thông qua trải nghiệm đơn giản, như đã chỉ ra.

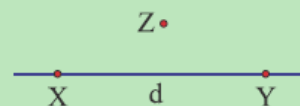
Tuy nhiên, trên đây chỉ là gợi ý về trải nghiệm dẫn đến kiến thức mới mà không là duy nhất. Do đó, khi dạy học, với đối tượng cụ thể, GV có thể nghiên cứu, sáng tạo thêm cách dẫn dắt giúp HS học tốt phần này, phù hợp với đặc điểm đối tượng đang dạy trong lớp mình.

Tiếp theo, ở phần:

b) Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn

- Khi ba điểm không cùng thuộc một đường thẳng ta nói chúng **không thẳng hàng**.

Ví dụ: ở hình 11, ba điểm X, Y, Z không thẳng hàng.



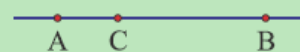
Hình 11

- Khi ba điểm cùng thuộc một đường thẳng ta nói chúng **thẳng hàng**.

Ví dụ: ở hình 12, ba điểm A, B, C thẳng hàng.

Khi đó, ta có thể nói:

- + Hai điểm A, C nằm cùng phía đối với điểm B.
- + Hai điểm B, C nằm cùng phía đối với điểm A.
- + Hai điểm A, B nằm khác phía đối với điểm C.
- + Điểm C nằm giữa hai điểm A, B.



Hình 12

- Trong ba điểm thẳng hàng, có một và chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

HS được hình thành kiến thức mới, đó là: ba điểm không thẳng hàng, ba điểm thẳng hàng; các điểm nằm cùng phía, khác phía; điểm ở giữa hai điểm. Lúc này GV nên cho HS vừa đọc nội dung vừa quan sát hình để nhận biết khái niệm mới (kiến thức mới). Chú ý rằng, sau khi HS học xong phần này sẽ có thêm các thuật ngữ mới là: ba điểm không thẳng hàng; ba điểm thẳng hàng; các điểm nằm cùng phía, khác phía đối với một điểm; điểm ở giữa hai điểm khác,... đây cũng được xem là những đơn vị kiến

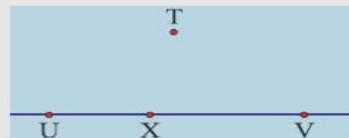
thức mới. Với mỗi đơn vị kiến thức mới, cần chú ý hướng dẫn HS hiểu: tên gọi mới, (thuật ngữ mới); kí hiệu mới; cách nói; cách viết... đó có thể xem là cách học một kiến thức mới với HS.

Tiếp theo, với nội dung:



c) Thực hiện các hoạt động sau

- Em nói: Ở hình 13 có ba điểm X, U, T không thẳng hàng; ba điểm U, V, X thẳng hàng, điểm X nằm giữa hai điểm U và V.
- Xem hình 13 và cho biết:
 - +) các bộ ba điểm không thẳng hàng;
 - +) hai điểm nằm cùng phía đối với điểm V;
 - +) hai điểm nằm khác phía đối với điểm X.



Hình 13

Phần này là phần củng cố kiến thức vừa học được, có ý đồ yêu cầu HS thể hiện việc: nói, viết, vẽ, kí hiệu về ba điểm thẳng hàng, hay không thẳng hàng; các điểm nằm cùng phía, khác phía đối với một điểm; điểm ở giữa hai điểm khác.

Theo chúng tôi, với bài học theo mô hình trường học mới, phần củng cố, theo hướng giúp HS tự học thường có 3 phần (hay theo 3 mức độ):

+) một là, làm (hay nói,...) theo mẫu. Phần này với dụng ý giúp HS củng cố thông qua hoạt động *nhận dạng* (hay bắt chước) nhằm củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng, rèn luyện cách trình bày.

+) hai là, HS tự làm những bài tương tự. Phần này nhằm giúp HS luyện tập theo mẫu, giúp HS tự luyện, củng cố kiến thức, rèn kĩ năng đã học.

+) ba là, *đố bạn*, tức là yêu cầu HS đưa ra một vài ví dụ tương tự để cùng luyện thêm theo cách đã biết. Phần này với dụng ý giúp HS củng cố thông qua hoạt động *thể hiện*, tức là tự tạo ra tình huống khớp với kiến thức học được.

Chú ý: nếu thời gian và mức độ nhận thức cho phép GV sẽ yêu cầu HS thực hiện đủ các dạng nêu trên, còn nếu thời gian eo hẹp hoặc đối tượng HS chưa như mong muốn GV có thể thu ngắn, thậm chí chỉ có 1 dạng, còn các dạng khác ta có thể ra thêm và xem như bài tập về nhà, để HS có thể tự học và tự hoàn thành.

Với bài này, trước hết HS được nói (làm) theo mẫu, vừa có tác dụng củng cố, vừa có tác dụng như bài mẫu khi các em muốn trình bày hay khi tự viết câu trả lời ở lần khác.

Sau đó, các em được tự làm theo mẫu một cách độc lập trước khi trao đổi trong nhóm.

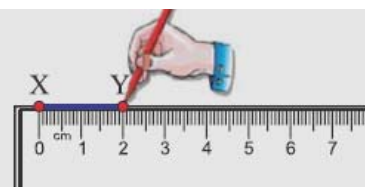
GV cần quan sát, ghi nhận cách các em nói, trao đổi và kịp thời chỉnh sửa cách diễn đạt chưa thật chính xác (nếu có) của mỗi em.

Ở phần tiếp theo, với nội dung:

2. Thực hiện các hoạt động sau

a) Đọc và làm theo

- Vẽ (vào vở) hai điểm X, Y (phân biệt). Dùng thước thẳng và bút (chì) để vẽ đoạn thẳng XY (hình 14).
- Em nói và ghi nhớ:
 - +)*Đoạn thẳng XY là hình gồm cả điểm X, điểm Y và tất cả các điểm nằm giữa hai điểm X, Y (hình 15).*
 - +)*Hai điểm X, Y là hai đầu mút của đoạn thẳng XY.*



Hình 14



Hình 15

Ở đây, HS được tiếp cận và hình thành *khái niệm đoạn thẳng*.

Chú ý rằng, ở tiểu học HS đã được nhận biết đoạn thẳng và cũng biết cách vẽ đoạn thẳng bằng thước kẻ.

Tuy nhiên, ở lớp 6, qua bài trước, HS biết đến hình như một tập hợp điểm, do đó, ở bài này cần hiểu *đoạn thẳng XY là một hình bao gồm các điểm X, Y và các điểm nằm giữa hai điểm X và Y* (tức là đoạn thẳng XY bao gồm các điểm X, Y và các điểm M sao cho X, M, Y thẳng hàng và M nằm giữa hai điểm X và Y).

Ở đây, phần "Em nói và ghi nhớ" xem như kiến thức cần đạt sau khi học (mặc dù không đưa vào khung như đã nói ở phần chung).

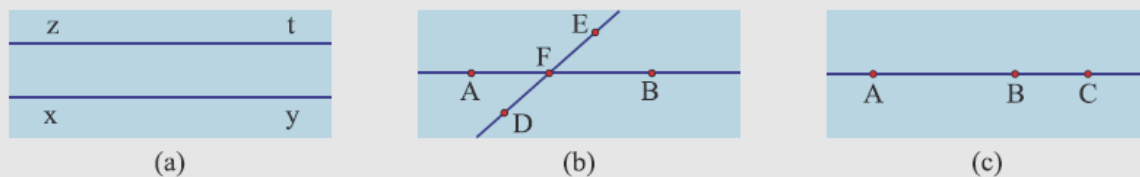
Chú ý rằng tài liệu này hướng dẫn HS tự học qua trải nghiệm, do đó, sẽ tốt hơn khi GV yêu cầu HS bên cạnh việc đọc còn vẽ theo hình (như yêu cầu trong tài liệu) để hiểu hơn về đoạn thẳng XY gồm các điểm X, Y và cả các điểm nằm giữa hai điểm X và Y, còn X, Y là các đầu mút của đoạn thẳng này.

Nếu có điều kiện, sẽ sinh động hơn khi GV sử dụng thiết bị dạy học (hay giúp HS sử dụng phần mềm, chẳng hạn GSP) để vẽ đoạn thẳng, từ đó hiểu thấu được nội hàm của khái niệm đoạn thẳng.



Ở phần tiếp theo, với nội dung:

b) Quan sát, nhận xét, ghi nhớ



Hình 16

- Quan sát các hình vẽ ở hình 16.
- Em nói và ghi nhớ:
 - + Trên hình 16(a): Hai đường thẳng xy và zt **không có điểm chung nào**, ta nói chúng **song song** với nhau.
 - + Trên hình 16(b): Hai đường thẳng AB và DE **chỉ có một điểm chung F**, ta nói hai đường thẳng đó **cắt nhau** và **F là giao điểm** của chúng.
 - + Trên hình 16(c): Ba điểm A, B, C thẳng hàng, ta nói hai đường thẳng AB và BC là **hai đường thẳng trùng nhau**.

Với dụng ý cho HS biết đến hai đường thẳng song song, khi chúng không có điểm chung; hai đường thẳng cắt nhau khi chúng có chỉ một điểm chung.

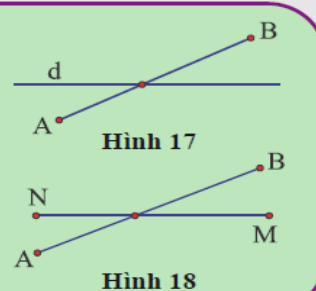
Riêng khái niệm hai đường thẳng trùng nhau được nhận biết dựa vào khái niệm ba điểm thẳng hàng và nhờ hình vẽ, qua đó HS có thể ngầm hiểu hai đường thẳng trùng nhau khi chúng có nhiều điểm chung (từ hai điểm chung trở lên).

Chú ý rằng điều này không tương minh trong tài liệu, nhưng khi tự học có hướng dẫn thì GV đóng vai trò cố vấn, gợi ý, hướng dẫn sao cho HS có thể phát hiện đi đến có được những điều mong muốn này.

Ở phần tiếp theo, với nội dung:

c) Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn

- Hai đường thẳng **không trùng nhau** còn được gọi là hai đường thẳng **phân biệt**. Hai đường thẳng phân biệt hoặc chỉ có một điểm chung hoặc không có điểm chung nào.
- Hình 17 biểu diễn: **đường thẳng d cắt đoạn thẳng AB**.
Còn hình 18 biểu diễn: **đoạn thẳng MN cắt đoạn thẳng AB**.



- Em hãy vẽ hình biểu diễn
 - +) một đường thẳng cắt một đoạn thẳng;
 - +) một đoạn thẳng cắt một đoạn thẳng.

Phần này, HS (dựa vào hình biểu diễn) biết thêm các khái niệm mới: hai đường thẳng phân biệt; nhận biết được về đoạn thẳng cắt đường thẳng; đoạn thẳng cắt đoạn thẳng.

Chú ý rằng còn có thể có những trường hợp hình biểu diễn khác về sự cắt nhau giữa đường thẳng, đoạn thẳng, do đó, nếu được GV gợi ý để HS vẽ thêm, theo cách hiểu của mình, về đường thẳng cắt đoạn thẳng, đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, mà một số trong chúng cũng sẽ được đề cập qua phần củng cố, d) dưới đây.

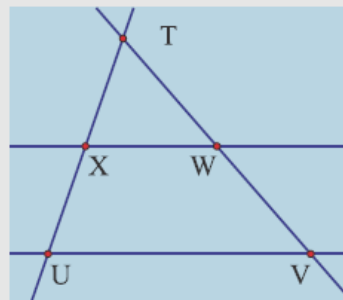
Nội dung như thế cũng được xem là vấn đề mở đối với HS. GV nên dự kiến các trường hợp có thể xảy ra để kiểm tra mức độ hiểu và vẽ hình biểu diễn của HS. Qua đó cũng có thể phần nào đánh giá được mức độ hiểu kiến thức của HS với nội dung đã học. Chẳng hạn: có thể HS không vẽ được trường hợp nào khác; có HS vẽ được thêm 1 trường hợp khác; có HS vẽ được thêm 2 trường hợp khác;... nhờ đó mà ta đánh giá được tư duy của các HS khác nhau.

Phần tiếp theo, với nội dung:

d) Thực hiện các hoạt động sau

– Em nói: Ở hình 19 có

- +) XW và UV là hai đường thẳng song song với nhau;
- +) UT và XW là hai đường thẳng cắt nhau;
- +) TW và TV là hai đường thẳng trùng nhau;
- +) đường thẳng TU cắt đoạn thẳng XW;
- +) đoạn thẳng XW cắt đoạn thẳng XU.



Hình 19

– Xem hình 19 và chỉ ra: hai đường thẳng cắt nhau; hai đường thẳng trùng nhau; hai đường thẳng phân biệt; đường thẳng cắt đoạn thẳng; đoạn thẳng cắt đoạn thẳng.

Phần này giúp HS củng cố về hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng trùng nhau, hai đường thẳng phân biệt; đường thẳng cắt đoạn thẳng, đoạn thẳng cắt đoạn thẳng.

Cách hướng dẫn HS củng cố kiến thức chúng tôi đã nêu ở các phần trước, xin không nêu lại (từ phần này trở đi).

Phần tiếp theo, với nội dung:

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Thực hiện các hoạt động sau

1. a) Em vẽ vào vở theo các diễn đạt sau:

- Ba điểm X, Y, Z thẳng hàng và điểm Y nằm giữa hai điểm X và Z.
- Ba điểm X, Z, U không thẳng hàng.
- Ba điểm X, Y, T thẳng hàng và điểm T nằm giữa hai điểm X và Y.

b) Dựa vào hình vừa vẽ được cho biết:

- các bộ ba điểm thẳng hàng;
- các bộ ba điểm không thẳng hàng;
- điểm nằm giữa hai điểm khác;
- hai điểm nằm cùng phía đối với điểm Z;
- hai điểm nằm khác phía đối với điểm Y.

c) Vẽ bốn điểm M, N, P, Q, trong đó chỉ có ba điểm M, N, P thẳng hàng.

- Vẽ và kẻ tên các đoạn thẳng, có hai đầu mút trong số các điểm M, N, P, Q.
- Vẽ các đường thẳng, mỗi đường đi qua hai trong số các điểm M, N, P, Q. Khi đó, kẻ tên các đường thẳng phân biệt.

Phần này xem như bài tập, nhằm luyện tập, củng cố, khắc sâu thêm về các nội dung vừa học.

Hơn nữa, bên cạnh việc giúp HS luyện tập về ba điểm thẳng hàng, không thẳng hàng,...bài này còn giúp HS cách đọc hiểu đề bài rồi vẽ, nói, viết, diễn đạt cách hiểu của mình.

Sau khi HS làm việc cá nhân, việc trao đổi trong nhóm sẽ góp phần tăng cường năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác,... của các em khi học bài.

Phần tiếp theo, với nội dung:

2. Biết rằng T là một điểm bất kì của đoạn thẳng MN .

- Bạn Ân cho rằng: *Điểm T phải trùng với điểm M .*
- Bạn Bình khẳng định: *Điểm T phải trùng với điểm N .*
- Bạn Cảnh nói: *Điểm T phải nằm giữa hai điểm M và N .*
- Bạn Dung nói: *Điểm T hoặc trùng với điểm M , hoặc trùng với điểm N , hoặc nằm giữa hai điểm M và N .*

Theo em, trong số các bạn Ân, Bình, Cảnh, Dung bạn nào nói chưa đúng? Giải thích tại sao bạn ấy nói chưa đúng.

Phần này dựa trên cách hiểu (giả định) về đoạn thẳng của một số em, như Ân, Bình, Cảnh, Dung, mà giúp HS củng cố về đoạn thẳng.

Ở đây, cách hiểu của bạn Dung là đúng, cách hiểu của các bạn còn lại là sai. GV nên hướng dẫn để HS biết được cách hiểu sai của các bạn Ân, Bình, Cảnh bằng cách chỉ ra một ví dụ chứng tỏ phát biểu của mỗi bạn đó là không đúng.

Một khi HS hiểu được các phát biểu sai (biết được chỗ chưa đúng) trong bài này chứng tỏ các em đã nắm vững khái niệm đoạn thẳng.

Phần tiếp theo, với nội dung:

3. Trả lời câu hỏi

Hãy cho biết: Qua bài này em đã học được những kiến thức nào?

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

Phần này với dụng ý yêu cầu HS trả lời câu hỏi, qua đó vừa giúp các em tự ôn lại vừa giúp HS tự đánh giá về kết quả học tập của mình.

Hơn nữa, phần này còn ngầm ẩn ý đồ vận dụng thuyết hoạt động và thuyết kiến tạo trong dạy học. Nghĩa là GV tạo cơ hội để HS chủ động trong việc phát hiện, chiếm lĩnh tri thức, cũng như tự đánh giá kết quả. Ngoài ra, tại thời điểm này câu hỏi đó còn đòi hỏi phải ôn tập, tổng kết nội dung (chủ đề) đó.

Cũng cần chú ý rằng: Với câu hỏi này chủ yếu muốn khuyến khích HS tự phát biểu, tự nhận xét, đánh giá,... mà không quá coi trọng câu trả lời của HS là đúng hay sai.

GV cần lắng nghe và kết hợp với phiếu tự đánh giá của HS để có thể đánh giá được việc HS hiểu bài học đến đâu. Từ đó có những quyết định cho bước học tập tiếp theo của HS. Chẳng hạn, em (hay nhóm) phải đọc lại, ôn lại chỗ nào; hay em được phép chuyển qua phần tiếp theo;...

Chú ý: Nếu HS nào, hay nhóm HS nào trong lớp có nhận thức tốt, có thể học với tốc độ nhanh hơn nhóm khác, thì ta có thể cho phép nhóm đó vượt trước. Tuy nhiên, nếu trong lớp có một vài nhóm học tập nhanh nhưng không quá nổi trội, thường chỉ nhanh hơn đội bạn (nhóm bạn) một chút, thì khi nhóm này đã hoàn thành nhiệm vụ ta có thể chia nhỏ các HS trong nhóm này vào một số nhóm học tập chậm hơn để giúp bạn cùng tiến bộ. Tức là ngầm vận dụng phương châm "Học thầy không tày học bạn" trong tổ chức tiến trình bài học.

Ngoài ra, khi gặp câu lệnh: "*Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả công việc em đã làm*" xem như hết một tiết học. Tuy nhiên, tùy dung lượng và mức độ thực hiện của HS mà có thể kéo dài thành 1,5 tiết, với những bài kết cấu theo cặp 2 tiết.

Sự co kéo (dài hơn hay ngắn hơn 1 tiết, từ 1 tiết đến 1,5 tiết) là tùy thuộc HS và GV. Nhưng phải đảm bảo tổng thời lượng không thay đổi, tức là toàn bài vẫn phải là 2 tiết (hay 3 tiết) như đã định.

Phản tiếp theo, với nội dung:

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



1. Đố bạn xếp được 5 viên sỏi (hay viên bi) thành 2 hàng, mỗi hàng có đúng 3 viên sỏi (hay viên bi) thẳng hàng.

2. Quan sát, tìm hiểu

Quan sát *xung quanh em* và chỉ ra hình ảnh có liên quan đến:

- các điểm thẳng hàng; điểm nằm giữa hai điểm khác;
- đoạn thẳng;
- đường thẳng song song, đường thẳng cắt nhau, đường thẳng trùng nhau; đường thẳng phân biệt;
- đường thẳng cắt đoạn thẳng; đoạn thẳng cắt đoạn thẳng.

3. **Trò chơi "Thẳng hàng"**. Mỗi nhóm chuẩn bị một số viên sỏi (hay viên bi) và kẻ một số đường thẳng trên đất (hay tờ giấy). Đến lượt người chơi sẽ tung các viên sỏi lên vùng đất đã kẻ các đường thẳng (hay trang giấy có dòng kẻ), số viên sỏi cùng thuộc một dòng kẻ (hay thẳng hàng) là số điểm người đó có. Sau một số lượt chơi, ai có số điểm cao hơn là người thắng cuộc.

Phần này hướng vào việc giúp HS bước đầu vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn.

Chẳng hạn, giúp HS bước đầu thực hành về ba điểm thẳng hàng trong thực tiễn, thông qua bài tập có dạng trò chơi xếp các viên sỏi (hay xếp các viên bi) thẳng hàng.

Bài tập dạng này HS cũng đã được làm quen ở tiểu học, do đó, đây xem như bài tập không khó khăn với đa số HS.

Tuy nhiên, nếu HS nào có cách hiểu thông thường, mỗi hàng 3 viên và các hàng đó không cắt nhau thì phải đủ $3 + 3 = 6$ viên, sẽ gặp khó khăn với bài tập này.

Tuy nhiên, với HS lớp 6 chúng ta cũng không yêu cầu quá cao trong việc vận dụng kiến thức mà chỉ giới hạn ở việc quan sát tìm hiểu thực tiễn gần gũi, xung quanh. Việc này HS có thể làm bất cứ lúc nào, không yêu cầu gì nặng nề, cao siêu.

Trò chơi "thẳng hàng" cũng có thể gặp trong đời sống hiện thực ở một số vùng miền nước ta.

Chú ý rằng: Dựa vào trò chơi này HS có thể sáng tác thêm cách chơi thích hợp mà không bắt buộc phải chơi chỉ theo cách đã nêu trong bài học.

Phần tiếp theo, với nội dung:

E HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG

1. Luyện tập, ghi vào vở

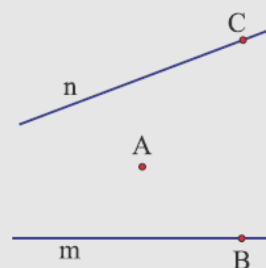
a) Theo em trong các câu sau đây câu nào đúng? câu nào sai?

- Hai đường thẳng *song song* là hai đường thẳng *phân biệt*.
- Hai đường thẳng *cắt nhau* là hai đường thẳng *phân biệt*.
- Hai đường thẳng *có điểm chung* là hai đường thẳng *phân biệt*.

b) Xem hình 20.

- Tìm điểm D trên đường thẳng m sao cho ba điểm C, A, D thẳng hàng. Tìm điểm E trên đường thẳng n sao cho ba điểm B, A, E thẳng hàng.
- Vẽ và gọi tên các đoạn thẳng mà hai đầu mút của chúng nằm trong số các điểm: A, B, C, D, E.

c) Đố bạn xếp được 9 viên sỏi (hay viên bi) thành 8 hàng, mỗi hàng có đúng 3 viên sỏi (hay viên bi) thẳng hàng.



Hình 20

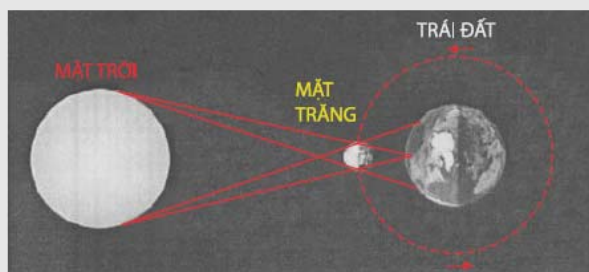
Phần này xem như bài tập, nhằm giúp HS luyện tập thêm về các nội dung vừa học.

Phân tiếp theo, với nội dung:



2. Tìm hiểu, đọc thêm

a) Tìm hiểu thêm (qua người lớn hoặc Internet) về *nhật thực toàn phần* hay *nguyệt thực toàn phần* (hình 21). Qua đó hiểu thêm về hiện tượng thẳng hàng trong vũ trụ.



Hình 21

b) Tìm hiểu thêm (qua người lớn) về cách để một *xạ thủ* ngắm bắn trúng đích. Qua đó hiểu thêm về ba điểm thẳng hàng trong không gian.

c) Quan sát (hay hỏi người lớn) để hiểu về cách người thợ xây dùng *dây dọi* để xây được các mép cửa *song song* với nhau.

Phần này nhằm giúp HS bước đầu ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó, HS hiểu thêm về nhật thực, nguyệt thực như sự thẳng hàng của ba hành tinh (xem như là 3 điểm trong vũ trụ), gồm: mặt trời, mặt trăng và trái đất; hiểu được cách ngắm bắn trúng đích và có thể vận dụng trong học tập một số nội dung thuộc chủ đề An ninh, Quốc phòng.

Theo cách, như thế chẳng những thể hiện vai trò công cụ của môn Toán mà còn thể thiện được tinh thần tích hợp, liên môn trong học tập.

Việc hỏi người lớn về cách dùng dây dọi trong xây dựng để hiểu về tính song song của hai đường thẳng phần nào giúp HS tìm tòi mở rộng, hiểu thêm về ứng dụng thực tiễn của kiến thức được học, góp phần tăng cường hứng thú học tập cũng như khám phá, ứng dụng tri thức đã học.

Ngoài ra, nội dung này còn ngầm trong đó dụng ý hướng nghiệp cho các em ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

§6. ÔN TẬP CHƯƠNG I

Ở bài này mục tiêu cụ thể là:

MỤC TIÊU

- Hiểu được mạch kiến thức cơ bản trong chương.
- Biết một số dạng bài tập cơ bản thuộc chương.

Theo đó,

-Về kiến thức, nhìn chung ở bài ôn tập chương thì HS không được bổ sung thêm kiến thức mới, nhưng các em cần biết được mạch kiến thức đã học trong toàn chương và cách ôn tập một chương, để hướng đến chủ động tự học, tự ôn, tự đánh giá kết quả học tập.

Tức là HS cần biết đã học những kiến thức gì, chúng có liên hệ với nhau hay không? nếu có thì chúng liên hệ ra sao?....khi đó mới có thể hình dung toàn cảnh về các vấn đề được học. Một khi HS đã hiểu như vậy mới có thể truy cập, vận dụng kiến thức đã học khi cần.

-Về kĩ năng, HS cần biết cách đọc, viết, diễn tả về nội dung kiến thức đã học trong toàn chương. Biết cách giải (phương pháp chung để giải) một số dạng toán cơ bản liên quan đến kiến thức đã học.

Từ đó, ở phần:



1. Thực hiện các hoạt động sau

a) Nhớ lại và trao đổi

- Hãy nhớ lại và nêu các kiến thức cơ bản với mỗi bài mà em đã học trong chương này.

b) Đố bạn

- Viết vào chỗ chấm (...) tên *các hình* đã học (1).....; (2).....; (3).....; (4).....; (5).....
- Viết thêm vào chỗ chấm (...) dưới đây để hoàn thành *các tính chất* đã học.
 - (1) Có một và đường thẳng đi qua hai điểm M và N.
 - (2) Trong ba điểm thẳng hàng có..... điểm nằm giữa hai điểm còn lại;
 - (3) Mỗi điểm trên đường thẳng là gốc chung của hai tia.....;
 - (4) Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + \dots = \dots$

thì phần 1.a) nhằm giúp HS nhớ lại, hồi tưởng lại về các kiến thức đã học qua từng bài học trong chương này.

Với phần 1b) HS rất cần biết các hình và các tính chất đã học trong chương này.

Với các hình đã học, HS có thể chưa nhận biết, hay chưa thể gọi (nói) đúng tên. Do đó, GV rất cần giúp các em hiểu, nhớ được qua phần này các hình: điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, tia, trung điểm đoạn thẳng.

Với các tính chất đã học, tài liệu yêu cầu HS nói, viết lại đúng, thông qua câu hỏi ở dạng điền khuyết. Với câu hỏi dạng này nếu HS không hiểu (hay hiểu còn lơ mơ) có thể có những cách điền khác nhau, thậm chí có thể sai một cách ngô nghê.

Sẽ tốt hơn nếu GV cho HS vừa đọc, trao đổi vừa ghi lại vào vở nội dung cần đạt.

Tiếp theo,

c) Trả lời các câu hỏi sau

- (1) Một điểm có là một hình không?
- (2) Thế nào là ba điểm không thẳng hàng? Thế nào là ba điểm thẳng hàng?
- (3) Khi nào điểm M nằm giữa hai điểm A, B?
- (4) Thế nào là hai đường thẳng trùng nhau? Thế nào là hai đường thẳng phân biệt?
- (5) Thế nào là một tia? Thế nào là hai tia đối nhau? Thế nào là hai tia trùng nhau?
- (6) Thế nào là đoạn thẳng?
- (7) Để đo độ dài một đoạn thẳng ta làm như thế nào?
- (8) Người ta làm thế nào để so sánh độ dài hai đoạn thẳng?
- (9) Khi nào thì $AM + MB = AB$?
- (10) Để vẽ trên tia Ox một đoạn thẳng có độ dài bằng một đoạn thẳng cho trước ta làm như thế nào?
- (11) Trung điểm của đoạn thẳng AB là gì?
- (12) Muốn vẽ trung điểm của đoạn thẳng AB ta làm như thế nào?

nhằm giúp HS ôn lại 12 vấn đề cơ bản đề cập trong chương này.

Sẽ tốt hơn nếu GV yêu cầu HS kết hợp nói, viết theo nội dung đề cập. GV nên hướng dẫn để từng nhóm có thể tổ chức học phần này theo lối truy bài. Tức là một bạn hỏi, một bạn trả lời, các bạn còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung, sửa chữa sai lầm nếu có.

Có thể thay nhau đóng vai người hỏi, người trả lời để việc ôn tập được chủ động, tích cực, sinh động hơn.

Hơn nữa, qua cách làm này chẳng những nhằm khuyến khích các em diễn đạt (nói, trình bày, ...) về điều mình học được, hiểu được mà còn góp phần hướng vào hình thành các năng lực chung cốt lõi như: tương tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tự học (học cách học),...

Từ đó, qua trao đổi nhóm các em có cách hiểu đầy đủ hơn về các khái niệm được học ở phần này.

Tiếp theo, ở phần

d) Ghi lại nội dung ở phần 1. c) theo cách khác (theo bảng; hay sơ đồ;...).

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

có dụng ý yêu cầu HS chỉ ra mạch kiến thức cơ bản trong chương, tức là nêu rõ mối liên hệ giữa các nội dung đã học theo cách nào đó mà em cho là dễ hiểu nhất, chẳng hạn: sơ đồ, hay tóm tắt,...

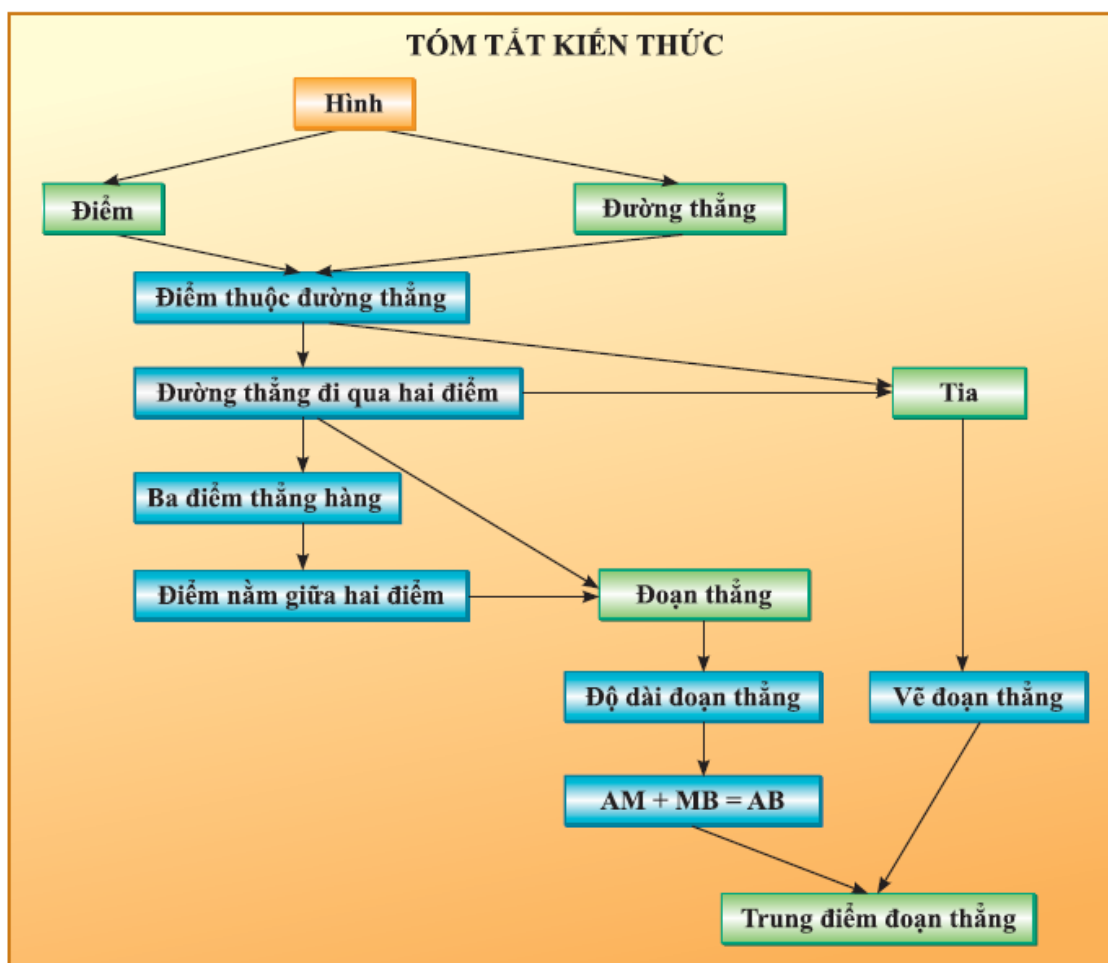
Lúc này, qua cách phát biểu của mỗi em mà có thể có nhiều cách hiểu được đề xuất. Khi đó, GV không nên ép HS vào một cách thể hiện nào, mà nên khuyến khích các cách khác nhau, nhằm phát huy tính sáng tạo, mềm dẻo, linh hoạt của mỗi em và của cả nhóm.

Qua đó mà giúp HS cách học, cách ôn tập chương một cách chủ động.

Tiếp đó, với logo "Báo cáo...", nhằm củng cố kiến thức ở phần 1) và đánh giá kết quả học tập đến thời điểm này, theo cách đã nói trong các bài trước.

Phần tiếp theo,

2. Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn



giúp HS hình dung toàn cảnh về các kiến thức được học và mối liên hệ giữa chúng.

Chẳng hạn, nhìn vào sơ đồ trên dễ thấy được: Giữa điểm và đoạn thẳng có quan hệ điểm thuộc đường thẳng. Nhờ đó dẫn đến đường thẳng đi qua hai điểm, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm khác.

Khái niệm đoạn thẳng liên quan đến các khái niệm đường thẳng đi qua hai điểm và điểm nằm giữa hai điểm khác.

Sau khi có đoạn thẳng sẽ có được độ dài đoạn thẳng.

Từ đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng và điểm nằm giữa hai điểm dẫn đến $AM + MB = AB$.

.....

Với ý định như vậy, nếu được, khi dạy học ôn tập, GV nên khuyến khích các em đọc sơ đồ và phát biểu về mối liên hệ giữa các kiến thức đã học theo cách như trên.

Phần tiếp theo,



3. Thực hiện các hoạt động sau

a) Vẽ đoạn thẳng $PQ = 6\text{cm}$. Trên tia PQ vẽ đoạn thẳng $PA = 8\text{cm}$.

- Điểm A có nằm giữa hai điểm P và Q không? Vì sao?
- So sánh độ dài hai đoạn thẳng QP và QA .
- Điểm Q có phải là trung điểm của đoạn thẳng PA không? Tại sao?
- Vẽ trung điểm M của đoạn thẳng PA .
- Vẽ tia Qt không trùng với các tia QP và QA . Trên tia Qt vẽ đoạn thẳng $QT = 3\text{cm}$.
- Vẽ tia đối của tia QT . Trên tia đối của tia QT vẽ điểm Z sao cho Q là trung điểm của đoạn thẳng TZ .

b) Biết ba điểm A, B, C thẳng hàng, điểm C nằm giữa hai điểm A và B . Có thể chỉ đo độ dài của hai đoạn thẳng mà biết được cả ba độ dài AB, AC, BC không? Giải thích cách làm của em.

xem như bài tập nhằm giúp HS luyện tập, củng cố thêm về các nội dung vừa học, thông qua một số bài có nội dung tương tự với bài đã học.

Phần tiếp theo,



4. Trả lời câu hỏi

Hãy cho biết: Qua bài này em đã ôn lại được những kiến thức nào?

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

được tiến hành như đã nêu ở các phần trước.

Phần tiếp theo,



1. Quan sát, tìm hiểu

- a) Quan sát xung quanh em và chỉ ra những hình ảnh có liên quan đến *điểm*; *đường thẳng*; *tia*; *đoạn thẳng*; *trung điểm của đoạn thẳng*; *các điểm thẳng hàng*.
- b) Ước lượng bằng mắt chiều dài của một gian nhà (hay chiếc bàn, hay phòng học). Sau đó kiểm tra lại bằng thước.

2. Đố bạn

- a) Hành lang của một toà nhà có 5 cột thẳng hàng, mỗi cột cách nhau 4m. Theo em, đoạn thẳng nối chân các cột đó dài khoảng bao nhiêu mét?
- b) Trên sân trường, các học sinh của một lớp xếp theo đội hình 5 hàng dọc, mỗi hàng 7 em, mỗi em cách nhau 0,5m và các em xếp thành hình chữ nhật. Chu vi của hình chữ nhật đó là bao nhiêu mét?
- c) Nếu trường đó có 10 lớp cùng xếp theo đội hình nói ở ý b), theo chiều ngang có 5 lớp và mỗi lớp cách nhau 1m, thì chiều dài và chiều rộng tối thiểu của sân trường phải là bao nhiêu mét?

xem như sự tự vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, đời sống hàng ngày của HS. Bước đầu cho HS thấy kiến thức được học là bổ ích, có ý nghĩa trực dụng trong cuộc sống. Qua đó, bước đầu giúp HS biết cách tìm tòi mở rộng.

Phần tiếp theo, có thể gợi ý để HS tìm hiểu thêm về:

- Cách để người thợ xây ghép được các viên gạch thẳng hàng
- Cách để người thợ chia đôi chiều dài một vật cứng như thanh gỗ hay tấm ván...



3. Tìm hiểu, đọc thêm

Tìm hiểu thêm (qua người lớn hoặc Internet)

a) Về cách để người thợ xây ghép được các viên gạch thẳng hàng.



b) Về cách người thợ chia đôi chiều dài một vật cứng như thanh gỗ hay chiều rộng chiếc bàn,....

c) Về cách người thợ *bật mực* trên thân cây gỗ để xẻ ván.



xem vừa như bài tập về nhà, để HS củng cố khắc sâu kiến thức đã học ở bài này, vừa giúp HS hiểu thêm về ứng dụng thực tiễn của kiến thức được học, vừa giúp các em cách mở rộng vốn kiến thức, tiến tới biết cách vận dụng sáng tạo.

Phần tiếp theo,

Thầy/cô giáo nhận xét và ghi nhận kết quả học tập của học sinh

được tiến hành như đã hướng dẫn ở các bài trước.\

§5. THỰC HÀNH TRỒNG CÂY THẲNG HÀNG. ĐO ĐỘ DÀI

Ở bài này mục tiêu cụ thể là:

MỤC TIÊU

Biết cách giống (kiểm tra) ba cây (hay cọc) thẳng hàng. Biết cách đo độ dài trên mặt đất.

Theo đó,

-Về kĩ năng, HS cần biết cách giống các cọc thẳng hàng. Biết đo (với sai số cho trước) khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất.

Theo đó, HS cần biết được cách kiểm tra 3 điểm thẳng hàng trên mặt đất. HS đã biết cách giống 3 cọc tiêu thẳng hàng từ tiểu học. Vì thế, ở lớp 6, GV nên tận dụng để giúp HS tự biết cách kiểm tra 3 điểm (giống 3 cọc tiêu) thẳng hàng. Nội dung mới ở đây là HS việc vận dụng kiến thức đã học để đo khoảng cách (độ dài) trên mặt đất.

Đây là dạng bài thực hành nên phần hoạt động trải nghiệm được lồng luôn vào nội dung thực hành, ứng dụng. Do đó, bài học không được bắt đầu bằng các phần A-B như các bài khác.

Từ đó, ở phần:

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



1. Đố

– Xem hình 41.



HS được đặt vào tình huống thực tiễn, liên quan đến các cọc (hay các cột) thẳng hàng. Từ đó nảy sinh câu hỏi (hay vấn đề) làm thế nào để xếp được chúng thẳng hàng.

Sẽ tốt hơn nếu GV chuẩn bị được một số (file) hình ảnh liên quan đến các cọc (hay cọc, hay các cây,...) thẳng hàng trong thực tế để trình chiếu cho HS quan sát thêm.

Ở phần tiếp theo,



2. Thực hành xếp theo hàng dọc

a) Chia nhóm

Lớp được chia thành các nhóm khoảng 7–8 học sinh.

b) Xếp theo hàng dọc

- Mỗi nhóm thực hành xếp theo một hàng dọc (theo nghi thức đội).
- Nhóm trưởng chỉnh đốn để các bạn trong nhóm đứng thẳng hàng (hình 42).
- Thay nhau làm nhóm trưởng để chỉnh đốn các bạn trong nhóm đứng thành một hàng dọc, thẳng hàng.
- Nói với bạn về cách kiểm tra sự thẳng hàng của nhóm sau khi đã đứng theo đội hình hàng dọc.



Hình 42

HS hồi tưởng lại và vận dụng cách đứng thành hàng dọc (thẳng hàng), theo nghi thức đội.

Điểm quan trọng ở nội dung này là HS khi đứng ở vị trí nhóm trưởng, chỉnh đốn hàng ngũ biết cách giống hàng, để các bạn cùng đứng thẳng hàng.

Sẽ tốt hơn nếu HS kết hợp nhìn (hình vẽ) rồi nói, làm theo nội dung đề cập.

Tiếp theo, HS được củng cố và báo cáo về các nội dung vừa được học ở trên. Cách củng cố như đã nói ở các bài trước.

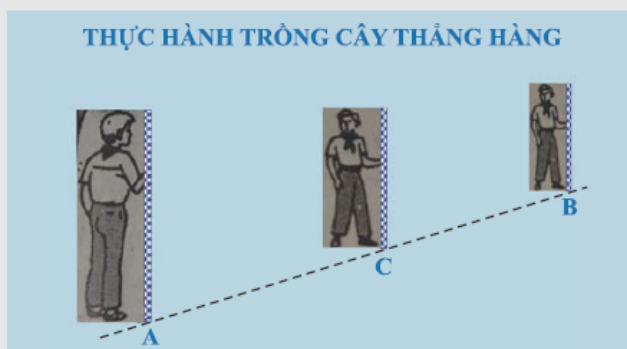
Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

Phần tiếp theo,

3. Thực hành trồng cây (cắm cọc tiêu) thẳng hàng

a) Quan sát, nhận xét

- Hình 43 biểu diễn cách mà nhóm này trồng (hay cắm) được ba cây (cọc tiêu) ở các vị trí A, B, C thẳng hàng.



Hình 43

- Em nói và ghi nhớ:

Để trồng (hay cắm) được ba cọc tiêu tại A, B, C thẳng hàng ta làm như sau:

- + Trước hết cắm các cọc tiêu (thẳng đứng với mặt đất) tại các vị trí A và B.*
- + Tiếp theo, một bạn cắm cọc tiêu thẳng đứng ở vị trí C.*
- + Sau đó, một bạn đứng ở vị trí A nhắm và ra hiệu để bạn đứng tại vị trí C điều chỉnh sao cho cọc tiêu ở A che lấp các cọc tiêu cắm tại B và C.*

HS đọc để hiểu về cách tổ chức và kiểm tra (giống) ba cọc tiêu thẳng hàng. HS cần nói đúng được các bước chính trong cách giống các cọc tiêu thẳng hàng, để từ đó có thể vận dụng trong việc cắm các cọc tiêu thẳng hàng ở phần sau.

Chú ý rằng ở trên chỉ nói tới trường hợp cọc tiêu ở vị trí C, mà điểm C nằm giữa hai điểm A và B. GV có thể mở rộng cách giống với trường hợp cọc ở vị trí C, mà điểm B nằm giữa hai điểm A và C.

Qua đó và qua trao đổi nhóm HS có cách hiểu đầy đủ hơn về cách giống ba cọc tiêu thẳng hàng.

Phần tiếp theo,

b) Thực hành cắm cọc tiêu thẳng hàng

- Chuẩn bị các cọc tiêu (để cắm) và dây dọi (để kiểm tra cọc được cắm thẳng đứng so với mặt đất).
- Thực hành trồng ba cây (hay ba cọc tiêu) thẳng hàng (trên đất, hay sân trường).

c) Thực hành đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất

- Theo vị trí mà nhóm vừa chọn cắm 3 cọc tiêu A, B, C, hãy đo các khoảng cách AC, AB bằng thước (thước dây, hoặc thước chữ A, hoặc thước mét,...).
- Ghi kết quả: $AB = \dots\dots\dots m$, $BC = \dots\dots\dots m$; $AC = \dots\dots\dots m$.

Chú ý: Thực hành cắm cọc tiêu thẳng hàng với hai trường hợp: điểm C ở giữa hai điểm A và B; điểm C không ở giữa hai điểm A và B.

lớp được chia thành các nhóm 4-6 HS để các em thực hành giống ba cọc thẳng hàng theo nội dung vừa tiếp cận, làm rõ ở trên.

Nội dung thực hành giống ba cọc thẳng hàng HS cũng đã được tiến hành ở tiểu học, do đó, cần chú trọng hơn đến phần đo khoảng cách AB, BC và AC trên mặt đất, được xem là mới với các em.

Phần tiếp theo,



4. Trả lời câu hỏi

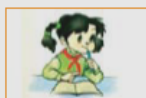
Hãy cho biết: Qua bài này em đã học được những kiến thức nào?

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

nhằm củng cố kiến thức và đánh giá kết quả học tập đến thời điểm này, theo cách đã nói trong các bài trước.

Phần tiếp theo,

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



1. Quan sát, tìm hiểu

- a) Quan sát *xung quanh em* và chỉ ra hình ảnh có liên quan đến *những cây (hay cọc tiêu) thẳng hàng*.
- b) Ước lượng, sau đó dùng thước thẳng đo và cho biết chu vi của lớp học.

2. Đố

- Đố bạn: Xếp được 10 viên sỏi (hay viên bi) thành 5 hàng, mỗi hàng có đúng 4 viên sỏi (hay viên bi) thẳng hàng.
- Đố bạn: Xếp được 16 viên sỏi (hay viên bi) thành 10 hàng, mỗi hàng có đúng 4 viên sỏi (hay viên bi) thẳng hàng.

nhằm giúp HS bước đầu vận dụng kiến thức đã học để giống, hay sắp xếp các vật thẳng hàng; đo độ dài, khoảng cách giữa hai điểm, độ dài đoạn thẳng gấp khúc, chu vi một hình (tất nhiên là đo gần đúng độ dài).

Nếu được GV nên khuyến khích các em sáng tác thêm một vài bài tập tương tự và đố bạn để cùng nhau luyện tập. Xem như sự tự vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, đời sống hàng ngày của HS. Bước đầu cho HS thấy kiến thức được học là bổ ích, có ý nghĩa trực dụng trong cuộc sống.

Phần tiếp theo,

E HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG



Tìm hiểu, đọc thêm

Tìm hiểu thêm (qua người lớn hoặc Internet)

- a)** Về cách để người thợ xây được các hàng cột nhà thẳng đứng và thẳng hàng.
- b)** Về ngắm thẳng và đo độ dài trực tiếp trong trắc địa.



nhằm giúp HS tìm hiểu, đọc thêm, vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn, hỗ trợ tìm tòi sáng tạo.

Phần tiếp theo, được tiến hành như đã hướng dẫn ở các bài trước.

Thầy/cô giáo nhận xét và ghi nhận kết quả học tập của học sinh.

PHỤ LỤC

Phụ lục I.

Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và KTĐG; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng

Nhằm hỗ trợ các trường phổ thông, các trung tâm giáo dục thường xuyên triển khai có hiệu quả việc đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học (PPDH) và kiểm tra, đánh giá (KTĐG) chất lượng giáo dục, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn một số nội dung sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH, KTĐG và tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trong trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) qua mạng như sau:

I. Mục đích

1. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn trong trường trung học và trung tâm GDTX, tập trung vào thực hiện đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực học sinh;

2. Giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên bước đầu biết chủ động lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học trong mỗi môn học và các chuyên đề tích hợp, liên môn phù hợp với việc tổ chức hoạt động học tích cực, tự lực, sáng tạo của học sinh; sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để xây dựng tiến trình dạy học theo chuyên đề nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh; làm quen với hình thức tập huấn, bồi dưỡng, học tập và sinh hoạt chuyên môn qua mạng.

3. Thống nhất phương thức tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm GDTX qua mạng, tạo tiền đề tích cực cho việc triển khai thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015.

II. Yêu cầu

1. Việc xây dựng các chuyên đề dạy học trong mỗi môn học, các chuyên đề tích hợp, liên môn và kế hoạch dạy học bộ môn phải nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; kế hoạch dạy học của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên phải được lãnh đạo nhà trường phê duyệt trước khi thực hiện và là căn cứ để thanh tra, kiểm tra;

2. Việc sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường trung học và trung tâm GDTX, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên mạng phải được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả thiết thực. Mỗi giáo viên có 01 tài khoản để tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên môn qua mạng. Mỗi tổ/nhóm chuyên môn trong trường trung học và trung tâm GDTX phải xây dựng được tối thiểu 02 chuyên đề dạy học/học kỳ; tổ chức dạy thử nghiệm để dự giờ, phân tích, rút kinh nghiệm và nộp kết quả qua diễn đàn trên mạng.

3. Các nội dung sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn khác phải được tổ chức thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành.

III. Nội dung sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn về đổi mới PPDH và KTĐG

1. Xây dựng chuyên đề dạy học

Thay cho việc dạy học đang được thực hiện theo từng bài/tiết trong sách giáo khoa như hiện nay, các tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở rà soát chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ theo chương trình hiện hành và các hoạt động học dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh theo phương pháp dạy học tích cực, xác định các năng lực và phẩm chất có thể hình thành cho học sinh trong mỗi chuyên đề đã xây dựng.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập

Với mỗi chuyên đề đã xây dựng, xác định và mô tả 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học. Trên cơ sở đó, biên soạn các câu hỏi/bài tập cụ thể theo các mức độ yêu cầu đã mô tả để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá, luyện tập theo chuyên đề đã xây dựng.

3. Thiết kế tiến trình dạy học

Tiến trình dạy học chuyên đề được tổ chức thành các hoạt động học của học sinh để có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng.

4. Tổ chức dạy học và dự giờ

Trên cơ sở các chuyên đề dạy học đã được xây dựng, tổ/nhóm chuyên môn phân công giáo viên thực hiện bài học để dự giờ, phân tích và rút kinh nghiệm về giờ dạy.

Khi dự giờ, cần tập trung quan sát *hoạt động học của học sinh* thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau:

- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của học sinh, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của học sinh; đảm bảo cho tất cả học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có học sinh bị "bỏ quên".

- *Báo cáo kết quả và thảo luận*: hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho học sinh trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

- *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của học sinh; chính xác hóa các kiến thức mà học sinh đã học được thông qua hoạt động.

Mỗi chuyên đề được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Vì thế, trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số bước trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng. Khi dự một giờ dạy, giáo viên cần phải đặt nó trong toàn bộ tiến trình dạy học của chuyên đề đã thiết kế. Cần tổ chức ghi hình các giờ dạy để sử dụng khi phân tích bài học.

5. Phân tích, rút kinh nghiệm bài học

Quá trình dạy học mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động học của học sinh dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. Học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của học sinh, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho học sinh của giáo viên.

Việc phân tích bài học có thể được căn cứ vào các tiêu chí cụ thể như sau:

Nội dung	Tiêu chí
1. Kế hoạch và tài liệu dạy học	Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.
	Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .
	Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học và học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh.
	Mức độ hợp lí của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh.
2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh	Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển <i>giao nhiệm vụ</i> học tập.
	Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của học sinh.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh.
3. Hoạt động của học sinh	Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.
	Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

IV. Tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn qua mạng

Để tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn trong các trường; tạo môi trường chia sẻ, thảo luận, hỗ trợ lẫn nhau giữa các trường phổ thông, trung tâm GDTX trên phạm vi toàn quốc; tổ chức các hoạt động học tập và hỗ trợ hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh trên mạng, Bộ GDĐT tổ chức "Trường học kết nối" trên mạng tại địa chỉ website: <http://truongtructuyen.edu.vn>. Mỗi Sở GDĐT được cấp 01 tài khoản cấp sở để tham gia tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của các cơ sở giáo dục trên

địa bàn. Sở GDĐT cấp tài khoản cho các trường trung học/trung tâm GDTX để qua đó cấp tài khoản cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tham gia các hoạt động chuyên môn qua mạng.

Giáo viên là người trực tiếp tham gia thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong các khóa học/bài học/chuyên đề. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, giáo viên có thể tham khảo các tài liệu điện tử trên mạng hoặc/và các tài liệu truyền thống; trao đổi tài liệu và thảo luận với các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn (trực tiếp và qua mạng); trao đổi với giảng viên/ban tổ chức về những vấn đề có liên quan.

Giáo viên có thể được giao quyền cấp tài khoản cho học sinh; xây dựng các khóa học/bài học trên mạng; tổ chức, quản lý và hỗ trợ học sinh thực hiện các hoạt động học tập qua mạng theo hình thức “hoạt động trải nghiệm sáng tạo”.

V. Trách nhiệm của các cấp quản lý giáo dục

1. Các sở GDĐT có trách nhiệm cấp tài khoản và tổ chức tập huấn sử dụng hệ thống cho Phòng GDĐT, nhà trường/trung tâm và tất cả giáo viên như sau:

- Giám đốc Sở GDĐT nhận tài khoản cấp sở và chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trên hệ thống “Trường học kết nối” trong phạm vi quyền hạn của tài khoản được cấp; cử tối thiểu 01 cán bộ tham gia quản trị hệ thống;

- Cán bộ quản trị hệ thống của Sở GDĐT phải thành thạo quy trình tổ chức và quản lý hệ thống; cấp tài khoản và tập huấn cho các trường trung học/trung tâm GDTX trong phạm vi của sở về quy trình tổ chức và quản lý hệ thống, bao gồm việc cấp tài khoản và hướng dẫn giáo viên, học sinh tham gia các hoạt động chuyên môn qua mạng.

- Hiệu trưởng/Giám đốc nhận tài khoản cấp trường/trung tâm từ Sở GDĐT; chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên hệ thống “Trường học kết nối” trong phạm vi quyền hạn của tài khoản được cấp; cử tối thiểu 01 giáo viên tham gia quản trị hệ thống;

- Cán bộ quản trị hệ thống của trường/trung tâm phải thành thạo quy trình tổ chức và quản lý hệ thống; cấp tài khoản và tập huấn cho giáo viên, học sinh tham gia các hoạt động chuyên môn trên hệ thống.

2. Tổ trưởng/nhóm trưởng lãnh đạo tổ/nhóm chuyên môn tham gia các khóa học/bài học/chuyên đề qua mạng. Hoạt động của tổ trưởng/nhóm trưởng như sau:

- Đăng kí tham gia các khóa học/bài học/chuyên đề và yêu cầu các thành viên của tổ/nhóm chuyên môn tham gia tạo thành 01 nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống.

- Tổ chức thảo luận trong tổ/nhóm chuyên môn (trực tiếp và qua mạng) để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong khóa học/bài học/chuyên đề; thống nhất các ý kiến và hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ/nhóm.

- Nộp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ/nhóm lên mạng theo quy định.

3. Các Sở GDĐT, Phòng GDĐT và nhà trường/trung tâm thường xuyên chỉ đạo tổ chức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn thông qua dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện các chuyên đề, tiến trình dạy học và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học; có biện pháp khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng; có hình thức động viên, khen thưởng các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

4. Các cơ sở đào tạo giáo viên chủ động đưa nội dung đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực học sinh vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn qua mạng.

Phụ lục II.

Hướng dẫn sử dụng hồ sơ, sổ sách cho học sinh mô hình trường học mới

Để thuận lợi trong việc sử dụng mẫu Học bạ và Sổ đánh giá học sinh, Bộ GDĐT hướng dẫn các địa phương và cơ sở giáo dục tham gia thí điểm mô hình trường học mới cấp THCS như sau:

I. Học bạ

Học bạ là hồ sơ pháp lý về kết quả học tập và rèn luyện của học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 do nhà trường trực tiếp quản lý.

1. Những quy định chung

a) Học bạ được in ra và xác lập xong trong năm học lớp 6;

b) Các nhận xét, đánh giá và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải được phản ánh đầy đủ theo các mục quy định trong Học bạ, được hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học. Lưu ý:

- Đối với môn Khoa học tự nhiên: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 03 phân môn Vật lý, Hoá học, Sinh học;

- Đối với môn Khoa học xã hội: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 02 phân môn Lịch sử, Địa lý;

- Đối với Hoạt động giáo dục: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 03 phân môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục;

c) Có dấu giáp lai giữa hai trang liên tiếp bằng dấu của nhà trường;

d) Học bạ chỉ trả lại học sinh khi thôi học, chuyển trường, tốt nghiệp ra trường.

2. Nhiệm vụ cụ thể trong sử dụng và quản lý học bạ

a) Tổ Văn phòng của trường

- Giúp hiệu trưởng nhà trường quản lý và bảo quản học bạ học sinh;

- Đầu năm học, cuối mỗi học kỳ, cuối năm học bàn giao cho giáo viên chủ nhiệm lớp để tổ chức thực hiện ghi học bạ và thu lại sau khi đã hoàn thành.

b) Giáo viên bộ môn

- Trực tiếp ghi nhận xét học kỳ, cả năm và điểm kiểm tra định kỳ cuối năm; kết quả tham gia các cuộc thi, các hoạt động giáo dục; khen thưởng về từng lĩnh vực mà học sinh tham gia; kết quả học tập, rèn luyện trong hè (nếu có) theo từng năm học;

- Ghi chính xác; khi sửa chữa (nếu có) dùng mực đỏ gạch ngang thông tin cũ, ghi thông tin mới vào phía trên bên phải vị trí ghi điểm cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa bên cạnh thông tin đã sửa.

c) Giáo viên chủ nhiệm

- Tiếp nhận và bàn giao lại học bạ của học sinh với Tổ văn phòng của trường;

- Ghi hoàn chỉnh các nội dung trên trang 01, ghi các nội dung ở phần đầu các trang tiếp theo và nhận xét kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo từng năm học;

- Đôn đốc việc ghi nhận xét, ghi điểm các môn học của các giáo viên bộ môn;

- Chuyển học bạ để hiệu trưởng phê duyệt sau khi đã hoàn thành năm học;

- Đối với giáo viên làm chủ nhiệm lớp cuối cấp cần hướng dẫn học sinh tự nhận xét về kết quả học tập, rèn luyện và xác nhận vào cuối phần tự nhận xét của học sinh.

d) Hiệu trưởng

- Phê duyệt học bạ của học sinh và hoàn thành phê duyệt khi kết thúc năm học;

- Kiểm tra, nhắc nhở việc ghi học bạ của giáo viên, quản lý, sử dụng, bảo quản học bạ của Tổ Văn phòng.

3. Việc sử dụng học bạ đối với học sinh chuyển trường, chuyển lớp

Trong quá trình học cấp THCS, nếu học sinh chuyển từ trường dạy học theo mô hình mới sang trường học không theo mô hình mới hoặc ngược lại thì hiệu trưởng trường THCS nơi học sinh chuyển đến chỉ đạo các bộ phận liên quan tiếp tục sử dụng các tư liệu đã có trong Học bạ của học sinh, đồng thời bổ sung phần học bạ mới từ khi học sinh bắt đầu học ở trường mình, phù hợp với mô hình dạy học nhà trường đang thực hiện.

II. Sổ đánh giá học sinh

Sổ đánh giá học sinh là hồ sơ về kết quả học tập và rèn luyện của học sinh trong một học kỳ, một năm học do tổ văn phòng của trường chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc quản lý.

1. Những quy định chung

a) Sổ đánh giá học sinh được in ra và xác lập xong trong đầu năm học của mỗi lớp cấp THCS;

b) Nếu học sinh thôi học hoặc bỏ học dùng bút mực đỏ gạch ngang cả họ và tên học sinh.

c) Khi sửa chữa thông tin nào đó (nếu có) dùng mực đỏ gạch ngang thông tin cũ, ghi thông tin mới vào phía trên bên phải vị trí ghi thông tin cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa bên cạnh thông tin đã sửa.

2. Ghi sổ đánh giá học sinh

Điểm bài kiểm tra định kỳ do giáo viên bộ môn trực tiếp ghi vào sổ theo cột, mục quy định sau mỗi học kỳ, cuối năm học.

III. Các loại hồ sơ, sổ sách khác

1. Thực hiện nghiêm túc việc sử dụng các loại hồ sơ, sổ sách theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày ngày 07/01/2014 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường như sử dụng sổ điểm điện tử, phần mềm quản lý tổng hợp các số liệu, hồ sơ quản lý nhà trường...

2. Giáo viên bộ môn cần có sổ tay ghi chép riêng về phẩm chất và năng lực của từng học sinh để phục vụ cho việc ghi vào học bạ và sổ đánh giá học sinh.

3. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp trao đổi với giáo viên bộ môn trong việc đánh giá, nhận xét từng học sinh, hoàn thành hồ sơ của học sinh.

TRƯỜNG THCS:.....

Huyện/ Quận/ Thị xã:.....

Tỉnh/ Thành phố:.....

HỌC BẠ

TRUNG HỌC CƠ SỞ

Họ và tên học sinh

.....

Số sổ đăng bộ PCGD:/THCS

(Sử dụng cho học sinh mô hình trường học mới VNEN)

HƯỚNG DẪN GHI HỌC BẠ

1. Giáo viên bộ môn: Nhận xét quá trình và kết quả học tập, rèn luyện: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành (hoặc chưa hoàn thành) nhiệm vụ học tập; năng khiếu, hứng thú; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có); những biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh trong quá trình học tập bộ môn.

2. Giáo viên chủ nhiệm:

- Phối hợp với giáo viên bộ môn nhận xét quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập; những biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực; những biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất.

- Ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh trong hè, khi bắt đầu vào học kì II và bắt đầu năm học mới. Đánh giá mức độ hoàn thành chương trình lớp học thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành"; mức độ hình thành và phát triển năng lực thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế"; mức độ hình thành và phát triển phẩm chất thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm"; kết quả học tập, rèn luyện trong hè (nếu có).

- Ghi rõ được lên lớp hoặc ở lại lớp, với những gì cần được quan tâm giúp đỡ thêm về phẩm chất, năng lực.

3. Học sinh:

- Cuối cấp học, học sinh tự viết ra giấy một bản nhận xét về quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của bản thân: những đặc điểm nổi bật; sự tiến bộ, hạn chế; mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập; năng khiếu, hứng thú các môn học/hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Sau khi được giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn dạy lớp cuối cấp góp ý, thông qua, học sinh chép lại bản tự nhận xét của bản thân vào trang cuối của học bạ.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp cuối cấp, đối chiếu với nội dung bản tự nhận xét của học sinh đã được hiệu trưởng phê duyệt để ký xác nhận trong học bạ.

- Học bạ được hiệu trưởng phê duyệt sẽ giao cho học sinh và thông báo cho cha mẹ học sinh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Ảnh 3x4cm)

HỌC BẠ

TRUNG HỌC CƠ SỞ

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: tháng năm

Nơi sinh:

Dân tộc:

Chỗ ở hiện tại:

Họ và tên cha: Nghề nghiệp:

Họ và tên mẹ: Nghề nghiệp:

Họ và tên người giám hộ: Nghề nghiệp:

....., ngày tháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Năm học	Lớp	Tên trường, huyện (quận, thị xã, TP thuộc tỉnh), tỉnh (TP)
20..... - 20.....		
20..... - 20.....		
20..... - 20.....		
20..... - 20.....		
20..... - 20.....		
20..... - 20.....		

Họ và tên: **Lớp:** **Năm học 20** **- 20**

Môn học	Những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh	Điểm kiểm tra định kì cuối năm	Chữ kí của giáo viên bộ môn
Toán			
Ngữ văn			
Khoa học tự nhiên			
Khoa học xã hội			
Công nghệ			
Tin học			
Hoạt động Giáo dục			
Giáo dục Công dân			
Ngoại ngữ			

Trường: **Huyện:** **Tỉnh:**

- Có chứng chỉ nghề phổ thông:..... Loại:.....

- Kết quả tham gia các cuộc thi, các hoạt động giáo dục:

.....
.....
.....
.....

- Khen thưởng:

.....
.....
.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TRONG HÈ

(Nhằm hoàn thành chương trình lớp học)

(Nếu có)

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Được lên lớp hoặc ở lại lớp, với những gì cần được quan tâm giúp đỡ thêm về phẩm chất, năng lực)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Họ và tên: **Lớp:** **Năm học 20** **- 20**

Môn học	Những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh	Điểm kiểm tra định kì cuối năm	Chữ kí của giáo viên bộ môn
Toán			
Ngữ văn			
Khoa học tự nhiên			
Khoa học xã hội			
Công nghệ			
Tin học			
Hoạt động Giáo dục			
Giáo dục Công dân			
Ngoại ngữ			

Trường: **Huyện:** **Tỉnh:**

- Có chứng chỉ nghề phổ thông: Loại:

- Kết quả tham gia các cuộc thi, các hoạt động giáo dục:

.....
.....
.....
.....

- Khen thưởng:

.....
.....
.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TRONG HÈ

(Nhằm hoàn thành chương trình lớp học)

(Nếu có)

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Được lên lớp hoặc ở lại lớp, với những gì cần được quan tâm giúp đỡ thêm về phẩm chất, năng lực)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Họ và tên: **Lớp:** **Năm học 20** **- 20**

Môn học	Những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh	Điểm kiểm tra định kì cuối năm	Chữ kí của giáo viên bộ môn
Toán			
Ngữ văn			
Khoa học tự nhiên			
Khoa học xã hội			
Công nghệ			
Tin học			
Hoạt động Giáo dục			
Giáo dục Công dân			
Ngoại ngữ			

Trường: **Huyện:** **Tỉnh:**

- Có chứng chỉ nghề phổ thông:..... Loại:.....

- Kết quả tham gia các cuộc thi, các hoạt động giáo dục:

.....
.....
.....
.....

- Khen thưởng:

.....
.....
.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TRONG HÈ
(Nhằm hoàn thành chương trình lớp học)
(Nếu có)

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(Được lên lớp hoặc ở lại lớp, với những gì cần được quan tâm giúp đỡ thêm về phẩm chất, năng lực)
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Họ và tên: **Lớp:** **Năm học 20** **- 20**

Môn học	Những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh	Điểm kiểm tra định kì cuối năm	Chữ kí của giáo viên bộ môn
Toán			
Ngữ văn			
Khoa học tự nhiên			
Khoa học xã hội			
Công nghệ			
Tin học			
Hoạt động Giáo dục			
Giáo dục Công dân			
Ngoại ngữ			

Trường: **Huyện:** **Tỉnh:**

- Có chứng chỉ nghề phổ thông:..... Loại:.....

- Kết quả tham gia các cuộc thi, các hoạt động giáo dục:

.....
.....
.....
.....

- Khen thưởng:

.....
.....
.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TRONG HÈ

(Nhằm hoàn thành chương trình lớp học)

(Nếu có)

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Được lên lớp hoặc ở lại lớp, với những gì cần được quan tâm giúp đỡ thêm về phẩm chất, năng lực)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Họ và tên: **Lớp:** **Năm học 20** **- 20**

Môn học	Những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh	Điểm kiểm tra định kì cuối năm	Chữ kí của giáo viên bộ môn
Toán			
Ngữ văn			
Khoa học tự nhiên			
Khoa học xã hội			
Công nghệ			
Tin học			
Hoạt động Giáo dục			
Giáo dục Công dân			
Ngoại ngữ			

Trường: **Huyện:** **Tỉnh:**

- Có chứng chỉ nghề phổ thông:..... Loại:.....

- Kết quả tham gia các cuộc thi, các hoạt động giáo dục:

.....

.....

.....

- Khen thưởng:

.....

.....

.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TRONG HÈ
(Nhằm hoàn thành chương trình lớp học)
(Nếu có)

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(Được lên lớp hoặc ở lại lớp, với những gì cần được quan tâm giúp đỡ thêm về phẩm chất, năng lực)
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Họ và tên: **Lớp:** **Năm học 20** **- 20**

Môn học	Những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh	Điểm kiểm tra định kì cuối năm	Chữ kí của giáo viên bộ môn
Toán			
Ngữ văn			
Khoa học tự nhiên			
Khoa học xã hội			
Công nghệ			
Tin học			
Hoạt động Giáo dục			
Giáo dục Công dân			
Ngoại ngữ			

Trường: **Huyện:** **Tỉnh:**

- Có chứng chỉ nghề phổ thông:..... Loại:.....

- Kết quả tham gia các cuộc thi, các hoạt động giáo dục:

.....
.....
.....

- Khen thưởng:

.....
.....
.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TRONG HÈ

(Nhằm hoàn thành chương trình lớp học)

(Nếu có)

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Được lên lớp hoặc ở lại lớp, với những gì cần được quan tâm giúp đỡ thêm về phẩm chất, năng lực)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỌC SINH TỰ NHẬN XÉT VỀ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN

(Về quá trình và kết quả học tập, rèn luyện: những đặc điểm nổi bật; sự tiến bộ, hạn chế; mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập; năng khiếu, hứng thú các môn học/hoạt động trải nghiệm)

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP CUỐI CẤP
(Kí, ghi rõ họ tên)

HỌC SINH
(Kí, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THCS:.....

Huyện/ Quận/ Thị xã:.....

Tỉnh/ Thành phố:.....

SỔ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Sử dụng cho mô hình trường học mới VNEN)

LỚP

NĂM HỌC 20 - 20

TRƯỜNG THCS:.....

Huyện/ Quận/ Thị xã:.....

Tỉnh/ Thành phố:.....

SỔ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

TRUNG HỌC CƠ SỞ

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Xã (phường, thị trấn): Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh):

Tỉnh (Thành phố):

LỚP :..... NĂM HỌC: 20-20.....

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nam/nữ	Dân tộc	Còn LS, còn TB, còn BB, còn của người được hưởng chế độ như TB, còn GD có công với CM	Chỗ ở hiện tại
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							
36							
37							
38							
39							
40							
41							
42							
43							
44							
45							
46							
47							
48							
49							
50							

HỌC SINH

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp <i>(hoặc người giám hộ)</i>	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp <i>(hoặc người giám hộ)</i>	Những thay đổi cần chú ý <i>(gia đình, nơi ở, sức khỏe)</i>	Số ngày nghỉ học trong năm		Kết quả học tập, rèn luyện	
				Có phép	Không phép	Lên lớp	Ở lại lớp
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							
36							
37							
38							
39							
40							
41							
42							
43							
44							
45							
46							
47							
48							
49							
50							

Ghi chú: Số TT ở trang này là số TT tên HS ở trang 2

HỌC KÌ I

Số TT	Họ và tên	Điểm bài kiểm tra định kì								
		Toán	Ngữ Văn	Khoa học tự nhiên	Khoa học xã hội	Công nghệ	Tin học	Giáo dục Công dân	Hoạt động giáo dục	Ngoại ngữ
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
11										
12										
13										
14										
15										
16										
17										
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										
30										
31										
32										
33										
34										
35										
36										
37										
38										
39										
40										
41										
42										
43										
44										
45										
46										
47										
48										
49										
50										

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm khi bắt đầu học kì 2 (nếu có)
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm khi bắt đầu học kì 2 (nếu có)
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm khi bắt đầu học kì 2 (nếu có)
21			
22			
23			
24			
25			
26			
27			
28			
29			
30			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm khi bắt đầu học kì 2 (nếu có)
31			
32			
33			
34			
35			
36			
37			
38			
39			
40			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm khi bắt đầu học kì 2 (nếu có)
41			
42			
43			
44			
45			
46			
47			
48			
49			
50			

HỌC KÌ II

Số TT	Họ và tên	Điểm bài kiểm tra định kì								
		Toán	Ngữ Văn	Khoa học tự nhiên	Khoa học xã hội	Công nghệ	Tin học	Giáo dục Công dân	Hoạt động giáo dục	Ngoại ngữ (Tiếng)
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
11										
12										
13										
14										
15										
16										
17										
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										
30										
31										
32										
33										
34										
35										
36										
37										
38										
39										
40										
41										
42										
43										
44										
45										
46										
47										
48										
49										
50										

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm trong hè và bắt đầu năm học mới (nếu có)
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm trong hè và bắt đầu năm học mới (nếu có)
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm trong hè và bắt đầu năm học mới (nếu có)
21			
22			
23			
24			
25			
26			
27			
28			
29			
30			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm trong hè và bắt đầu năm học mới (nếu có)
31			
32			
33			
34			
35			
36			
37			
38			
39			
40			

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình; những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm trong hè và bắt đầu năm học mới (nếu có)
41			
42			
43			
44			
45			
46			
47			
48			
49			
50			

XẾP LOẠI CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Xếp loại		TS ngày nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Xếp loại sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè		Danh hiệu thi đua	Tổng hợp chung
		Năng lực	Phẩm chất				Năng lực	Phẩm chất		
1										Tổng số học sinh:
2										
3										
4										
5										
6										Được lên lớp:
7										
8										
9										
10										
11										Không được lên lớp:.....
12										
13										
14										
15										
16										Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè:.....
17										
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
27										
28										
29										
30										
31										
32										
33										
34										
35										
36										Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
37										
38										
39										
40										
41										
42										
43										
44										
45										
46										
47										
48										
49										
50										

Chú: Số TT ở trang này là số TT ở trang 2

NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ SỬ DỤNG SỔ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu